

Bản tin

THÔNG TIN

KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

Chịu trách nhiệm xuất bản

ThS. Trần Ngọc Tuấn

Trưởng Ban Biên tập

ThS. Nguyễn Đăng Tuấn

Thư ký Tòa soạn

CN. Lưu Văn Lộc

Tòa soạn và Trị sự

Trung tâm Ứng dụng và

Thống kê khoa học và

công nghệ Quảng Bình

ĐC: Phường Bắc Lý

TP. Đồng Hới - Quảng Bình

ĐT: (0232) 3840357

3825 601 - 3825 602

Fax: (0232) 3851215

Email: ttkhcnquangbinh@gmail.com

Giấy phép xuất bản

Số 08/GP-STTTT do Sở

Thông tin và Truyền thông

cấp ngày 25/8/2020

In tại Công ty CP

In & Quảng Cáo Thiên - Phúc

98/1 Hữu Nghị - TP. Đồng Hới - QB

In xong và nộp lưu chiểu

tháng 4/2021

Ảnh bìa 1: Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 là ngày hội của toàn dân tộc Việt Nam

Ảnh: Đỗ Như Điểm

Trong số này

* KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

- Phát triển Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo quốc gia tại Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh 3
- Hội đồng Cố vấn khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia: Đồng hành cùng startup 3
- Việt Nam có ba đại diện được vinh danh dẫn đầu về đổi mới sáng tạo khu vực Nam Á và Đông Nam Á 4
- Chiến lược “giữ chân” người tài trong thời dịch 5
- Khai phá thế hệ vàng khởi nghiệp sáng tạo 6
- Giải pháp D2C kết nối trực tiếp doanh nghiệp và người dùng 8

* NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- Một số kết quả nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2015-2020
Nguyễn Diên An 11
- Liên kết sản xuất theo chuỗi góp phần thúc đẩy ngành nông nghiệp phát triển bền vững - **Trần Thị Hồng Duyên** 14
- Hỗ trợ và phát triển mạnh các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình - **Trần Hữu Thân** 16
- Tập trung xây dựng các mô hình khuyến nông hiệu quả - **Thùy Trang** 18
- Tổng điều tra kinh tế năm 2021: Một số điểm mới và khó khăn vướng mắc - **Trần Quốc Lợi** 22
- Hoạt động ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở huyện Minh Hóa
Lưu Văn Lộc 24
- Huyện Lệ Thủy hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế từ mô hình kinh tế hợp tác xã - **Hồng Mến** 26

- Hướng đi mới cho nghề nuôi cua đồng thương phẩm - Phạm Thảo	27
- Xây dựng mật ong Trường Xuân thành nông sản sạch, bền vững - Thái Toàn	29
- Hiệu quả từ những mô hình phát triển kinh tế của một địa phương thuần nông	31
Lê Chiêu Phùng	
- Xây dựng ứng dụng cảnh báo trộm, cướp có sử dụng súng dựa trên mạng nơ-ron nhân tạo	33
Nguyễn Duy Linh	
- Trường Trung học cơ sở Quách Xuân Kỳ xứng danh mang tên một anh hùng	37
Phạm Trung Kiên	
- Bầu cử - Ngày hội dân chủ của toàn dân - Nguyễn Văn Thanh	40
- Tuyên Hóa - Vùng đất của người Việt xưa - Trần Thị Diệu Hồng	42

*** KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

- Nâng cao hiệu quả các hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn thư và giám sát việc giải quyết đơn thư của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Bình - Nguyễn Ngọc Phương	45
- Thực trạng và giải pháp nâng cao sự thành công của doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình - Trần Tự Lực	49

*** TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

- Lễ chuyển giao ứng dụng kết quả đề tài, dự án nghiên cứu KH&CN - V.C	57
- Nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN: “Giải pháp nâng cao chất lượng công tác kiểm tra giám sát của cấp ủy các cấp tỉnh Quảng Bình trong giai đoạn hiện nay” - T.N	58
- Thể lệ Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Quảng Bình lần thứ IX (năm 2021) - BBT	59
- Mẫu Phiếu đăng ký dự thi Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Quảng Bình lần thứ IX (Năm 2021) - BBT	63
- Bản mô tả sáng kiến, cải tiến kỹ thuật tham gia Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Quảng Bình lần thứ IX (Năm 2021) - BBT	64

PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO QUỐC GIA TẠI HÀ NỘI, ĐÀ NẴNG VÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thủ tướng Chính phủ vừa ban hành Quyết định số 188/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025.

Theo đó, Thủ tướng quyết định bổ sung mục tiêu của đề án là xây dựng hệ thống trung tâm đổi mới sáng tạo hỗ trợ nghiên cứu phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, bảo đảm vận hành thành công các trung tâm với các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, cạnh tranh so với khu vực và quốc tế; phát triển Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo quốc gia tại 3 thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh và các trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các bộ, ngành, địa phương, tổ chức có tiềm năng về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Phát triển mạng lưới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, khuyến khích sự tương tác, kết nối nguồn lực trong hệ thống các trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và các chủ thể trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong nước, nước ngoài; đến năm 2025, có chương trình hợp tác với đối tác quốc tế tại ít nhất 5 hệ sinh thái khởi

ngiệp đổi mới sáng tạo có uy tín trên thế giới.

Tầm nhìn đến năm 2030, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đạt xếp hạng trong 15 hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo mới nổi của khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Quyết định cũng sửa đổi, bổ sung quy định về các hoạt động của đề án. Cụ thể, hình thành và hỗ trợ phát triển mạng lưới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia với các nội dung hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động như xây dựng, phát triển mạng lưới tổ chức, cá nhân khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, thu hút nguồn lực quốc tế hỗ trợ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong nước; hợp tác với chuyên gia, tổ chức quốc tế trong đào tạo, huấn luyện, tư vấn chuyển giao công nghệ, đầu tư, phát triển thị trường; mời chuyên gia, cố vấn, người Việt Nam thành công ở nước ngoài đến làm việc, tư vấn thường xuyên, cung cấp dịch vụ cho các khu dịch vụ tập trung hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở phạm vi ngành, vùng, địa phương, cơ sở; tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn cấp cao mạng lưới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hàng năm, ở quy mô quốc gia, quốc tế ■

Bản tin KNĐMST số 6/2021

HỘI ĐỒNG CỐ VẤN KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA: ĐỒNG HÀNH CÙNG STARTUP

Hội đồng ra đời với mục tiêu cao cả nhất, vì trách nhiệm cộng đồng, cống hiến giá trị bản thân cho xã hội, đào tạo, cố vấn, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho các dự án.

Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được coi là một trong những động lực then chốt thúc đẩy

phát triển kinh tế, là “chìa khóa” để Việt Nam chuyển đổi từ mô hình kinh tế truyền thống, vốn dựa vào lao động giá rẻ và tài nguyên thiên nhiên, sang mô hình tăng trưởng mới dựa trên năng suất và đổi mới sáng tạo. Chính vì vậy, các cấp, ngành, địa phương cần tích cực vào cuộc, tăng cường kết nối để tận dụng

hiệu quả các nguồn lực, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo...

Cùng với việc xây dựng, hình thành và phát triển hệ sinh thái (HST) khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, Hội đồng Cố vấn khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia (VSMA) ra đời với sứ mệnh sẽ trở thành một cầu phân quan trọng của Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Gắn với mục tiêu Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” (Đề án 844) của Thủ tướng Chính phủ do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì và thực hiện. Sự ra đời của VSMA cũng chính là sự nối tiếp và phát triển kết quả thực hiện một số nhiệm vụ đào tạo huấn luyện viên, cố vấn khởi nghiệp sáng tạo của Đề án 844 do Tạp chí Diễn đàn Doanh nghiệp (DĐDN) chủ trì thực hiện trong 2 năm 2018-2019.

VSMA hoạt động trên nguyên tắc vì trách nhiệm cộng đồng, cống hiến giá trị của bản thân cho xã hội. Đồng thời đây cũng là một tổ chức thành viên của Chương trình Khởi nghiệp quốc gia, được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc

tự nguyện, bình đẳng, hiệp thương dân chủ, thống nhất hành động và cứ 3 năm một lần, Hội đồng sẽ họp tổng kết và đánh giá những thành tích đã đạt được và đưa ra phương hướng hoạt động cho 3 năm tiếp theo.

VSMA triển khai nhiều hoạt động trực tiếp như: Đào tạo nâng cao năng lực, xây dựng và hình thành đội ngũ cố vấn các địa phương; Cố vấn trực tiếp cho các doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST; Các hoạt động tư vấn, đánh giá và xây dựng HST địa phương dựa trên lợi thế và nguồn lực, thế mạnh của từng vùng, địa phương...; Tiến tới xây dựng một nền tảng để kết nối mạng lưới cố vấn với những người khởi nghiệp, Ban Điều hành do Hội đồng thành lập sẽ sắp xếp người điều phối trên nền tảng này.

Với sự nỗ lực, công hiến, tâm huyết và trách nhiệm với xã hội của các thành viên VSMA, Hội đồng kỳ vọng sẽ trở thành một tổ chức tiên phong, lan tỏa tinh thần và chuyển tải thông điệp về ĐMST một cách đúng đắn nhất, góp phần vào sự phát triển kinh tế ■

Bản tin KNĐMST số 1/2021

VIỆT NAM CÓ BA ĐẠI DIỆN ĐƯỢC VINH DANH DẪN ĐẦU VỀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO KHU VỰC NAM Á VÀ ĐÔNG NAM Á

Trong danh sách các tổ chức dẫn đầu về đổi mới sáng tạo năm 2020 trong khu vực Nam Á và Đông Nam Á của công ty dữ liệu Clarivate, Việt Nam có ba đại diện, gồm Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam và Tập đoàn Viettel.

Clarivate, tổ chức Anh quốc hàng đầu thế giới về cung cấp dữ liệu tin cậy để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, mới đây đã công nhận 235 tổ chức dẫn đầu về đổi mới sáng tạo, bao gồm các trường đại học, cơ quan nghiên cứu của chính

phủ và các tập đoàn công nghệ năm 2020 khu vực Nam Á và Đông Nam Á. Trong đó, 28 tổ chức được Clarivate trao Giải thưởng Đổi mới sáng tạo 2020 (Innovation Awards 2020).

Các giải thưởng được trao dựa trên những tiêu chí như số lượng bằng sáng chế, số lượng trích dẫn, thành công của bằng sáng chế và mức độ toàn cầu hóa - sử dụng dữ liệu về bằng sáng chế từ Patents Index™ (DWPI) và Derwent Patent Citations Index™ (DPCI).

Trường Đại học Bách khoa Hà Nội trở thành trường đại học đầu tiên ở Việt Nam được

Clarivate trao giải thưởng này. Kết quả này là thành quả của sự nỗ lực thực hiện định hướng phát triển của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội trong những năm vừa qua - coi phát triển KH&CN, thúc đẩy đổi mới sáng tạo là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường. Trường Đại học Bách khoa Hà Nội đã thành lập một hệ sinh thái để thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo bao gồm hệ thống doanh nghiệp trong nhà trường (BK-Holdings); bộ phận hỗ trợ thương mại hóa các phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích (BK-TTO); quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (BKFund)...

Trong các hạng mục khác, Việt Nam có thêm hai đại diện vinh dự nhận giải này bao gồm Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam (hạng mục Tổ chức nghiên cứu của Chính phủ) và

Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội Viettel (hạng mục Doanh nghiệp).

Clarivate là công ty sở hữu khối lượng lớn dữ liệu về các tạp chí, bài báo, sáng chế, sở hữu trí tuệ trên toàn thế giới, dẫn đầu toàn cầu trong việc cung cấp thông tin chi tiết và phân tích tin cậy về uy tín chất lượng nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, trong đó có danh mục các bài báo ISI. Cơ sở dữ liệu chuyên gia của Clarivate gồm hơn 8.500 chuyên gia tại hơn 40 quốc gia trên toàn cầu.

Hàng năm, Clarivate công bố danh sách các tổ chức đổi mới sáng tạo toàn thế giới và tại các châu lục, khu vực chia thành các nhóm: Cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức nghiên cứu của Chính phủ và Doanh nghiệp ■

Bản tin KNĐMST số 1/2021

CHIẾN LƯỢC “GIỮ CHÂN” NGƯỜI TÀI TRONG THỜI DỊCH

Trong bối cảnh dịch bệnh, dù gặp khó khăn, nhưng các startup vẫn rất cần “giữ chân” những nhân sự giỏi, chờ thời cơ để bứt phá trở lại.

Cắt giảm nhân sự là giải pháp cuối cùng

Vì tập trung vào mục tiêu kinh doanh, nên đôi khi chiến lược quản trị nhân sự bài bản bị các nhà sáng lập lãng quên, dẫn đến tình trạng người tài rời đi chỉ sau một thời gian làm việc. Đặc biệt, khi đại dịch Covid-19 bùng phát, bài toán giữ chân người tài, chờ thời cơ và bứt phá trở lại được đặt ra đối với các startup ở mọi quy mô.

Thông thường, khi gặp khó khăn về kinh doanh, dòng vốn, startup hay nghĩ đến cắt giảm nhân sự. Song các chuyên gia cho rằng, đây chỉ là giải pháp cuối cùng, bởi nhân sự là phần xương sống cho hoạt động của bất kỳ tổ chức nào. Trước khi đi đến bước này, người lãnh đạo hãy nghĩ đến các phương án tối ưu hóa chi phí, cắt giảm chi phí không cần thiết như thuê mặt bằng, quảng cáo, đi lại...

Theo ông Nguyễn Hữu Bình, CEO TopDev (công ty chuyên về nhân sự ngành công nghệ thông tin), thời điểm này, startup nên chuyển sang giai đoạn “mài dao, mài kéo”, tiết kiệm chi phí, khoan tính đến chuyện giảm lương. Giai đoạn dịch bệnh cũng là bước khảo nghiệm vàng dành cho các công ty công nghệ để thực hiện hai nhiệm vụ chính, gồm soi lại sản phẩm, hoạt động của chính mình và tập trung cải tiến, xây dựng sản phẩm mới - những điều mà trước đây chưa có thời gian, điều kiện thực hiện. Trong khi đó, ông Nguyễn Hoàng Hải, đồng sáng lập Canavi.com (chuyên nhân sự về lĩnh vực du lịch, bán lẻ...) cho rằng, giải pháp cấp bách hơn đối với startup là tìm cách tạo ra doanh thu. Trong giai đoạn dịch bệnh, tiền có thể sẽ không về ngay, nhưng nếu làm tốt công tác thu thập dữ liệu khách hàng, chuẩn bị sẵn các bước..., thì khi dịch bệnh lắng xuống, doanh nghiệp có thể lập tức tận dụng thời cơ, tạo đà bứt phá.

Chiến lược bước vào “thời chiến”

Bà Phạm Lan Khanh, người sáng lập và là CEO FreelancerViet.vn khuyến nghị, nếu doanh nghiệp không có nguồn thu, các nhà sáng lập có thể nghĩ đến phương án chia sẻ quyền lợi cho nhân viên bằng cách bàn lại các điều khoản nhận lương hoặc giảm lương, nếu công ty phát triển trở lại sẽ có chính sách chia cổ phần cho họ.

Chẳng hạn, nhà sáng lập có thể thương lượng mời nhân sự giỏi bằng quyền mua cổ phiếu ưu đãi trong một khoảng thời gian, nếu nhân sự này gắn bó và có đóng góp tích cực. Nhân sự có quyền từ chối mua cổ phiếu nếu thấy không có lợi. Ngược lại, doanh nghiệp chỉ có quyền từ chối bán cổ phiếu cho nhân sự này nếu họ không hoàn thành các cam kết. Bên cạnh đó, chủ doanh nghiệp cần “tiếp lửa” cho các nhân viên bằng các định hướng cụ thể, hợp khích lệ tinh thần... Đây chính là một trong những giải pháp giúp giữ chân người giỏi, đồng lòng cùng công ty đi qua mùa dịch. Sáng lập công ty có thể xoay chuyển tình thế bằng cách biến mỗi nhân viên thành một nhân viên kinh doanh. Nếu mỗi người đều mang đến doanh

thu, thì doanh nghiệp có thể sống sót, tạo bàn đạp phát triển mạnh mẽ. Với những công việc không thường xuyên, hãy tận dụng đội ngũ lao động tự do, thuê ngoài. Đây là một trong những xu hướng chuyển dịch nhân sự không chỉ hiện tại, mà trong cả tương lai. Cuối cùng, việc startup cần phải làm là xác định văn hóa doanh nghiệp với kỷ luật là phương án được các chuyên gia đưa ra. Khi doanh nghiệp bước vào thời chiến, thì KPI, OKR (khuôn khổ quản trị theo mục tiêu và kết quả then chốt), kỷ luật lao động phải gấp đôi đến gấp ba so với bình thường. Lúc này, trưởng nhóm, lãnh đạo phải theo dõi từng công việc để tìm ra điểm yếu và khắc phục nhanh chóng. Mỗi ngày, các công ty có thể tổ chức họp mặt đầu ngày và kiểm tra hiệu quả công việc cuối ngày. Điều này không chỉ tăng khả năng tự giác cho nhân viên, mà còn rèn luyện khả năng ứng phó của họ trong bất cứ thời điểm khó khăn nào của doanh nghiệp.

“Nếu công ty nào xây dựng được văn hóa này, thì sau dịch, khả năng hoạt động của họ sẽ tăng cao hơn cả trước dịch”, ông Bình khẳng định ■

Bản tin KNĐMST số 8/2021

KHAI PHÁ THẾ HỆ VÀNG KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

Đề án hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp tập trung vào các trường đại học, học viện, trường cao đẳng và trường trung cấp thúc đẩy công tác hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp sáng tạo, hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia.

Theo thống kê của Bộ KH&CN, Việt Nam hiện có hơn 1.400 tổ chức có năng lực hỗ trợ khởi nghiệp, trong đó có 196 khu làm việc chung, 69 vườn ươm doanh nghiệp và 28 tổ chức thúc đẩy kinh doanh được thành lập.

Số lượng quỹ đầu tư mạo hiểm coi Việt Nam là thị trường mục tiêu hoặc có hoạt động tại Việt Nam hiện nay là 108 quỹ, trong đó có

23 quỹ có pháp nhân Việt Nam, 23 quỹ thuần Việt. Việt Nam có 2 doanh nghiệp khởi nghiệp có định giá trên 1 tỷ USD và khoảng 10 doanh nghiệp khởi nghiệp có định giá hơn 100 triệu USD. Mặc dù đã có nhiều khởi sắc, song hệ sinh thái khởi nghiệp ở nước ta vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế. Đặc biệt, chưa có được hệ sinh thái khởi nghiệp hoàn chỉnh để thúc đẩy, nuôi dưỡng khởi nghiệp, lập nghiệp. Việc hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp còn nhiều khó khăn về vốn, pháp lý, đăng ký sở hữu trí tuệ, tính đồng bộ...

Đại diện Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa Hà Nội cho biết, mỗi năm thành

phổ có từ 25.000 đến 28.000 doanh nghiệp thành lập mới, song số doanh nghiệp khởi nghiệp thành công và gọi được vốn đầu tư từ những quỹ đầu tư chiếm tỷ lệ rất ít (khoảng 0,1%). Phần lớn doanh nghiệp khởi nghiệp hiện nay là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, phát triển kinh doanh trên nền tảng kỹ thuật số. Về tình trạng trên, ông Phan Bá Mạnh, sáng lập Công ty Công nghệ vận tải An Vui cho hay, hiện quy trình đầu tư doanh nghiệp khởi nghiệp đang áp dụng chung với nhóm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài từ 1 triệu USD trở lên, thực hiện theo quy trình thủ tục đầu tư nước ngoài. Vì vậy, nhiều doanh nghiệp khi đàm phán xong sẽ chuyển sang quốc gia khác thành lập doanh nghiệp để thuận lợi trong việc nhận vốn góp.

Thực tế, cơ chế, chính sách hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo còn không ít bất cập. Đơn cử, Nghị định số 38/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, quy định các nhà đầu tư tư nhân có thể thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo nhưng không được thành lập tư cách pháp nhân.

Ngoài ra, chỉ được tối đa 30 nhà đầu tư góp vốn thành lập quỹ, đầu tư không quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo... Đây là những quy định chưa phù hợp với đặc thù gọi vốn của các startup. “Các quy định hiện hành thực tế đang có nhiều điểm nghẽn đối với tiến trình đổi mới sáng tạo”, Thứ trưởng Bộ KH&CN Trần Văn Tùng cho biết.

Để phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp cần có sự nỗ lực và phối hợp, kết nối từ các cấp, ngành, doanh nghiệp khởi nghiệp đến các chủ thể trong hệ sinh thái. Phó Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) Hoàng Quang Phòng cho biết, hiện VCCI đang tập hợp được đội ngũ chuyên gia, cố vấn khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hàng đầu tại Việt Nam để triển khai các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp chuyên sâu và cao cấp.

Liên quan đến vấn đề này, Bộ trưởng Bộ KH&CN Huỳnh Thành Đạt cho rằng, để thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, thời gian tới, ngoài việc tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế hiện hành, nước ta sẽ tập trung vào các hoạt động chính, như: Hình thành các mô hình liên kết giữa Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp phát triển các không gian sáng tạo, khu làm việc chung hỗ trợ khởi nghiệp; tập trung phát triển, liên kết các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo.

Đặc biệt là tại các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu, từ đó khuyến khích và đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu, hình thành các doanh nghiệp khởi nghiệp mạnh từ khu vực này. Khai thác cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phòng thí nghiệm, khu thử nghiệm của các cơ sở đào tạo, giáo dục nghề nghiệp để hình thành các khu hỗ trợ kỹ thuật cho khởi nghiệp; lấy trí tuệ, con người làm giá trị cốt lõi để đổi mới sáng tạo.

Đơn cử như đề án hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đến năm 2025. Hiện nay, các trường đại học, học viện, trường cao đẳng và trường trung cấp đã có kế hoạch triển khai công tác hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp.

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển quan trọng nhờ vào sự hình thành của nền kinh tế số. Với thuận lợi là một quốc gia có tốc độ tăng trưởng GDP cao ở Đông Nam Á, thu nhập GDP bình quân đầu người cũng có chiều hướng tăng. Qua đó giúp các startup Việt tận dụng lợi thế sân nhà để xây dựng nền tảng ban đầu vững chắc rồi từ đó tiến dần ra khu vực Đông Nam Á và xa hơn là ra thị trường toàn cầu.

Hiện có 91% người Việt được khảo sát cho biết họ xem chuyện bắt đầu một công việc kinh doanh mới như một cơ hội nghề nghiệp đáng ao ước. 95% có thái độ tích cực với tinh thần khởi nghiệp, làm chủ. Đồng thời, 96% người

Việt được khảo sát cũng cho rằng họ hoàn toàn cảm thấy thoải mái với việc tìm kiếm và thu hút khách hàng tiềm năng. 76% người Việt trả lời là để được độc lập trong kinh doanh và tự chủ trong công việc kinh doanh của mình, và đây là lý do chính của việc Việt Nam dẫn đầu bảng khảo sát.

Mặc dù, nhiều người nói Việt Nam đang rất cởi mở và nhiều cơ hội cho các startup. Nhưng để có một startup thành công thì không phải là

việc dễ dàng. Khởi nghiệp là một cuộc đua marathon trường kỳ, ai kiên gan nhất sẽ là người cười cuối cùng, cho dù bạn có nhận được nhiều hỗ trợ và đang sống trong hệ sinh thái tốt đến như thế nào.

Kiên định chính là một phẩm chất sống còn của một startup, kiên nhẫn với đam mê và mục tiêu mà mình đã chọn lựa ban đầu thì mới có thể đến thời gian bùng cháy ■

Bản tin KNĐMST số 1/2021

GIẢI PHÁP D2C KẾT NỐI TRỰC TIẾP DOANH NGHIỆP VÀ NGƯỜI DÙNG

Công ty Gigan cung cấp giải pháp D2C giúp doanh nghiệp làm chủ chuỗi cung ứng sản phẩm, vận hành và phân phối hàng hóa trực tiếp đến tay người dùng.

Gigan là công ty dịch vụ truyền thông thành lập từ tháng 8/2019, mang đến mô hình D2C (Direct to Customer) giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí phân phối qua đại lý, sàn thương mại, loại bỏ khâu bán lẻ trung gian, đưa sản phẩm trực tiếp đến khách hàng.

D2C - Mô hình kết nối doanh nghiệp và khách hàng

D2C là mô hình kinh doanh đã phát triển nhiều năm trên thế giới, đóng vai trò quan trọng trong ngành bán lẻ. Trong đó doanh nghiệp phân phối trực tiếp sản phẩm đến khách hàng thông qua cửa hàng chính hãng, website mà không cần qua bất kỳ kênh phân phối khác. Khách hàng khi nhận sản phẩm cũng không lo mua phải hàng giả, kém chất lượng, giúp tăng độ tin cậy. Những ngành hàng phù hợp với mô hình D2C có thể kể đến như giày da, mỹ phẩm, đồ gia dụng...

Theo khảo sát của Shopify, có đến hơn 40% khách hàng mong muốn mua những sản phẩm ở những công ty áp dụng mô hình D2C trong những năm tới, 81% cho biết rằng

họ sẽ mua thêm nhiều lần nữa trong 5 năm tiếp theo.

Trên thế giới, những thương hiệu đã thành công với mô hình này phải kể đến như Him, Casper, Warby Parker, Me Undies... Tại Việt Nam, mô hình kinh doanh này được nhiều doanh nghiệp ứng dụng thành công như Canifa, Juno, Vitayes, Saffron... Điểm chung của các thương hiệu là loại bỏ kênh trung gian gồm nhà phân phối, đại lý, cửa hàng bán lẻ, giúp doanh nghiệp đến gần hơn với khách hàng mục tiêu, tối ưu hóa lợi nhuận. Các thương hiệu này sở hữu toàn bộ chuỗi giá trị khách hàng, chủ động nghiên cứu, phát triển, thiết kế, sản xuất, tiếp thị và phân phối.

Ông Trần Quốc Kỳ - nhà sáng lập Gigan nhận định: “Thách thức lớn nhất đối với những doanh nghiệp làm D2C là chịu trách nhiệm hoàn toàn về phân phối, đòi hỏi doanh nghiệp phải nỗ lực gấp hàng chục lần để làm cho thương hiệu nổi bật. Gigan ra đời nhằm giải quyết những khó khăn của doanh nghiệp trong quá trình phát triển mô hình D2C”.

Nhà sáng lập Gigan đánh giá hoạt động mua hàng online ở thị trường Việt Nam và trong khu vực sẽ tăng trưởng ít nhất 30% trong thời gian tới. Những doanh nghiệp chưa từng



Văn phòng công ty Gigan Joint Stock Company tại TP. Hồ Chí Minh

Ảnh: TL

làm trên nền tảng này nên bắt đầu chuyển dịch ngay từ những việc nhỏ nhất, đầu tư theo phương thức liệu cơm gắp mắm để giám sát tốt nhất từng hạng mục.

Để chuyển đổi, doanh nghiệp nên có những phương pháp, công cụ, phát triển công nghệ để hiểu và tiếp cận khách hàng một cách tốt hơn. Để triển khai, Gigan thực hiện hai giải pháp giúp doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, phát triển hệ thống, thúc đẩy truyền thông cho doanh nghiệp trên môi trường trực tuyến. Startup triển khai các dịch vụ trọn gói cho khách hàng như thiết kế, xây dựng nội dung, tạo kênh tương tác giúp người tiêu dùng ghé thăm trang chủ của doanh nghiệp, tạo quảng cáo cho doanh nghiệp bằng banner, Facebook, Google và bài viết truyền thông.

Kỳ vọng thị trường

Trần Quốc Kỳ - Nhà sáng lập Gigan là chuyên gia trong lĩnh vực hiệu suất kỹ thuật số (Digital Performance) và tiếp thị liên kết

(Affiliate Marketing). Anh từng triển khai nhiều dự án trên môi trường thương mại điện tử và liên kết cho Lazada, Tiki, Shopee, Nguyen Kim, Sendo, Booking.com... mang về doanh thu lớn cho các doanh nghiệp này. Trước khi trở thành CEO của Gigan, Trần Quốc Kỳ là đồng sáng lập Chin Media và là thành viên sáng lập ULU.vn.

Với nhiều năm kinh nghiệm, nhà sáng lập dự án Gigan luôn trăn trở làm thế nào để bảo vệ người tiêu dùng cuối trên môi trường mua sắm online, trao cho khách hàng đúng giá trị sản phẩm mà họ kỳ vọng. Từ những kinh nghiệm đã có ở Chin Media, Quốc Kỳ muốn hỗ trợ doanh nghiệp xuyên suốt từ khâu đặt hàng, chăm sóc, giao hàng đến người dùng, kiểm soát chặt quy trình để đảm bảo quyền lợi cho người dùng. “Tôi quyết định thành lập Gigan để thực hiện nhiệm vụ phát triển dịch vụ D2C cho thị trường, giúp doanh nghiệp phân phối sản phẩm một cách tiết kiệm chi phí”, CEO của

Gigan cho biết.

Mục tiêu tiếp theo mà nhà sáng lập Gigan đưa ra là giúp giảm hoạt động trung gian cho doanh nghiệp, từ đó giảm chi phí, giảm giá thành. Đồng thời, tạo cơ hội để doanh nghiệp tương tác trực tiếp với khách hàng, từ đó tạo ra sản phẩm tốt hơn.

Một tháng sau khi lên ý tưởng, Gigan Joint Stock Company được thành lập. Lý giải về tên công ty, Quốc Kỳ cho biết Gigan là từ viết tắt của Gigantic (khổng lồ). Nhà sáng lập mong muốn công ty sẽ lớn mạnh và đi lâu dài. “Đối với tôi, để hướng đến những điều to lớn, phải làm tốt những điều nhỏ nhất nhất. Tất cả mọi hoạt động từ kết nối, quan hệ bạn bè, khách hàng, ứng xử, làm việc đều phải hướng đến mục đích lâu dài, không bám theo những lợi ích trước mắt”, CEO Gigan nói.

Để tìm kiếm đội ngũ cùng đồng hành, Gigan đặt ra tiêu chí đáp ứng cho mỗi nhân sự gồm 5 yếu tố làm việc nhóm, tính logic, phát triển bản thân, kết nối cộng đồng và tự quản lý. Đến nay, số lượng nhân sự của Gigan đã ở con số 15 người. Từ số vốn ban đầu 500 triệu đồng, các cổ đông của Gigan đã thực hiện tái góp vốn, nâng tổng vốn dự án lên 5 tỷ đồng sau 9 tháng hoạt động.

Đại diện dự án cho biết các thành viên không sợ biến cố khi đầu tư số vốn lớn, vì mọi kế hoạch luôn được kiểm soát một cách hệ thống. Hội đồng cổ đông chấp nhận đầu tư từ 6 tháng đến 1 năm cho chuẩn chỉnh hệ thống, công cụ, công nghệ, văn phòng... có một nền tảng đủ vững rồi mới bắt đầu khởi chạy, mở rộng dự án. Sau 1 tháng thành lập, công ty đã có một số lượng khách hàng tìm đến và thành công nhất định. Sau 9 tháng, Gigan đã có khoảng 45 khách hàng trong và ngoài nước.

Thành quả thực tiễn

Với mô hình dịch vụ truyền thông, Gigan cam kết tạo đơn hàng trực tuyến cho doanh nghiệp. CEO Gigan đưa ra ví dụ cụ thể: “Một năm trung bình các đơn vị lớn trên thị trường

có thể chi ra 70-100 tỷ đồng cho các hoạt động tiếp thị truyền thông để bán hàng. Tuy nhiên, trên môi trường trực tuyến, chi phí doanh nghiệp bỏ ra chỉ khoảng 10% ngân sách, song lại thu về kết quả cao gấp nhiều lần”.

Đơn cử như Galle Watch - hệ thống cửa hàng chuyên phân phối các hãng đồng hồ đeo tay nam nữ nhập khẩu là một trong những khách hàng đến với Gigan và được thừa hưởng quả ngọt do chiến lược đúng đắn của đội ngũ dự án. Đại diện Gigan cho biết, ban đầu công ty nhận tư vấn cho Galle Watch về hệ thống fanpage, định hướng, chiến lược phát triển nội dung, chương trình quảng cáo... tạo hiệu quả bán hàng trực tuyến trong giai đoạn từ tháng 11 đến tháng 12/2019.

CEO của Gigan cho hay công ty đã giúp Galle Watch tăng trưởng 300% lợi nhuận trên online, cao hơn kỳ vọng 120% của khách hàng so với cùng kỳ năm 2018. Từ thành công ban đầu, khách hàng này ký tiếp hợp đồng để thực hiện chiến dịch quảng cáo xuyên tét với Gigan.

Theo CEO Gigan, về lâu dài công ty vẫn theo đuổi con đường D2C, hướng đến xây hệ thống giúp doanh nghiệp tối ưu chi phí, hoạt động trên môi trường trực tuyến. Trong Covid-19, đội ngũ Gigan đã phát triển công cụ Corowork để tặng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hỗ trợ cho nhân viên làm việc từ xa. Công ty phát triển hệ thống công cụ giám sát các hoạt động tiếp thị, giúp nhà quản lý nhìn được bức tranh toàn cảnh, góp phần tối ưu ít nhất 20% chi phí cho doanh nghiệp.

Trong thời điểm Covid-19 bùng phát, startup này cũng đã có một số động thái ngăn hạn chế “xoay chuyển” cục diện. Công ty đầu tư phát triển hệ thống công nghệ trước khi bắt đầu quay lại cuộc chinh phục thị trường. Đồng thời, đơn vị tạo ra dịch vụ chuyên gia tư vấn dành cho những doanh nghiệp đang muốn thay đổi, tối ưu hệ thống công cụ trong lĩnh vực marketing ■

Bản tin KNDMST số 41/2020

MỘT SỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH QUẢNG BÌNH GIAI ĐOẠN 2015-2020

NGUYỄN DIÊN AN

Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Bình

Trên thế giới hiện nay cuộc cách mạng khoa học và công nghệ (KH&CN) hiện đại đang tiếp tục phát triển với nhịp độ ngày càng nhanh, có khả năng tạo ra những thành tựu mang tính đột phá, khó dự báo trước và ảnh hưởng to lớn tới mọi mặt của đời sống xã hội loài người. Minh chứng cho sự vận động đó là rất nhiều quốc gia đang hướng đến cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 như một động lực nhằm thúc đẩy quá trình sản xuất. Theo đó, KH&CN đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, hàng đầu; biểu hiện sức mạnh của mỗi quốc gia tùy thuộc phần lớn vào năng lực, trình độ KH&CN quốc gia đó. Những lợi thế về nguồn tài nguyên thiên nhiên, giá lao động rẻ ngày càng trở nên ít quan trọng hơn, vai trò của nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, có năng lực sáng tạo ngày càng có ý nghĩa quyết định trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế. Chính khoa học là hệ thống những tri thức về mọi loại quy luật của vật chất và sự vận động của vật chất, những quy luật của tự nhiên, xã hội, tư duy để tạo ra những sản phẩm mà con người mong muốn. Nghiên cứu khoa học là hình thái để đưa ra một hệ thống tri thức về sự vật, giúp cho con người một công cụ nhận dạng thế giới, phân biệt được sự khác biệt về bản chất giữa một sự vật này với một sự vật khác. Để có cuộc sống hiện đại, văn minh như ngày hôm nay tất cả chúng ta đều phải xuất phát từ những nghiên cứu khoa học và ứng dụng những nghiên cứu đó vào thực tiễn sản

xuất kinh doanh và đời sống xã hội.

Trên cơ sở những ích lợi của nghiên cứu KH&CN, trong những năm gần đây, hoạt động nghiên cứu khoa học ngày càng được chú trọng, thể hiện qua số lượng và chất lượng các nhiệm vụ KH&CN triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Bình không ngừng tăng lên, kèm theo đó là hệ thống văn bản hướng dẫn trong công tác quản lý ngày càng được hoàn thiện.

Trong giai đoạn 2015-2020, được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Sở KH&CN Quảng Bình đã tổ chức quản lý việc triển khai thực hiện 93 đề tài, dự án nghiên cứu KH&CN. Trong đó lĩnh vực nông nghiệp có 11 đề tài (chiếm 12%), lĩnh vực khoa học xã hội có 39 đề tài (chiếm 42%), lĩnh vực y tế - môi trường có 13 đề tài (chiếm 14%), lĩnh vực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp có 01 đề tài (chiếm 2%), lĩnh vực công nghệ thông tin - giáo dục và đào tạo có 10 đề tài (chiếm 11%) và lĩnh vực điều tra cơ bản có 18 đề tài (chiếm 19%). Đặc biệt, trong giai đoạn này, Bộ KH&CN đã đầu tư hàng chục tỷ đồng cho việc thực hiện các dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh - quốc phòng, nâng cao đời sống của Nhân dân vùng nông thôn và đồng bào các dân tộc miền núi của tỉnh.

Qua thời gian triển khai thực hiện, kết quả của các đề tài, dự án nghiên cứu KH&CN giai đoạn từ năm 2015-2020 đã đạt một số thành

quả đáng kể trên nhiều lĩnh vực góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Lĩnh vực khoa học tự nhiên, điều tra cơ bản và bảo vệ môi trường: Hoạt động nghiên cứu KH&CN đã góp phần xác định ngày càng rõ hơn điều kiện tự nhiên, nguồn tài nguyên thiên nhiên và các vấn đề môi trường của địa phương phục vụ công tác quản lý, quy hoạch, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lãnh thổ, xây dựng và nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Nổi bật có các đề tài: Nghiên cứu, đánh giá những giá trị địa di sản (geoheritages) nổi bật, ngoại hạng của Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng nhằm đẩy mạnh phát triển du lịch; Khảo sát chất lượng và đề xuất giải pháp kỹ thuật thiết kế hệ thống tiếp đất phòng chống sét cho các tòa nhà và nhà ở của Nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Điều tra khảo sát và xây dựng chiến lược phát triển thương mại điện tử tỉnh Quảng Bình đến năm 2025; Nghiên cứu hiệu quả và tiềm năng phát triển các mô hình du lịch cộng đồng tại vùng đệm Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

Lĩnh vực giáo dục đào tạo và công nghệ thông tin: Các đề tài chủ yếu tập trung vào việc nghiên cứu các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục và đào tạo, nghiên cứu xây dựng và ứng dụng các chương trình phần mềm phục vụ quản lý điều hành của UBND tỉnh và các sở, ngành, địa phương. Nổi bật có các đề tài: Nghiên cứu xây dựng Từ điển điện tử phương ngữ Bru Vân Kiều - Việt; Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý văn bằng chứng chỉ ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Bình; Nghiên cứu xây dựng hệ thống hỗ trợ quản lý quá trình học tập và rèn luyện của học

sinh tại tỉnh Quảng Bình; Nghiên cứu thành lập bản đồ quản lý hệ thống thông tin hạ tầng cấp nước sinh hoạt trên địa bàn thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình; Nghiên cứu, xây dựng phần mềm báo cáo trực tuyến tỉnh Quảng Bình; Nghiên cứu đề xuất các giải pháp số hóa danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử Quảng Bình trên nền tảng công nghệ Web và kỹ thuật 3D-Panoramic.

Lĩnh vực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp: Đã tập trung vào việc triển khai các dự án sản xuất thử nghiệm, cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ, thiết bị tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ tạo ra sản phẩm có chất lượng và khả năng cạnh tranh cao; nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống từng bước được phục hồi góp phần giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động trong xã hội, các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp ngày càng đa dạng, mẫu mã được cải tiến nên được thị trường chấp nhận tiêu thụ ngày càng nhiều. Nổi trội có đề tài: Nghiên cứu phát triển các sản phẩm hàng hóa giá trị cao (đặc trưng) phục vụ du lịch tại tỉnh Quảng Bình.

Lĩnh vực kinh tế tổng hợp, nông, lâm, ngư nghiệp: Hoạt động nghiên cứu KH&CN chủ yếu tập trung khảo nghiệm các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất chất lượng cao, ứng dụng các kỹ thuật, quy trình mới trong sản xuất, bảo quản và chế biến sản phẩm đã góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích; tăng hiệu quả đầu tư. Ở lĩnh vực này có một số kết quả nghiên cứu nổi bật như: Nghiên cứu khả năng sinh sản khi lai giữa các giống bò đực hướng thịt: Brahman trắng, Droughmaster với bò cái Zebu và khả năng sinh trưởng phát triển của con lai F1 tại Quảng Bình; Điều tra dịch tễ học, định type vi rút cúm

gia cầm độc lực cao tại tỉnh Quảng Bình; Sản xuất thức ăn chăn nuôi từ phụ phẩm của quá trình chế biến tinh bột sắn; Phát triển mô hình trồng tỏi tập trung tại thị xã Ba Đồn và chuỗi cung ứng sản phẩm từ tỏi; Nghiên cứu thực trạng và xây dựng một số mô hình ứng dụng công nghệ thu hoạch, bảo quản, chế biến một số sản phẩm nông nghiệp; Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật theo hệ thống canh tác lúa cải tiến (SRI) phù hợp với biến đổi khí hậu trong sản xuất lúa tại Quảng Bình.

Lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng: Hoạt động nghiên cứu KH&CN đã góp phần đáng kể vào việc nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, hạ tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng. Một số đề tài có giá trị ứng dụng thực tiễn cao như: Nghiên cứu chất lượng thị giác sau ứng dụng đặt thể thủy tinh nhân tạo đa tiêu điều trị đục thể thủy tinh tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Bình; Nghiên cứu mật độ xương ở phụ nữ mãn kinh tại Bệnh viện hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới; Đánh giá hiệu quả một số biện pháp can thiệp nhằm nâng cao kiến thức, thái độ thực hành về phòng chống lây nhiễm vi rút viêm gan B tại cộng đồng miền núi và ven biển Quảng Bình; Nghiên cứu tỷ lệ nhiễm Human Papilloma virus và đặc điểm tế bào học cổ tử cung của phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Lĩnh vực khoa học xã hội: Hoạt động nghiên cứu KH&CN tập trung vào việc điều tra, nghiên cứu về văn hóa, lịch sử, kinh tế, xã hội, quản lý, giáo dục... góp phần xác định những giá trị văn hóa, lịch sử, du lịch và kinh tế, xã hội làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa - xã hội phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh - quốc phòng. Nổi bật như

một số đề tài: Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự đối với hoạt động của đạo công giáo trên địa bàn tỉnh Quảng Bình trong tình hình hiện nay; Nghiên cứu, định hướng bảo tồn Lễ hội Cầu ngư của ngư dân miền biển tỉnh Quảng Bình; Biên soạn từ điển phương ngữ Quảng Bình; Nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát triển đảng viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào theo đạo, các địa bàn vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và trong doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Có thể khẳng định rằng, giai đoạn 2015-2020, các đề tài, dự án nghiên cứu KH&CN được triển khai thực hiện đều tập trung vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa trọng điểm của tỉnh cũng như ứng dụng tiến bộ KH&CN phục vụ vào sản xuất, đời sống xã hội và quá trình phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn; hạn chế tình trạng nghiên cứu dàn trải, không hiệu quả. Kết quả nhiều đề tài, dự án, mô hình mang tính ứng dụng vào điều kiện thực tiễn của tỉnh Quảng Bình ngày càng cao; cung cấp các luận cứ khoa học phục vụ hoạch định các chủ trương, chính sách, quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; quy hoạch khai thác và sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản; đào tạo và nâng cao trình độ nhân lực, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc; đẩy mạnh hoạt động du lịch, dịch vụ và các ngành nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh; đóng góp tích cực vào sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, tạo ra được nhiều sản phẩm, hàng hóa có năng suất, chất lượng cao, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã - hội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ■

LIÊN KẾT SẢN XUẤT THEO CHUỖI GÓP PHẦN THÚC ĐẨY NGÀNH NÔNG NGHIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TRẦN THỊ HỒNG DUYÊN

Trung tâm Ứng dụng và Thống kê KH&CN Quảng Bình

Sản xuất nông nghiệp theo chuỗi liên kết từ nuôi trồng, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng bền vững. Vì vậy, những năm gần đây, các địa phương trong tỉnh Quảng Bình đã đẩy mạnh thực hiện phát triển chuỗi liên kết, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm nông nghiệp. Việc liên kết sản xuất sẽ kiểm soát và nâng cao chất lượng nông sản, đáp ứng nhu cầu của thị trường và ổn định khâu tiêu thụ là hướng đi tất yếu của nền nông nghiệp bền vững.

Trong thời gian vừa qua, tỉnh Quảng Bình đã có nhiều chính sách khuyến khích nhằm đa dạng đối tượng nuôi trồng thủy sản, tận dụng diện tích mặt nước, nguồn thức ăn sẵn có trong môi trường tự nhiên, nâng cao thu nhập cho nông dân trong các vùng nuôi trồng thủy sản; tập trung chuyển giao các quy trình nuôi mới theo hướng an toàn thực phẩm và liên kết tiêu thụ, giảm thiểu tác động đến môi trường sinh thái và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Quảng Bình là một tỉnh duyên hải miền Trung có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển nghề nuôi tôm mặn lợ, đặc biệt là tôm thẻ chân trắng. Nhiều hộ nông dân, doanh nghiệp nhờ nghề nuôi tôm đã có thu nhập hàng tỷ đồng mỗi năm, góp phần giải quyết việc làm với thu nhập cao và ổn định cho một số lượng lớn lao động ở các vùng nông thôn trong tỉnh. Tuy nhiên, do việc lạm dụng các loại kháng sinh, hóa chất trong nuôi tôm dẫn đến chất lượng tôm thẻ chân trắng thương phẩm cung cấp ra thị trường trên địa bàn tỉnh Quảng Bình vẫn chưa thực sự đảm bảo an toàn. Vì vậy, nuôi tôm không sử dụng thuốc kháng sinh, có đầu ra ổn định, thúc đẩy sản xuất liên kết là phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển ngành nuôi tôm của tỉnh. Xuất phát từ thực tiễn đó, Trung tâm Giống thủy sản Quảng Bình đề xuất thực hiện dự án “Chuỗi liên

kết sản xuất và tiêu thụ tôm thẻ chân trắng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm”.

Mục tiêu chung của dự án nhằm xây dựng được quy trình nuôi tôm thẻ chân trắng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, nhằm đảm bảo ổn định cho việc tiêu thụ đầu ra của sản phẩm. Duy trì sản xuất tôm thẻ chân trắng bền vững; Xây dựng quy trình nuôi tôm thẻ chân trắng sử dụng chế phẩm sinh học EM, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, năng suất đạt ≥ 15 tấn/ha và xây dựng được thương hiệu sản phẩm thông qua việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm bằng cách quét mã vạch in trên bao bì.

Các bên tham gia khâu sản xuất được lựa chọn trong dự án gồm hộ ông Hoàng Quang thuộc địa bàn xã Nhân Trạch, huyện Bố Trạch và ông Nguyễn Văn Tùng có ao hồ nuôi tại xã Ngư Thủy Bắc, huyện Lệ Thủy là các xã nuôi tôm trọng điểm của tỉnh với quy mô 7.000m²; mỗi hộ 3.500m², nuôi 2 vụ. Đây là những địa bàn có lợi thế về giao thông, nguồn nguyên liệu, thuộc các vùng nuôi tôm trọng điểm của tỉnh. Hai hộ gia đình được lựa chọn có kinh nghiệm nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm trên 12 năm, hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư đồng bộ, hệ thống nuôi hoàn chỉnh. Dự án đã hỗ trợ 50% chi phí mua con giống, 30% chi phí mua vật tư thiết yếu và 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm. Tiêu thụ sản phẩm là Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Minh Anh, là các cơ sở thu mua lâu năm, có uy tín, đảm bảo khả năng tiêu thụ sản phẩm ổn định cho các hộ thực hiện dự án, có khả năng thu mua, bảo quản 100-150 tấn thủy hải sản các loại/năm. Bên cạnh đó, dự án tiến hành phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn như Chi cục Thủy sản, Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản lấy mẫu kiểm tra tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) trước khi xuất bán. Ước tính trọng lượng bình quân lúc thu hoạch là

60 con/kg; Sản phẩm thu được dự kiến đạt 22,4 tấn tôm thẻ chân trắng thương phẩm.

Dự án áp dụng quy trình nuôi tôm sử dụng chế phẩm sinh học EM. Quy trình nuôi đơn giản, dễ thực hiện, không đòi hỏi chi phí quá cao; đảm bảo sạch từ con giống, nguồn nước cho đến thức ăn; không sử dụng thuốc kháng sinh và hóa chất độc hại, thay vào đó là các sản phẩm thân thiện với môi trường, phù hợp với xu thế phát triển. Mặt khác, đem lại lợi nhuận cao hơn cho người nuôi, đồng thời góp phần phát triển ngành tôm tỉnh nhà ngày càng bền vững.

Việc phát triển nuôi tôm thẻ chân trắng đã mở ra hướng đi mới trong nuôi trồng thủy sản đối với bà con nông dân. Quy trình nuôi tôm thẻ chân trắng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm được hoàn thiện sau dự án là cơ sở để các hộ nuôi trồng thủy sản địa phương áp dụng, tạo ra được sản phẩm an toàn, nâng cao dân trí về ứng dụng khoa học vào sản xuất, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống của người dân. Thời gian tới, tỉnh cần đẩy mạnh thu hút đầu tư, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp từ đó hình thành vùng sản xuất tập trung, mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao giá trị và xuất khẩu hàng hóa, từng bước phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm có vai trò rất quan trọng trong phát triển nông nghiệp. Hiện nay nhu cầu về thịt gà sạch của thị trường là rất lớn. Do đó, xây dựng và phát triển chuỗi thực phẩm an toàn “từ trang trại đến bàn ăn” là một giải pháp có tính đột phá và bền vững để quản lý tốt chất lượng, an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, chia sẻ lợi ích hài hòa giữa sản xuất, tiêu thụ và người tiêu dùng. Dự án “Chuỗi liên kết chăn nuôi và tiêu thụ gà an toàn sinh học” được triển khai thực hiện kỳ vọng là giải pháp hiệu quả vừa đảm bảo cung cấp thực phẩm an toàn vừa phát triển chăn nuôi bền vững.

Dự án đã triển khai thực hiện tại 2 trang trại chăn nuôi thuộc huyện Lệ Thủy và huyện Quảng Ninh với quy mô 3.000 con/lứa/trang trại; Xây dựng một điểm giết mổ gà thịt tại huyện Quảng Ninh đảm bảo các tiêu chí vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm; một cửa hàng giới thiệu sản phẩm chăn nuôi theo chuỗi đảm bảo vệ sinh an

toàn thực phẩm theo quy định.

Kết quả dự án sẽ có tác động rất tích cực đối với bà con nông dân, đặc biệt là nhóm các hộ sản xuất quy mô trang trại, quy mô hàng hóa về thay đổi cách làm cũ “sản xuất theo phong trào; mạnh ai người đó làm” sang nhận thức phải có liên kết sản xuất (kinh tế tập thể) để bảo vệ quyền lợi cho mình và các thành viên tham gia liên kết; sản xuất phải có kế hoạch theo tiêu chí “phục vụ yêu cầu của thị trường”; sản phẩm có tên thương hiệu và người nông dân phải có trách nhiệm về mức độ an toàn của sản phẩm khi đưa ra thị trường tiêu thụ. Kết quả dự kiến sẽ sản xuất 34.200kg gà thịt thương phẩm (mỗi cơ sở nuôi 4 lứa, nuôi trong 2 năm; tỷ lệ sống trung bình 95%); trọng lượng trung bình 1,5kg/con; chất lượng đảm bảo VSATTP, sản phẩm có tên thương hiệu và truy xuất nguồn gốc rõ ràng. Từ đó tạo một liên kết chuỗi từ tổ chức sản xuất gà giống, gà thịt chế biến thức ăn, giết mổ, tiêu thụ sản phẩm trên thị trường. Xây dựng và vận hành thành công mô hình chuỗi liên kết sản xuất, kinh doanh gà thịt tại Quảng Bình giúp các hộ chăn nuôi gà thịt tổ chức sản xuất theo phương thức mới, cùng liên kết sản xuất ra sản phẩm an toàn, tăng lợi nhuận cho các thành viên tham gia chuỗi, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống một cách bền vững. Chủ động được con giống với chất lượng tốt cho vùng dự án, ngăn ngừa được dịch bệnh xâm nhập từ bên ngoài thông qua việc nhập con giống. Tạo ra cơ sở giết mổ, chế biến gia cầm đảm bảo chất lượng sản phẩm trước khi tiêu thụ vào các nhà hàng, siêu thị, người tiêu dùng. Qua đó góp phần nâng cao uy tín, phát huy được thương hiệu sản phẩm.

Có thể nói, xây dựng chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm sẽ kiểm soát và nâng cao chất lượng nông sản, đáp ứng nhu cầu của thị trường và ổn định khâu tiêu thụ, là hướng đi tất yếu của nền nông nghiệp bền vững. Các mô hình liên kết hiện nay đã tạo ra chuyển biến tích cực, giúp người nông dân phát triển sản xuất bền vững và tạo ra những sản phẩm nông nghiệp có thương hiệu. Bước đầu các mô hình đã tạo nên tảng liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân, đảm bảo đầu ra cho nông sản có thị trường tiêu thụ ổn định, góp phần nâng cao thu nhập và tạo việc làm cho người dân địa phương ■

TẬP TRUNG XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG HIỆU QUẢ

THÙY TRANG

Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Quảng Bình

Với vai trò là đơn vị “cầu nối” tiếp nhận và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, thời gian qua, Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư tỉnh Quảng Bình đã tập trung triển khai nhiều mô hình trình diễn cây trồng, vật nuôi mới, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo hướng hữu cơ; nhân rộng các mô hình khuyến nông phù hợp, hiệu quả. Thông qua các mô hình trình diễn, nhiều hộ nông dân đã mạnh dạn áp dụng vào diện tích sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Xác định xây dựng các mô hình trình diễn, nhân rộng các mô hình khuyến nông là phương thức hiệu quả trong việc chuyển giao khoa học kỹ thuật sản xuất cho nông dân, trong năm 2020, từ nguồn ngân sách tỉnh và trung ương, Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư tỉnh đã triển khai thực hiện thành công 20 mô hình khuyến nông, mang lại hiệu quả kinh tế cao, được chính quyền và người dân ghi nhận. Trong quá trình triển khai xây dựng mô hình, cán bộ khuyến nông tỉnh, huyện đến tận cơ sở khảo sát điều kiện thực tế, lựa chọn các hộ tham gia, chuyển giao kỹ thuật, chọn giống, hướng dẫn các hộ ghi chép quá trình triển khai, thường xuyên kiểm tra tiến độ thực hiện, tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm và cho các hộ ngoài mô hình đến tham quan, học tập.

Ngoài ra, còn tổ chức 31 lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho hơn 900 lượt nông dân; Trung tâm đã tổ chức 5 cuộc tham quan học tập các mô hình sản xuất tiên tiến trong tỉnh với 125 nông dân tham gia. Có thể kể đến một số mô hình nổi bật, được đánh giá phù hợp với nhu cầu thực tế của sản xuất, nhận được sự đồng tình, ủng hộ và tham gia của bà con nông dân, là tiền đề để nhân rộng trong thời gian tới, như: Mô hình sản xuất thử nghiệm giống lúa



Mô hình trồng cây thìa canh bước đầu cho kết quả tốt

Ảnh: T.T

ST24 với chất lượng gạo thơm, dẻo, ngon, không bạc bụng. Giá bán cao hơn 2.000-3.000đ/kg so với các giống lúa chất lượng khác. Có thể bổ sung và thay thế giống lúa HT1, P6, Khang Dân 18. Giống lúa ST24 được người dân đánh giá cao, nhiều hộ dân đã tự mua giống để tiếp tục trồng trong các vụ sau; Mô hình sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao đạt kết quả tốt, cây sinh trưởng, phát triển tốt, năng suất và chất lượng khá. Mô hình sản xuất dưa lưới, dưa chuột, mướp đắng và rau ăn lá các loại theo hướng VietGAP đã mang lại hiệu quả tích cực, tạo nên vùng chuyên canh rau an toàn gắn với thương hiệu cung cấp cho người tiêu dùng trên địa bàn các huyện, thành phố trong toàn tỉnh, mang hiệu quả kinh tế cao...

Trong chuyến kiểm tra các mô hình sản xuất vào tháng 2/2021, đồng chí Mai Văn Minh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đánh giá cao hiệu quả từ các mô hình Trung tâm hướng dẫn, chỉ đạo, trong đó, quan tâm đến mô hình trồng cây thìa canh. Theo đồng chí Giám đốc Sở, đây là một trong những mô hình thành công của Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư trong năm 2020, cần được tuyên truyền, nhân rộng.

Cây thìa canh là cây dược liệu mới, có nhiều tác dụng đặc biệt đối với sức khỏe con người, nhất là với những bệnh nhân tiểu đường. Dự ước năng suất năm đầu đạt 1.200-1.500kg tươi/ha, với giá bán 250.000 đồng/lọ 100g, sản phẩm cung chưa đủ cầu, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho nông dân. Mặt khác, cây thìa canh trồng một lần nhưng cho thu hoạch được nhiều năm (5-7 năm) nên cho thu nhập cao trên một đơn vị diện tích. Mô hình bước đầu tạo ra vùng trồng cây thìa canh theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với liên kết, sản xuất và tiêu thụ các loại cây dược liệu theo chuỗi giá trị.

Trong chăn nuôi, thông qua các mô hình chăn nuôi an toàn sinh học gà, vịt đã giúp các hộ chăn nuôi áp dụng tổng hợp và đồng bộ các biện pháp kỹ thuật và quản lý nhằm ngăn ngừa sự tiếp xúc giữa đàn gà và mầm bệnh, bảo đảm cho đàn gà hoàn toàn khỏe mạnh, không bị dịch bệnh xảy ra. Mô hình chăn nuôi lợn theo hướng hữu cơ, có 15/15 lợn sinh sản lứa thứ nhất, tổng số lợn con là 130 con. Các hộ tham gia mô hình đã ký hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi với Tập đoàn Quế Lâm. Đồng thời, mô hình áp dụng theo quy trình chăn nuôi lợn theo hướng hữu cơ có sử dụng chế phẩm sinh học. Vì vậy, đàn lợn sinh trưởng và phát triển tốt, đảm bảo an toàn dịch bệnh. Ngoài ra, mô hình đã xử lý triệt để mùi hôi, chất thải, nước thải, góp phần bảo vệ môi trường và cung cấp sản phẩm thịt đạt chất lượng, giá trị dinh dưỡng cao cho người tiêu dùng trong thời gian tới.

Đối với các mô hình khuyến ngư, trong năm 2020, với việc áp dụng các quy trình kỹ thuật nuôi mới, các đối tượng nuôi mới đã góp phần tăng năng suất, nâng cao hiệu quả kinh tế cho nông dân. Cụ thể, mô hình nuôi tôm càng xanh trong ruộng lúa đã tạo nên sự đa dạng về đối tượng nuôi, đáp ứng nhu cầu thị trường. Bước đầu được đánh giá phù hợp, nâng cao hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích. Môi trường trồng lúa phù hợp cho tôm càng xanh phát triển tốt, cây lúa làm giá thể cho tôm bám, trú ẩn khi lột xác, bổ sung thêm nguồn thức ăn tự nhiên cho tôm.

Theo Giám đốc Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư tỉnh Trần Thanh Hải, trong năm

2021, đơn vị tiếp tục bám sát các chủ trương, định hướng phát triển của ngành, địa phương để xây dựng các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ khuyến nông phù hợp. Gắn công tác đào tạo huấn luyện và tổ chức tham quan hội thảo với việc triển khai các mô hình mới có hiệu quả để tạo sức lan tỏa nhanh. Chú trọng phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng để quảng bá rộng rãi các hoạt động khuyến nông, các mô hình có hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh các mô hình ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới; mô hình chuyển đổi đất trồng lúa thiếu nước sang trồng các loại hoa màu có hiệu quả.

Trong các mô hình trồng rừng khuyến khích nông dân sử dụng phân bón hữu cơ, phân sinh học, tiến tới sản xuất an toàn, thân thiện với môi trường. Về chăn nuôi, tăng cường triển khai các mô hình chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh môi trường; khuyến khích các mô hình chăn nuôi trang trại, tập trung tạo nguồn nguyên liệu, đảm bảo chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Triển khai các chương trình trồng rừng nguyên liệu, cây gỗ lớn bằng các giống tiến bộ kỹ thuật, giống cây bản địa... Tăng cường các hoạt động tập huấn gắn với mô hình để tuyên truyền, phổ biến giúp người dân thực hiện đúng kỹ thuật chăm sóc nhằm nâng cao chất lượng rừng trồng; gắn trồng rừng với công tác quản lý, bảo vệ rừng, giúp người dân làm giàu trên chính đất rừng của họ. Về lĩnh vực thủy sản, tiếp tục đẩy mạnh các mô hình nuôi mới, nuôi các đối tượng thủy sản đặc sản, nuôi theo quy trình VietGAP; chú trọng nuôi tôm công nghệ cao, đẩy mạnh công tác phòng, chống dịch bệnh và an toàn môi trường nuôi...

“Việc xây dựng thành công các mô hình khuyến nông không những mang lại hiệu quả kinh tế cho hộ nông dân được tham gia hưởng lợi mà còn trở thành địa chỉ để nhiều nông dân khác đến tham quan, học hỏi và nhân rộng; góp phần tăng năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi và tạo sản phẩm hàng hóa; giúp người dân thay đổi tư duy sản xuất, có định hướng đúng đắn trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện thực tế địa phương để nâng cao thu nhập”, ông Hải khẳng định ■

HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN MẠNH CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

TS. TRẦN HỮU THÂN

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Bình

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII nhiệm kỳ 2021-2025, tỉnh Quảng Bình đã ban hành nhiều giải pháp gắn với thay đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Trong đó, tập trung việc phát triển mạnh các loại hình doanh nghiệp, các thành phần kinh tế.

Vị trí địa lý đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tỉnh Quảng Bình phát triển kinh tế. Nằm ở trung tâm của đất nước, cách Hà Nội 200km về phía Nam, tỉnh Quảng Bình có các trục giao thông huyết mạch gồm Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh, gần kề với đường xuyên Á qua Quốc lộ 12A và cửa khẩu quốc tế Cha Lo (thông thương với Lào) là điều kiện thuận lợi trong giao lưu kinh tế - xã hội với các nước trong khu vực. Khi sân bay Đồng Hới được điều chỉnh nâng cấp và mở rộng lên cấp 4C (chuẩn Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế ICAO) với công suất đạt 3 triệu hành khách/năm sẽ là động lực quan trọng để thúc đẩy các cơ hội giao thương, thu hút đầu tư vào khu vực này. Bên cạnh lợi thế về vị trí và hạ tầng giao thông, tỉnh Quảng Bình còn có nhiều di tích lịch sử văn hóa và thắng cảnh nổi tiếng như đèo Ngang, đèo Lý Hòa, nhiều bờ biển đẹp, đặc biệt có Di sản Thiên nhiên thế giới Phong Nha - Kẻ Bàng.

Với những tiềm năng to lớn cùng chính

sách rộng cửa chào đón các nhà đầu tư, tỉnh Quảng Bình đã và đang trở thành điểm dừng chân của nhiều doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước. Nhờ đó, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng. Giai đoạn 2016-2020 có 3.000 doanh nghiệp được thành lập và đến hết năm 2020 toàn tỉnh có 7.020 doanh nghiệp, với số vốn đăng ký 81.800 tỷ đồng. Doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa theo đúng lộ trình và từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động; kinh tế tập thể tiếp tục được củng cố, kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển, có cải thiện rõ nét, góp phần giải phóng năng lực sản xuất, thúc đẩy phân công lao động xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Môi trường đầu tư kinh doanh được quan tâm cải thiện theo hướng thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Công tác xúc tiến đầu tư, kêu gọi đầu tư được đẩy mạnh; quyền tự do kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế được đảm bảo.

Tuy nhiên, so với các tỉnh, thành khác thuộc khu vực Bắc Trung Bộ, số lượng và chất lượng hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình khá khiêm tốn, chiếm phần lớn là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đội ngũ doanh nghiệp của tỉnh vẫn còn yếu và thiếu những doanh nghiệp “đầu tàu”, năng lực,



Doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ có tốc độ tăng trưởng nổi bật

Ảnh: sct.quangbinh.gov.vn

sức cạnh tranh, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh chưa cao. Một số doanh nghiệp sau cổ phần hóa gặp nhiều khó khăn. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản còn ít. Kinh tế hợp tác xã phát triển chưa mạnh, chưa phát huy được vai trò, vị trí của mình trong nền kinh tế. Mặc dù vậy, các loại hình doanh nghiệp đã có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho hàng ngàn lao động.

Để phát huy nguồn lực quan trọng này, từ nay đến năm 2025, tỉnh Quảng Bình sẽ tập trung phát triển doanh nghiệp cả về số lượng và chất lượng, với nền tảng công nghệ hiện đại. Phấn đấu đến 2025, có 11.000 doanh nghiệp được thành lập và hoạt động. Khuyến khích phát triển đa dạng các loại hình doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp đa sở hữu, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hình thành những tập đoàn

kinh tế tư nhân lớn. Bảo đảm sự tương tác, hỗ trợ giữa các loại hình doanh nghiệp: sản xuất - thương mại, kế toán - tài chính, tư vấn pháp lý và các lĩnh vực khác. Tiếp tục cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp sau cổ phần hóa. Tạo điều kiện thuận lợi nhất và minh bạch để các thành phần kinh tế phát triển nhanh. Tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, chuyển mạnh từ sản xuất theo hộ gia đình sang mô hình sản xuất hợp tác, liên kết, tập trung, quy mô lớn, hỗ trợ phát triển trang trại trong nông nghiệp.

Vấn đề đặt ra hiện nay là hiệu quả hoạt động của các chủ thể, các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế còn nhiều hạn chế; doanh nghiệp nhà nước chưa mạnh; kinh tế tập thể chủ yếu theo mô hình kinh tế hộ nhỏ lẻ, manh mún, thiếu liên kết; doanh nghiệp tư nhân quy mô nhỏ và siêu nhỏ, thiếu liên kết với nhau và với các thành phần kinh tế khác; doanh nghiệp có

vốn đầu tư nước ngoài còn ít... Do đó nhiệm vụ cấp bách đặt ra trong thời gian tới là phải tập trung tạo điều kiện thuận lợi phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp. Để thực hiện chủ trương lớn như Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lần thứ XVII nhiệm kỳ 2021-2025 đề ra. Trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp sau:

Thứ nhất, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi phát triển mạnh các loại hình kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm. Đặc biệt là tạo cơ chế cho khu vực tư nhân tham gia đầu tư phát triển khu vực nông nghiệp, nông thôn, du lịch, dịch vụ, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh. Vì vậy cần tiếp tục bổ sung, ban hành một số cơ chế, chính sách mới trên địa bàn tỉnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi phát triển khu vực kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Nghiên cứu xây dựng chương trình, chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực nông nghiệp sạch, công nghệ cao, chế biến nông, lâm, thủy sản, du lịch, dịch vụ...

Thứ hai, tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể; có biện pháp tháo gỡ khó khăn, khuyến khích, tạo điều kiện để giúp các hợp tác xã (HTX) khắc phục những hạn chế, yếu kém; củng cố tổ chức, nâng cao năng lực quản lý, điều hành và hiệu quả hoạt động, tăng cường sức cạnh tranh trên thị trường. Bên cạnh đó, nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác, HTX làm ăn có hiệu quả trong từng lĩnh vực; xây dựng mới các HTX, tổ hợp tác phù hợp với đặc điểm kinh tế, xã hội của tỉnh. Mở rộng ngành nghề, phạm vi hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các HTX, đáp ứng tốt các yêu cầu phát triển của xã

viên, thu hút thêm nhiều xã viên, tăng vốn góp, vốn tích lũy. Tích cực chỉ đạo phát triển mô hình kinh tế trang trại, hợp tác trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; đẩy mạnh liên kết, hỗ trợ và hợp tác trong mọi lĩnh vực sản xuất, dịch vụ. Có chính sách hỗ trợ kinh tế HTX tiếp cận nguồn vốn, đào tạo nhân lực, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ, hỗ trợ phát triển thị trường. Bên cạnh đó, cần thực hiện cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước (DNNN). Tổ chức cổ phần hóa các công ty lâm nghiệp của tỉnh theo lộ trình đã được Chính phủ phê duyệt nhằm phát huy hiệu quả sử dụng đất, rừng và các tài sản nhà nước đã đầu tư. Ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ DNNN sau cổ phần hóa nâng cao hiệu quả, phát triển kinh doanh, tăng cường đầu tư, mở rộng ngành nghề sản xuất, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Thứ ba, thúc đẩy phát triển mọi hình thức liên kết sản xuất, kinh doanh, cung cấp hàng hoá, dịch vụ theo mạng sản xuất, chuỗi giá trị thị trường giữa kinh tế tư nhân với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhằm tiếp nhận, chuyển giao, tạo sự lan toả rộng rãi về công nghệ tiên tiến và quản trị hiện đại. Tiếp tục đẩy mạnh và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đồng thời, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng để phát triển đội ngũ doanh nhân có trình độ chuyên môn cao, có kỹ năng quản lý, quản trị hiện đại.

Thứ tư, hỗ trợ thông tin giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường, tiêu thụ và đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp thuộc thế mạnh, có giá trị cao của tỉnh. Tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch để các doanh nghiệp đóng góp ngày càng cao vào phát triển kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Các doanh

ng nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) cần tăng cường đầu tư và ứng dụng công nghệ trong việc lập sổ sách kế toán, khai thuế và hải quan điện tử, giao dịch ngân hàng qua internet nhằm giảm chi phí giao dịch, kết nối và chia sẻ thông tin tài chính với các tổ chức tín dụng để dần minh bạch hóa thông tin tài chính, tạo lòng tin trên thị trường. Tích cực tham gia các hiệp hội doanh nghiệp để tiếp cận thông tin về các chính sách, chương trình hỗ trợ đối với DNVVN của Chính phủ, Nhà nước cũng như các tổ chức tín dụng. Hoàn thiện quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn tham gia chuỗi cung ứng của các đối tác lớn.

Thứ năm, cùng với tập trung nâng cao chỉ số PCI, tỉnh sẽ đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giảm cơ bản gánh nặng chi phí đối với doanh nghiệp, nhất là DNVVN. Đặc biệt là đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan, cụ thể là về hồ sơ hoàn thuế, phần mềm hỗ trợ công tác tự động xây dựng báo cáo hồ sơ hoàn thuế; nộp hồ sơ hoàn thuế qua mạng; xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý công tác hoàn thuế và thực hiện công khai để người được hoàn thuế biết được thông tin về tình trạng giải quyết hồ sơ hoàn thuế; triển khai đồng bộ, rộng khắp ứng dụng công nghệ thông tin trong kê khai, nộp thuế, hoàn thuế, thanh toán tiền thuế qua di động, thanh toán qua internet; hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để đảm bảo việc triển khai đầy đủ hệ thống thông quan điện tử. Đổi mới cách thức quản lý và thái độ làm việc của cán bộ, công chức theo hướng hỗ trợ và phục vụ doanh nghiệp; công khai, minh bạch, tăng cường kỷ luật, kỷ cương đối với cán bộ, công chức, cơ quan nhà nước, xử lý nghiêm các tiêu cực, nhũng nhiễu, không thanh tra, kiểm tra chồng chéo, gây phiền hà, trở ngại đối với hoạt động của doanh nghiệp.

Thứ sáu, thiết kế các sản phẩm cho vay đặc

thù phù hợp với đối tượng khách hàng là DNVVN theo từng nhóm ngành nghề để có các giải pháp đáp ứng yêu cầu khách hàng một cách linh hoạt. Đồng thời, cải tiến, đơn giản hóa quy trình cho vay, yêu cầu thông tin cung cấp phù hợp với thực tế và có tư vấn, hướng dẫn chi tiết để các DNVVN có thể dễ dàng nắm bắt và thực hiện. Tạo mọi khả năng để các doanh nghiệp tư nhân dễ dàng tiếp cận với các nguồn lực phát triển như: tài chính, đất đai, công nghệ, nhân lực.

Song song với việc thực hiện 6 giải pháp trên, UBND tỉnh Quảng Bình cần yêu cầu các cơ quan, đơn vị nâng cao trách nhiệm trong công tác cải cách hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính. Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố cần có giải pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, tạo điều kiện để doanh nghiệp hoạt động, xây dựng niềm tin cho các doanh nghiệp. Tỉnh cần tổ chức nhiều kênh hỗ trợ thông tin (trên truyền hình, internet, phổ biến qua hội nghị hội thảo, qua tập huấn nghiệp vụ, ở các Trung tâm Địa chính thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) về điều kiện cho thuê mặt bằng sản xuất kinh doanh trong và ngoài khu/cụm công nghiệp; đơn giản hóa thủ tục về điều kiện cho thuê mặt bằng khu/cụm công nghiệp; hỗ trợ giải pháp, biện pháp tiếp cận vốn, giá và thuế thuê mặt bằng hợp lý, có quy định rõ ràng về các loại phí, thuế và có lộ trình cho thuê cụ thể. Đồng thời, cần nâng cao hiệu quả và thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài; tập trung kêu gọi các nhà đầu tư vào các lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh như khai thác tài nguyên ven biển; chế biến nông, lâm, thủy sản có sử dụng nhiều lao động; phù hợp với định hướng cơ cấu lại nền kinh tế và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh gắn với bảo vệ môi trường ■

TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2021: MỘT SỐ ĐIỂM MỚI VÀ KHÓ KHĂN VƯỚNG MẮC

THS. TRẦN QUỐC LỢI

Cục trưởng Cục Thống kê Quảng Bình

Tổng điều tra kinh tế là một trong ba cuộc Tổng điều tra thống kê quốc gia được quy định trong Luật Thống kê. Tổng điều tra kinh tế năm 2021 (Tổng điều tra) được tiến hành vào thời điểm ngày 1/3/2021 đối với doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và thời điểm ngày 1/7/2021 đối với cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, nhằm đáp ứng các mục đích sau:

Một là, đánh giá sự phát triển về số lượng, quy mô và lao động của các cơ sở kinh tế; kết quả sản xuất kinh doanh; mức độ ứng dụng công nghệ thông tin; cơ cấu, sự phân bố của các cơ sở và của lao động theo địa phương, theo ngành kinh tế và theo hình thức sở hữu nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành và địa phương.

Hai là, tính toán chỉ tiêu thống kê chính thức của các chuyên ngành thống kê, chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước (GDP), Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP) năm 2020 theo Đề án “Đổi mới quy trình biên soạn số liệu Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” và các chỉ tiêu thống kê khác thuộc Hệ thống tài khoản quốc gia.

Ba là, cập nhật thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi năm gốc so sánh phục vụ biên soạn các chỉ tiêu thống kê kinh tế - xã hội; làm dần mẫu tổng thể về cơ sở kinh tế cho các cuộc điều tra chọn mẫu trong giai đoạn tiếp theo của ngành Thống kê, các bộ, ngành và địa phương.

Đây là cuộc Tổng điều tra được ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các công đoạn, bài viết này giới thiệu một số điểm mới và một

số khó khăn vướng mắc của cuộc Tổng điều tra.

Một số điểm mới

Ứng dụng triệt để công nghệ thông tin

So với năm 2017, Tổng điều tra năm 2021 đã cải tiến cả về phương pháp và hình thức thu thập thông tin. Nếu như Tổng điều tra kinh tế năm 2017 chỉ sử dụng phương pháp điều tra trực tiếp (điều tra viên thống kê phỏng vấn trực tiếp đối tượng điều tra và ghi chép thông tin vào phiếu giấy), thì Tổng điều tra năm 2021 áp dụng cả hai phương pháp là điều tra trực tiếp (điều tra viên đến từng cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng gặp chủ cơ sở để phỏng vấn và ghi đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điện tử) và điều tra gián tiếp (Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội tự cung cấp thông tin thông qua phiếu điều tra trực tuyến). Về hình thức thu thập thông tin, Tổng điều tra năm 2021 áp dụng hai hình thức: Điều tra bằng phiếu điện tử trên thiết bị di động (còn gọi là CAPI) và điều tra bằng phiếu trực tuyến sử dụng internet (còn gọi là Webform).

Nhiều công đoạn khác của Tổng điều tra cũng đã được thay đổi theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin, bao gồm: Lưu trữ, xử lý thông tin, kiểm tra và duyệt số liệu trực tuyến trên Trang thông tin hệ thống điều hành tác nghiệp của Tổng điều tra (Trang web điều hành). Việc cải tiến này giúp giảm tải khối lượng công việc của lực lượng tham gia Tổng điều tra, nâng cao chất lượng số liệu, tăng tính minh bạch và chặt chẽ của quy trình sản xuất thông tin thống kê, rút ngắn thời gian công bố kết quả Tổng điều tra, giảm kinh phí điều tra thống kê trong dài hạn và phù hợp với xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ

chức điều tra của thế giới.

Cải tiến cơ bản phiếu điều tra

Tổng điều tra kinh tế năm 2021 được thu thập theo 22 loại phiếu điều tra, giảm 17 loại phiếu so với Tổng điều tra năm 2017, cụ thể: Điều tra doanh nghiệp được thu thập theo 17 loại phiếu, giảm 5 loại phiếu; Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể được thu thập theo 2 loại phiếu, giảm 3 loại phiếu; Điều tra các đơn vị sự nghiệp, hiệp hội được thu thập theo 2 loại phiếu, giảm 9 loại phiếu; Điều tra các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng được áp dụng 1 loại phiếu. Nội dung của phiếu điều tra được rút gọn, một số chỉ tiêu được khai thác thông tin hồ sơ hành chính từ ngành Thuế.

Đây là cuộc Tổng điều tra kinh tế đầu tiên sử dụng phiếu hỏi điện tử trong điều tra. Theo đó, điều tra viên sẽ tiếp cận doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội hướng dẫn, hỗ trợ về nghiệp vụ, cấp tên truy cập, mật khẩu để các đơn vị được điều tra đăng nhập vào trang điều tra trực tuyến và tự cung cấp thông tin trực tuyến theo mẫu phiếu điện tử (Webform) hoặc điều tra viên đến từng cơ sở gặp người cung cấp thông tin để phỏng vấn, kết hợp quan sát đối tượng điều tra để ghi đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điện tử (CAPI) đối với điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể và cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.

Xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu tập trung, sử dụng phân tán

Dữ liệu Tổng điều tra năm 2021 được quản lý tập trung tại Trung ương thông qua hệ thống truyền gửi thông tin và máy chủ lưu trữ dữ liệu. Với cả 2 hình thức thu thập thông tin (CAPI, Webform), dữ liệu được hòa chung vào một cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, xử lý và hoàn thành cơ sở dữ liệu.

Dữ liệu Tổng điều tra năm 2021 được sử dụng theo phân quyền chi tiết đối với từng cấp quản lý và giám sát trong và sau quá trình thu thập thông tin tại địa bàn. Trong đó, sử dụng trang web điều hành để kiểm tra tiến độ Tổng điều tra, chất lượng phiếu đã thu thập thông tin và lập các báo cáo thống kê sơ bộ phục vụ việc quản lý, chỉ đạo, điều hành của các cấp; kiểm tra và xác nhận thông tin đối với các lỗi cảnh báo và

hiệu đính số liệu trong trường hợp cần thiết.

Như vậy, hệ thống quản lý dữ liệu tập trung, sử dụng phân tán của Tổng điều tra năm 2021 đã giúp việc quản lý dữ liệu tập trung hơn, tránh nguy cơ mất an toàn dữ liệu, giảm số lượng máy trạm để lưu trữ dữ liệu CAPI và Webform tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Bên cạnh đó, việc quản lý dữ liệu được thực hiện minh bạch, thống nhất từ Trung ương đến địa phương đã tạo thuận lợi cho các cấp quản lý, giám sát để nắm bắt đầy đủ thông tin, diễn biến của cuộc Tổng điều tra, đặc biệt trong giai đoạn thu thập thông tin tại địa bàn.

Một số khó khăn vướng mắc

Công tác thu thập thông tin

Cuộc Tổng điều tra có quy mô lớn, phạm vi điều tra rộng, liên quan đến nhiều đối tượng điều tra; thông tin thu thập trong cuộc Tổng điều tra lần này rất phức tạp (sản phẩm, chi phí, doanh thu, tài sản, vốn,...) và là lần đầu tiên ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong quá trình thu thập, trong đó doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp, hiệp hội sử dụng tài khoản và mật khẩu được cấp để cung cấp trực tiếp thông tin theo bảng hỏi điện tử trên Trang thông tin Tổng điều tra (Webform). Vì vậy, đòi hỏi người cung cấp thông tin hiểu được nội dung thông tin, quy trình cung cấp thông tin để đảm bảo thông tin không bị bỏ sót. Đặc biệt, năm nay, do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất, tiêu dùng, xuất, nhập khẩu và đầu tư, điều tra viên khó tiếp cận đối tượng điều tra để thu thập thông tin.

Công tác tuyển chọn điều tra viên

Đây là cuộc Tổng điều tra được ứng dụng triệt để công nghệ thông tin, điều tra viên phải thực hiện phỏng vấn trực tiếp đối với chủ cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, tôn giáo và điền thông tin vào phiếu hỏi điện tử trên thiết bị di động, do đó yêu cầu điều tra viên phải sử dụng thành thạo thiết bị di động, các thao tác trên phiếu hỏi điện tử (CAPI), vì vậy cần ưu tiên chọn lựa điều tra viên trẻ, có năng lực chuyên môn nhất định và sử dụng thành thạo thiết bị di động ■

HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở HUYỆN MINH HÓA

LƯU VĂN LỘC

Trung tâm Ứng dụng và Thống kê KH&CN Quảng Bình

Minh Hóa là huyện miền núi vùng cao nằm về phía tây bắc tỉnh Quảng Bình với diện tích tự nhiên trên 1.400km², trong đó diện tích đất rừng, đất gò đồi chiếm tỷ lệ lớn. Đây chính là thế mạnh để huyện Minh Hóa phát triển lĩnh vực nông, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Trong những năm gần đây, nhiều chương trình đề tài, dự án, mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN đã được triển khai và mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, huyện Minh Hóa đã chú trọng đến việc đưa nhiều giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng, phù hợp với điều kiện khí hậu thời tiết, thổ nhưỡng của địa phương. Công tác chuyển giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất thực hiện có hiệu quả. Trong năm 2020, huyện Minh Hóa đã có nhiều chủ trương chính sách phù hợp nhằm hỗ trợ và thúc đẩy phát triển nông nghiệp; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng năng suất, chất lượng và hiệu quả trên một đơn vị diện tích. Tập trung chỉ đạo, triển khai nhiều giải pháp để thực hiện chương trình trọng điểm của huyện về phát triển chăn nuôi, trong đó ưu tiên hỗ trợ các loại vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao như bò lai Sind, lợn ngoại, ong nội lấy mật; triển khai thực hiện một số mô hình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công... giúp nông dân tiếp cận và nhân rộng các tiến bộ khoa học kỹ thuật.

Được sự hỗ trợ của Sở KH&CN Quảng Bình, mô hình sản xuất và tiêu thụ một số cây dược liệu đã được triển khai thực hiện tại xã Yên Hóa do Công ty TNHH Thảo Mộc Nhân Sơn Dược chủ trì. Mục tiêu của nhiệm vụ nhằm xây dựng mô hình trồng cây kim ngân hoa và cây hà thủ ô để đánh giá khả năng thích nghi, từ đó hoàn thiện quy trình trồng,

chăm sóc, thu hoạch, bảo quản, chế biến; xây dựng mô hình liên kết tiêu thụ nhằm tạo thêm đối tượng cây dược liệu có giá trị kinh tế cao, góp phần phát triển kinh tế - xã hội huyện Minh Hóa.

Mô hình được thực hiện trên diện tích 1ha, trong đó 0,5ha trồng hà thủ ô đỏ với 20.000 cây, 0,5ha trồng kim ngân hoa với 10.000 cây.

Trong quá trình thực hiện, cán bộ kỹ thuật đã tập huấn hướng dẫn cho người dân các khâu từ kỹ thuật làm đất, bón phân, phủ bạt, trồng và chăm sóc cây kim ngân hoa và cây hà thủ ô đỏ theo đúng quy trình nên chỉ sau hai tháng trồng, mặc dù cuối năm 2020 và đầu năm 2021 có những đợt rét đậm, rét hại nhưng cây vẫn sinh trưởng và phát triển tốt, tỷ lệ sống đạt trên 80%. Cây kim ngân hoa phát triển dài bình quân 0,8m, có cây dài 1,2m; cây hà thủ ô đỏ dài bình quân 0,3m, có cây dài 0,5m. Trên địa bàn huyện Minh Hóa, diện tích rừng trồng của bà con khá phong phú nhưng thu nhập từ việc trồng rừng còn thấp. Việc đưa đối tượng cây trồng mới phù hợp điều kiện khí hậu thổ nhưỡng địa phương, nhất là cây dược liệu có giá trị cao sẽ là một hướng đi phù hợp.

Với lợi thế về khí hậu và thổ nhưỡng phù hợp cho việc trồng cây ăn quả, ông Đinh Xuân Nghĩa ở thôn Tân Lợi, xã Hóa Hợp đã mạnh dạn thay thế một số loại cây trồng kém hiệu quả để chuyển sang trồng cây ăn quả như ổi, bưởi da xanh, bưởi Phúc Trạch... Ông Đinh Xuân Nghĩa cho biết: Vườn ổi trên diện tích 1 sào được ông trồng từ tháng 12/2018, sau khoảng 6 tháng trồng đã cho thu hoạch, mỗi năm thu hoạch 3 lứa. Ổi được ông sản xuất theo hướng hữu cơ, không sử dụng thuốc hóa học nên chất lượng bảo đảm, được người tiêu dùng đánh giá cao. So với một số loại cây trồng khác thì hiệu quả từ việc trồng ổi cao hơn hẳn. Vườn bưởi

của ông trên 100 cây đang phát triển tốt, tuy chưa đến thời kỳ thu hoạch nhưng theo đánh giá bước đầu của cán bộ kỹ thuật Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện thì cây bưởi ở đây sinh trưởng và phát triển tốt, phù hợp với khí hậu thổ nhưỡng ở xã Hóa Hợp.

Tận dụng lợi thế rừng, phong trào nuôi ong lấy mật của bà con trên địa bàn Minh Hóa phát triển mạnh. Nhiều hộ gia đình có thu nhập khá nhờ việc nuôi ong. Bên cạnh đó, việc áp dụng kỹ thuật mới vào quy trình quay mật theo hướng tinh lọc, giảm thủy phân đã giúp cho chất lượng và giá trị mật ong trên địa bàn huyện được nâng lên đáng kể. Huyện cũng đã xây dựng được nhãn hiệu Mật ong Minh Hóa. Sản phẩm mật ong Minh Hóa có chất lượng cao, được người tiêu dùng ưa chuộng.

Gia đình ông Đinh Trọng Chính, ở thôn Tân Lợi, xã Hóa Hợp là một trong những gia đình nuôi ong có hiệu quả. Hiện nay, ông đang duy trì nuôi trên 30 đàn ong lấy mật, có những thời điểm ông nuôi trên 70-100 đàn. Với kinh nghiệm nuôi ong hàng chục năm, ông Chính đã nắm bắt và ứng dụng một cách có hiệu quả các tiến bộ khoa học kỹ thuật về nuôi ong lấy mật, nhân đàn, chăm sóc, xử lý bệnh tật cho đàn ong... Nhờ vậy đàn ong của ông luôn phát triển tốt, năng suất và chất lượng mật cao. Ngoài việc nuôi ong lấy mật, ông còn tách đàn để cung cấp cho bà con nhằm phát triển mạnh nghề nuôi ong trên địa bàn.

Với lợi thế vùng gò đồi rộng lớn, huyện Minh Hóa rất thuận lợi trong phát triển chăn nuôi gia súc gia cầm. Không chỉ chăn nuôi theo phương pháp truyền thống mà huyện còn khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong chăn nuôi nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, đảm bảo thực phẩm sạch, an toàn đến người tiêu dùng.

Mô hình nuôi gà theo hình thức bán chăn thả của Công ty TNHH thực phẩm Minh Trung ở thôn Thanh Liêm, xã Trung Hóa được xây dựng từ năm 2019 với diện tích chuồng 500m². Trang trại luôn duy trì 5.000 con gà ta thuần chủng. Gà giống được cung cấp từ trại gà có uy tín ở Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Trang trại áp

dụng quy trình kỹ thuật chăn nuôi hiện đại, máng ăn, máng uống luôn sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, định kỳ tiêm phòng dịch bệnh cho gà, sử dụng men vi sinh xử lý chất độn chuồng nên luôn đảm bảo tốt về môi trường. Công ty sản xuất theo tiêu chí: giống sạch, chăn nuôi sạch, thức ăn sạch, sản xuất sạch, giết mổ sạch để có thực phẩm sạch cung cấp cho thị trường. Gà được nuôi từ 1 ngày tuổi, sau 5 tháng sẽ xuất chuồng. Mỗi năm trang trại nuôi được 3 lứa, cung cấp cho thị trường hàng chục tấn gà thương phẩm. Sản phẩm gà đồi của Trang trại Minh Trung luôn bảo đảm chất lượng, được kiểm định ở Chi cục Thú y vùng 3 ở Nghệ An trước khi đến người tiêu dùng. Năm 2020, sản phẩm thịt gà đồi của Công ty được UBND tỉnh Quảng Bình xếp hạng 3 sao trong Chương trình mỗi xã 1 sản phẩm OCOP.

Với sự chỉ đạo, điều hành sâu sát của các cấp chính quyền địa phương trong việc đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất nên năng suất, chất lượng và hiệu quả cây trồng, vật nuôi của huyện Minh Hóa từng bước được cải thiện. Năm 2020, sản lượng lương thực đạt trên 9.500 tấn; tổng đàn gia súc trên 33.000 con, đàn gia cầm trên 130.000 con, đàn ong lấy mật gần 4.500 đàn. Ngành nghề nông thôn phát triển, hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất đã từng bước đáp ứng yêu cầu. Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới luôn được đẩy mạnh. Đời sống người dân ngày càng được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo giảm đáng kể.

Có thể nói, nhờ ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất mà kinh tế - xã hội huyện Minh Hóa đã từng bước khởi sắc, đời sống người dân được nâng cao. Tuy vậy, so với các địa phương khác trong tỉnh, thì huyện Minh Hóa cũng còn nhiều khó khăn. Để phát huy và khai thác hết tiềm năng thế mạnh, huyện Minh Hóa cần chủ động và tích cực hơn nữa trong việc nghiên cứu, xây dựng và nhân rộng các mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN trong sản xuất và đời sống, không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện nói riêng và của tỉnh Quảng Bình nói chung ■

HUYỆN LỆ THỦY HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỪ MÔ HÌNH KINH TẾ HỢP TÁC XÃ

HỒNG MẾN

Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện Lệ Thủy

Nhằm tạo điều kiện hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế gia đình, những năm qua Hội Liên hiệp Phụ nữ (LHPN) xã Thái Thủy, huyện Lệ Thủy đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực phù hợp, trong đó có mô hình hợp tác xã (HTX), bước đầu đạt hiệu quả đáng khích lệ, góp phần tạo việc làm mới và tăng thu nhập cho các hội viên phụ nữ trên địa bàn.

Xã Thái Thủy có địa hình đồi núi, thoáng mát, thuận lợi để phát triển chăn nuôi gà đồi theo hướng nuôi thả tự nhiên. Nhận thấy tiềm năng ấy, chị Nguyễn Thị Bích đã đầu tư chăn nuôi gà đồi với khoảng 50-60 ngàn con một năm. Thời gian đầu, do vốn ít, thiếu kinh nghiệm trong chăn nuôi, dịch bệnh thường xuyên xảy ra, giá sản phẩm đầu ra bấp bênh nên việc chăn nuôi của gia đình chị Bích gặp không ít khó khăn. Để hỗ trợ chị Bích, Hội LHPN huyện đã giúp chị tiếp cận với các cơ sở sản xuất con giống, tư vấn kỹ thuật chăn nuôi và các loại thuốc phòng chống dịch bệnh. Nhờ vậy, việc sản xuất, kinh doanh của chị dần dần ổn định, kinh tế gia đình ngày một phát triển. Với mong muốn duy trì và mở rộng quy mô chăn nuôi gà đồi và tạo sản phẩm có chất lượng, nhằm nâng cao thu nhập, tháng 6/2020, chị Nguyễn Thị Bích đã thành lập HTX chăn nuôi gà đồi Thái Thủy, với 10 lao động do chị làm chủ nhiệm đã thoát nghèo bền vững. Chị Bích cho biết: “Trước đây, các thành viên là những hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, mạnh ai nấy làm, vì vậy đã gặp rất nhiều khó khăn về vốn, kinh nghiệm chăn nuôi, dẫn đến rủi ro dịch bệnh cao, chi phí lớn, thu nhập thấp, thậm



Chị Nguyễn Thị Bích, thành viên HTX gà đồi Thái Thủy giới thiệu mô hình chăn nuôi gà thương phẩm của gia đình

Ảnh: **H.M**

chị còn bị thua lỗ nặng. Từ khi thành lập HTX, các thành viên liên kết trong chăn nuôi, tương trợ nhau trong việc nhập đàn, tiêm vắc xin, kỹ thuật chăm sóc dịch bệnh, hỗ trợ vốn..., vì vậy, đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc chăn nuôi”.

Sau khi HTX gà đồi Thái Thủy ra đời, các thành viên của HTX đã chuyển từ quy mô chăn nuôi nhỏ lẻ, tự phát sang các mô hình chăn nuôi có quy mô, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mang lại giá trị kinh tế cao hơn. Sản phẩm của HTX là các loại gà bản địa, lai trội có chất lượng thịt thơm ngon và được người tiêu dùng ưa chuộng. Gà giống được tuyển chọn nghiêm ngặt để đảm bảo mang lại những lứa gà đồi khỏe mạnh, chất lượng, an toàn với người tiêu dùng. Chuồng trại chăn nuôi được bố trí khoa học, âm áp về mùa đông, thoáng mát về mùa hè và đặc biệt nơi đặt chuồng của các hộ gần đồi núi, nhiều bóng cây mát. Đến nay, HTX có 10 thành viên, trung bình mỗi hộ nuôi từ 4.000-

(Xem tiếp trang 36)

HƯỚNG ĐI MỚI CHO NGHỀ NUÔI CUA ĐỒNG THƯƠNG PHẨM

PHẠM THẢO

Tỉnh Đoàn Quảng Bình

Cua đồng là loài thủy sản phát triển khá tốt trong môi trường tự nhiên, nhất là vùng ruộng lúa; thịt cua đồng là món ăn dân dã, ngon, bổ, quen thuộc với đời sống của người dân. Năm bắt thị yếu đó, vừa qua, Tỉnh Đoàn Quảng Bình phối hợp với Trung tâm Phát triển khoa học công nghệ và Tài năng trẻ, Trung ương Đoàn xây dựng mô hình thí điểm “Xử lý nguồn nước cho ao, ruộng nuôi cua đồng thương phẩm” tại xã Vạn Trạch, huyện Bố Trạch.

Đồng chí Nguyễn Văn Sáu, Phó Bí thư Tỉnh Đoàn, chủ nhiệm mô hình chia sẻ: “Trước đây, sản lượng cua đồng trong tự nhiên ở tỉnh Quảng Bình lên đến hàng vạn tấn, song do kỹ thuật canh tác nông nghiệp hiện nay của nông dân, sử dụng quá nhiều thuốc hóa học, phân bón trong trồng trọt đã ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng, phát triển tự nhiên, sản lượng của cua đồng. Trên địa bàn tỉnh đã xuất hiện một số mô hình nuôi cua đồng ở trên các ruộng lúa, giống cua đồng tự thu gom nên thường chịu rất nhiều ảnh hưởng của tác động cơ học, như thuốc bảo vệ thực vật, thiếu lượng nước sạch trong mùa gặt và mùa khô dẫn đến mức hao hụt khá lớn. Vì vậy, năng suất và chất lượng, nhất là việc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm chưa cao. Mô hình xử lý nguồn nước cho ao, ruộng nuôi cua đồng thương phẩm đã mở ra một hướng đi mới vừa góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, vừa đa dạng hóa các đối tượng nuôi; qua đó mở thêm hướng mới trong phát triển kinh tế cho các hộ gia đình”.

Ngay sau khi ký chương trình phối hợp với Trung tâm Phát triển khoa học công nghệ và Tài năng trẻ, chủ nhiệm mô hình đã cùng với 5

hộ gia đình thanh niên triển khai thí điểm trên 2 ao, ruộng nuôi với tổng diện tích là 5.000m² và 400kg cua giống (35 con/m²). Diện tích mỗi ao, ruộng nuôi rộng từ 2.000-2.500m²; đào các mương nhỏ tạo luống rộng khoảng 2m, sâu khoảng 0,4m để tạo luống giúp cua đồng đào hang trú ẩn. Ngoài ra, xây bờ rào bằng gạch (phần dưới chân hàng rào sâu khoảng 15cm, cao của hàng rào khoảng 80cm, tường hàng rào có trụ bê tông, hơi nghiêng vào ao nuôi và tô trơn hàng rào để chống cua đồng trèo ra ngoài). Để hạn chế hao hụt cua đồng và cung cấp thêm thức ăn, chôn trú ẩn cho cua đồng thì các hộ nuôi đã tạo thêm bờ đất phụ, chôn nhiều cành, gốc cây và thả lục bình, bèo hoặc bèo rau muống đạt khoảng 1/2-2/3 diện tích mặt nước. Mô hình sử dụng hệ thống bể chứa, bể lọc cơ học, hóa học nhằm hạn chế nguồn nước ô nhiễm trực tiếp vào ao, ruộng nuôi. Nguyên liệu gồm đá vôi, than củi, sỏi, cát để làm bể lọc xử lý nguồn nước vào ao, ruộng nuôi. Dùng giếng khoan, máy phát, máy bơm để tưới nước làm mát hang ở cua đồng trên các luống cao khi thời tiết nắng nóng, nhiệt độ cao cũng như chủ động ngăn chặn nguồn nước có lượng thuốc bảo vệ thực vật cao trong mùa cao điểm người dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên các ruộng lúa. Tổng trị giá đầu tư mô hình 344.900.000 đồng.

Theo như đồng chí Nguyễn Văn Sáu cho biết, khâu chọn giống và kỹ thuật thả giống cũng rất quan trọng và tỷ mỉ. Giống cua phải chọn giống bản địa để tránh làm giảm sức sống của cua đồng cũng như làm tăng sự nhanh chóng thích ứng với điều kiện tự nhiên. Thả cua đồng ở ven bờ hoặc trên các luống để cua tự bò xuống ao, ruộng nuôi để dễ dàng đánh giá

được chất lượng và dự đoán được mức độ hao hụt của cua giống. Tiếp tục theo dõi để đánh giá tỷ lệ cua giống chết trong 2-3 ngày đầu để bổ sung lượng giống cho đủ mật độ thả 32-35 con/m².

Chăn nuôi cua đồng chia làm 2 giai đoạn thức ăn khác nhau: Giai đoạn 1 (2 tuần đầu sau khi thả): Thức ăn bột cám gạo, bột hỗn hợp dạng mảnh đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định. Giai đoạn 2 (sau 2 tuần đầu): Thức ăn bột ngô, cá tạp, khoai lang và giảm dần bột tổng hợp. Thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu cho cua bảo quản khô ráo, phải xếp riêng từng loại và có kệ kê cao cách mặt nền 20cm và cách tường 20cm. Không để thuốc sát trùng, thuốc bảo vệ thực vật và xăng, dầu trong kho chứa thức ăn chăn nuôi.

Bên cạnh đó, khâu vệ sinh sạch ao, ruộng nuôi trước khi thả cua vào cũng được chú trọng. Ngoài việc cho nước lưu thông thường xuyên thì định kỳ mỗi tháng thay 2/3 lượng nước của ao, ruộng nuôi. Sau các đợt thu hoạch phải cho nước vào ngập các luống cao khoảng 2 giờ đồng hồ rồi thoát nước về mức thông thường; kiểm tra tường rào, bờ ao để đảm bảo cua không thoát ra khỏi ao và ruộng nuôi. Diệt sạch rắn nước có trong ao, ruộng nuôi đồng thời vớt xác chết của đồng, rác thải khó tiêu hủy trước khi thả cua vào ao, ruộng nuôi.

Sau 6 tháng triển khai thì mô hình “Xử lý nguồn nước cho ao, ruộng nuôi cua đồng thương phẩm” tại xã Vạn Trạch, huyện Bố Trạch đã thu hoạch. Mô hình đã tạo công ăn việc làm cho gần 15 lao động; nâng mức thu nhập bình quân đầu người đạt 5-7 triệu đồng/tháng. Mô hình trở thành câu nói, trở thành nơi để người dân bắt đầu khởi nghiệp tham quan, giao lưu và học hỏi lẫn nhau. Tạo sự kết nối, tạo động lực giúp lan tỏa tinh thần



Cua đồng thương phẩm

Ảnh: TL

khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Mặc dù mới thử nghiệm mô hình trong thời gian ngắn song hiệu quả đem lại đã thấy rõ. Nuôi cua đồng có rất nhiều lợi thế, nguồn thức ăn dễ tìm kiếm, giá rẻ, chủ yếu tận dụng nguồn thức ăn có sẵn trong tự nhiên, nguồn giống chỉ cần đầu tư lúc đầu, sau đó cua tự đẻ, nếu được chăm sóc tốt sẽ sinh sản rất nhanh. Hơn nữa, đây là giống nuôi có khả năng chống chịu bệnh tật cao, chi phí chăn nuôi thấp. Về đầu ra, chủ yếu tiêu thụ tại thị trường trên địa bàn huyện, thương lái tìm đến thu mua tận nơi khi cua bắt đầu xuất bán. Sản phẩm của mô hình đảm bảo an toàn cho người sử dụng, góp phần bảo vệ và nâng cao sức khỏe của người dân, thân thiện với môi trường.

Từ hiệu quả của mô hình, Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn Quảng Bình sẽ tiếp tục chỉ đạo các cấp bộ đoàn, phối hợp với chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh cải tạo vùng đất nông nghiệp giá trị kinh tế thấp để nhân rộng và phát triển thêm 20 mô hình nuôi cua đồng, góp phần sản xuất ra các sản phẩm có giá trị kinh tế cao được người tiêu dùng tin tưởng và lựa chọn. Đồng thời giải quyết việc làm thường xuyên cho gần 100 lao động với mức thu nhập bình quân từ 5-6 triệu đồng/tháng ■

XÂY DỰNG MẬT ONG TRƯỜNG XUÂN THÀNH NÔNG SẢN SẠCH, BỀN VỮNG

THÁI TOÀN

Với lợi thế diện tích rừng tự nhiên rộng lớn cùng với rừng trồng và nhiều cây ăn quả khác nên rất thuận tiện cho việc nuôi ong lấy mật ở xã miền núi Trường Xuân, huyện Quảng Ninh. Từ lợi thế đó, nhiều năm qua, câu lạc bộ (CLB) nuôi ong lấy mật ở đây ngày càng phát triển và CLB quyết tâm xây dựng mật ong Trường Xuân thành chuỗi nông sản sạch, bền vững.

Năm 1968, Nguyễn Ngọc Lãnh lên đường tham gia lực lượng thanh niên xung phong (TNXP), ông làm liên lạc các Trạm giao liên Từ Lùi, Kim Sen (xã Trường Xuân), vào đèo 1001 trên tuyến đường 10 (Lệ Thủy) vào đến Bãi Hà ở tỉnh Quảng Trị. Những năm tháng làm lính TNXP đã rèn luyện thêm bản tính gan dạ, dám hy sinh và tình thương yêu đùm bọc, sẻ chia, tình đồng chí, đồng đội ở trong ông. Sau 8 năm “đầu đội bom, chân đạp đất”, trở về với đời thường, ông Nguyễn Ngọc Lãnh lập gia đình và tham gia nhiều hoạt động khác xây dựng bản, làng Trường Xuân. Năm 2000, ông tham gia Dự án Phân cấp giảm nghèo huyện Quảng Ninh, ông cùng 6 thành viên khác ở Trường Xuân được dự án tập huấn chuyển giao kỹ thuật nuôi ong lấy mật. Tháng 11 năm đó, UBND xã Trường Xuân có quyết định thành lập CLB nuôi ong lấy mật do ông làm chủ nhiệm. Vừa nuôi ong, ông và các thành viên khác tuyên truyền, vận động thêm các hộ gia đình, trong đó có nhiều cựu TNXP như các bà Hoàng Thị Vân, Nguyễn Thị Sương, các ông Dương Văn Hồng, Nguyễn Văn Lúc, Nguyễn Quang Tuấn, Nguyễn Văn Cư cùng tham gia CLB. Cứ 2 tháng một lần, CLB sinh hoạt để đúc rút kinh nghiệm, trao đổi, học hỏi lẫn nhau

kỹ thuật làm tổ, tách đàn, làm khay, kỹ thuật lấy khay ra khỏi tổ, quy trình vắt mật... và giúp nhau trong quá trình nuôi ong. Từ các đợt sinh hoạt CLB mà lan tỏa ra, nhiều người dân khác nhận biết lợi thế từ nuôi ong lấy mật nên CLB ngày càng nhân rộng có nhiều thành viên hơn. Đến nay, CLB có đến 70 thành viên, trong đó có 15 hội viên cựu TNXP, nuôi trên 960 đàn ong. Nuôi mỗi đàn ong, chỉ đầu tư 200.000đ để đóng hộp cho ong ở và mua ong giống, tấm khay cho ong làm mật mà lợi nhuận lại cao gấp nhiều lần. Hàng năm, bắt đầu lấy mật từ tháng 12 dương lịch đến hết tháng 7, mùa mưa rét và nắng nóng con ong không lấy mật; những lúc nắng đẹp, có sương mù, đặc biệt “tháng 3 mùa con ong lấy mật” là mật nhiều nhất.

Cựu TNXP Nguyễn Quang Tuấn, thôn Quyết Thắng cho biết: “Có thời điểm gia đình tôi nuôi đến 80 đàn ong, nhờ thế nên kinh tế gia đình khá lên. Trận lũ lịch sử tháng 10 năm 2000, tất cả đàn ong của gia đình đều bị cuốn trôi theo nước lũ. Sau lũ, tôi mua lại 5 đàn và Trung tâm Ong giống ở Hà Nội hỗ trợ 2 đàn, các thành viên trong CLB hỗ trợ thêm nên hiện tại gia đình có được 10 đàn ong. Nay sức khỏe đã yếu, đi lại khó khăn nhưng nhờ sự giúp đỡ, hỗ trợ, động viên của anh em trong CLB nên tôi quyết tâm phát triển thêm đàn ong”.

Trong CLB, thành viên nuôi ít cũng được 10 đàn, thành viên nuôi nhiều nhất như các hộ Hồ Quý, Nguyễn Ngọc Lãnh, Võ Thị Hòe được 70 đàn mỗi hộ. Tính ra, mỗi năm, CLB thu về từ 3,2 tấn đến 3,5 tấn mật ong. Bình quân mỗi năm, mỗi đàn lấy được 6 lít mật, mỗi lít bán được 470.000 đồng, 6 lít thu về 2.820.000đ. Gia đình nuôi ít nhất, mỗi năm thu



Ông Nguyễn Ngọc Lãnh hướng dẫn kỹ thuật nuôi ong lấy mật cho các thành viên CLB

Ảnh: T.T

trên 28 triệu đồng, những hộ nuôi 70 đàn thu về từ mật ong trên 197 triệu đồng, chưa kể bán đàn ong giống (mỗi đàn mỗi năm tách thêm 3 đàn khác, bán được 3 triệu đồng). Ông Nguyễn Ngọc Lãnh - Chủ nhiệm CLB chia sẻ: “Nghề nuôi ong không đòi hỏi vốn đầu tư nhiều, không vất vả như các việc chân tay khác nên ai cũng có thể nuôi ong được. Mỗi ngày, người nuôi chỉ cần 2 đến 3 giờ để chăm sóc, vệ sinh thùng ong. Nhưng khó ở chỗ trong quá trình chăm sóc đòi hỏi phải cẩn thận, kiên trì, tỉ mỉ và nắm rõ đặc tính của con ong như cách di chuyển, ăn, xây tổ, cách chia đàn, cách lấy khay ra vắt mật và bỏ khay vào; có như vậy con ong mới gắn bó với gia chủ và không bỏ đi. So với những con vật khác, nuôi ong ổn định hơn và ong không có nhiều dịch bệnh như gia súc, gia cầm. Mật khác, trong quá trình lấy mật cũng như phần hoa, con ong sẽ giúp thụ phấn cho các loại cây trồng và cây hoa màu, từ đó làm tăng thêm hiệu quả đậu trái của cây trồng. Nuôi ong là một nghề tạo công ăn việc làm cho nhiều lao động và giúp họ tăng thêm thu nhập,

góp phần xóa đói giảm nghèo”.

Mật ong của các thành viên trong CLB được khách hàng ưa chuộng, người này mua rồi mách bảo người kia là mật thật, mang hương vị thơm, ngọt dễ chịu, cứ thể lan tỏa khắp ở trong huyện, trong và ngoài tỉnh. Năm 2017, Dự án Phát triển nông thôn bền vững tỉnh Quảng Bình (RSDP) kiểm tra chất lượng mật ong và đánh giá mật ong của CLB xã Trường Xuân rất tốt, tương đương mật ong bạc hà ở tỉnh Hà Giang. Với mục tiêu “Mỗi xã mỗi sản phẩm” (OCOP), hiện nay, mật ong Trường Xuân là một trong 11 sản phẩm OCOP của huyện Quảng Ninh kết nối theo hình thức chuỗi liên kết.

Với nuôi ong ở CLB xã Trường Xuân là con ong lấy mật hữu cơ, tự nhiên nên mật ong hoàn toàn sạch, ngọt, nguyên chất. Câu lạc bộ quyết tâm xây dựng và giữ giá trị mật ong Trường Xuân thành một chuỗi giá trị nông sản sạch. Đây là một mô hình có tiềm năng bền vững, tạo thành thương hiệu nông sản sạch, an toàn thực phẩm, hiệu quả kinh tế cao cần được nhân rộng ■

HIỆU QUẢ TỪ NHỮNG MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA MỘT ĐỊA PHƯƠNG THUẦN NÔNG

LÊ CHIỀU PHÙNG

Hạ Trạch nằm phía bắc của huyện Bố Trạch với diện tích tự nhiên trên 1.840ha, trong đó diện tích trồng lúa chỉ có 228ha. Hạ Trạch không chỉ giàu truyền thống đấu tranh cách mạng mà còn hội tụ đầy đủ thế mạnh về nông, lâm, thủy sản... thế nhưng vẫn thuộc diện chậm phát triển bởi Hạ Trạch chưa bứt phá ra khỏi tư duy thuần nông đã kéo dài hàng chục năm qua.

Những năm 1990, kinh tế của xã Hạ Trạch chủ yếu dựa vào trồng lúa và hoa màu nhằm giải quyết vấn đề lương thực. Cũng vì thế mà các thể hệ lãnh đạo địa phương lúc bấy giờ luôn dành phần lớn diện tích để trồng lúa và hoa màu nên thu nhập của người lao động quá thấp so với các địa phương khác trong khu vực. Mãi đến Đại hội Đảng bộ xã Hạ Trạch lần thứ 19 nhiệm kỳ 1996-2000 được xem là dấu mốc về sự đổi mới căn bản của địa phương về tư duy phát triển kinh tế - xã hội. Cũng từ Đại hội này, các chương trình, đề án phát triển nông nghiệp, mở rộng diện tích thâm canh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng nâng cao hiệu quả trên một đơn vị diện tích mới được triển khai. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, cùng với phát triển mạnh về nông nghiệp, dịch vụ, mở mang ngành nghề nông thôn, xã Hạ Trạch tiến hành quy hoạch tổng thể toàn bộ diện tích, khai thác hiệu quả hai hồ chứa nước Vực Sanh và Cửa Nghè, trong đó chú trọng phát triển thêm nuôi trồng thủy sản và coi nuôi trồng thủy sản là ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương. Từ chủ trương này, lãnh đạo xã tập trung chỉ đạo, hướng dẫn các hộ gia đình đầu tư thâm canh nông nghiệp, mở rộng chăn nuôi, mở thêm

diện tích nuôi trồng thủy sản, nhờ đó sản lượng lương thực năm 1997 lần đầu tiên cán mốc 2.600 tấn, nuôi trồng thủy sản đạt 150 tấn, rồi tăng lên 200-300 tấn những năm tiếp theo. Chăn nuôi có nhiều chuyển biến tích cực, từ chỗ chăn nuôi nhỏ lẻ đã nâng tổng đàn gia súc, gia cầm lên 70.000 con đạt 135% kế hoạch đề ra. Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản có nhiều chuyển biến tích cực, vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn đạt trên 15 tỷ đồng; thu ngân sách gần 5 tỷ đồng và cũng là lần đầu tiên thu nhập bình quân đạt trên 26 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo từ 9,72 xuống còn 4,67%, hàng chục hộ không chỉ thoát nghèo mà còn vươn lên làm giàu; bộ mặt nông thôn từng bước được khởi sắc. Hạ Trạch là một trong bảy địa phương đầu tiên của huyện Bố Trạch được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình cấp Bằng chứng nhận hoàn thành Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Từ những kết quả bước đầu, Đảng bộ xã Hạ Trạch tiếp tục ra nghị quyết về phát triển kinh tế bền vững, đổi mới cơ cấu kinh tế, nâng cao đời sống cho người lao động. Từ nghị quyết này, một lần nữa lãnh đạo địa phương tiến hành quy hoạch lại toàn bộ diện tích nước mặn lợ, vùng bầu, diện tích đất lúa năng suất thấp và cho đấu thầu diện tích nuôi trồng thủy sản. Sau khi trúng thầu, bà con đã mạnh dạn vay vốn mua sắm phương tiện, triển khai nạo vét lòng hồ, tìm nguồn giống... Ngay từ vụ đầu tiên, nhiều hộ thu hàng chục triệu thậm chí có hộ hàng trăm triệu đồng. Phát huy kết quả đã đạt được, cùng với 200ha diện tích mặn lợ, Hạ Trạch tiếp tục khai thác thêm hàng chục ha vùng trũng, vùng bầu để nuôi cá nước ngọt. Từ

vụ đầu tiên, mô hình “lúa - vịt - cá” đã được bà con áp dụng thành công với năng suất rất cao. Điển hình về phong trào thâm canh nuôi trồng thủy sản có gia đình anh Lưu Hữu Phúc, anh Nguyễn Văn Sòng, anh Phan Văn Phú, anh Nguyễn Việt Hưng, anh Lê Chiêu Huân thôn 5; gia đình anh Lê Chiêu Bình, anh Lê Quang Bình, anh Lê Quang Chiến thôn 2; gia đình anh Nguyễn Văn Nam thôn 1 và hàng chục hộ đi đầu về phong trào nuôi trồng thủy sản. Cùng với phát triển nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, nhiều hộ đầu tư vào ngành nghề xây dựng, xay xát, vận chuyển, dịch vụ, tiêu thương; riêng hộ gia đình Thành - Nguyệt đầu tư mua sắm xe đông lạnh, xe vận tải và trực tiếp thu mua nông sản không chỉ thu nhập hàng trăm triệu đồng/năm mà còn tạo việc làm cho hàng chục lao động của địa phương.

Hiện tại, phong trào thâm canh nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, ngành nghề nông thôn của xã Hạ Trạch đã lan rộng đến từng thôn, xóm, từng hộ gia đình và đây chính là đòn bẩy quan trọng làm thay đổi diện mạo nông thôn thuần nông đã kéo dài hàng chục năm qua. Xin nêu một vài con số để khẳng định phát triển kinh tế nông nghiệp, dịch vụ, trong đó có nuôi trồng thủy sản là bước đi đúng của xã Hạ Trạch. Vào những năm trước 1998, thu nhập bình quân chỉ đạt 2 triệu đồng/người, năm 2015 tăng lên gần 30 triệu đồng và đến năm 2020 đã đạt trên 40 triệu đồng/người/năm. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ 24 nhiệm kỳ 2020-2025 xã Hạ Trạch đề ra mục tiêu đạt 2.850 tấn lương thực, sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt trên 400 tấn, trên 420 tấn lợn xuất chuồng, thu nhập bình quân đầu người đạt trên 60 triệu đồng/năm, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 1,5% và tạo thêm việc làm cho hàng trăm lao động. Cùng



Hoàn thành nạo vét vùng nuôi tôm chuẩn bị cho vụ mới

Ảnh: L.C.P

với phát triển kinh tế, hệ thống điện, đường, trường, trạm của địa phương cơ bản hoàn thành, đình làng Cao Lao Hạ và 24 nhà thờ họ khang trang, hệ thống trường học đạt chuẩn quốc gia, đang phấn đấu đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2; là một trong những địa phương luôn giữ vững an ninh trật tự và an toàn xã hội của huyện Bố Trạch.

Để đạt được mục tiêu mà Đại hội Đảng bộ lần thứ 24 nhiệm kỳ 2020-2025, cùng với phát triển dịch vụ, đa dạng hóa ngành nghề nông thôn, xã Hạ Trạch cần khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế toàn diện theo hướng cơ cấu nông nghiệp bền vững; tập trung tăng năng suất lúa 2 vụ; tiếp tục chuyển diện tích đất lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản; khuyến khích đầu tư xây dựng trang trại tổng hợp; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa; ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp; thực hiện tốt chính sách khuyến nông, khuyến lâm; nhân rộng mô hình sản xuất có hiệu quả... Có như vậy, Hạ Trạch không chỉ điển hình về xây dựng nông thôn mới mà sẽ là điểm sáng về phát triển kinh tế - xã hội của huyện Bố Trạch ■

XÂY DỰNG ỨNG DỤNG CẢNH BÁO TRỘM, CƯỚP CÓ SỬ DỤNG SÚNG DỰA TRÊN MẠNG NƠ-RON NHÂN TẠO

ThS. NGUYỄN DUY LINH

Trường Đại học Quảng Bình

1. Đặt vấn đề

Thời gian gần đây, trên cả nước đã xảy ra nhiều vụ việc trong đó tội phạm liều lĩnh sử dụng vũ khí nóng để cướp ngân hàng, tiệm vàng và cửa hàng. Điển hình là những vụ cướp diễn ra tại các địa phương như Khánh Hòa, Tp. Hồ Chí Minh, Bắc Giang, Vĩnh Long, Lào Cai, Quảng Ninh,...[1]

Để ngăn chặn và kiểm soát loại tội phạm cực kỳ nguy hiểm này, pháp luật cũng đã quy định những chế tài nghiêm khắc. Bên cạnh đó, các ngân hàng, tiệm vàng và cửa hàng cũng trang bị các biện pháp tự vệ như thành lập lực lượng bảo vệ chuyên nghiệp, đào tạo và trang bị kỹ năng phòng chống tội phạm cho nhân viên, lắp đặt các hệ thống camera giám sát.

Nhận thấy tầm quan trọng của công tác cảnh báo loại tội phạm này, chúng tôi đã xây dựng hệ thống cảnh báo trộm, cướp có sử dụng súng. Hệ thống được xây dựng dựa trên phần mềm mã nguồn mở, có thể tận dụng các loại camera hiện có và đạt độ chính xác cao. Ngoài phát hiện súng, hệ thống còn có thể mở rộng để nhận diện các loại vũ khí nóng khác như dao,

gậy, côn,...

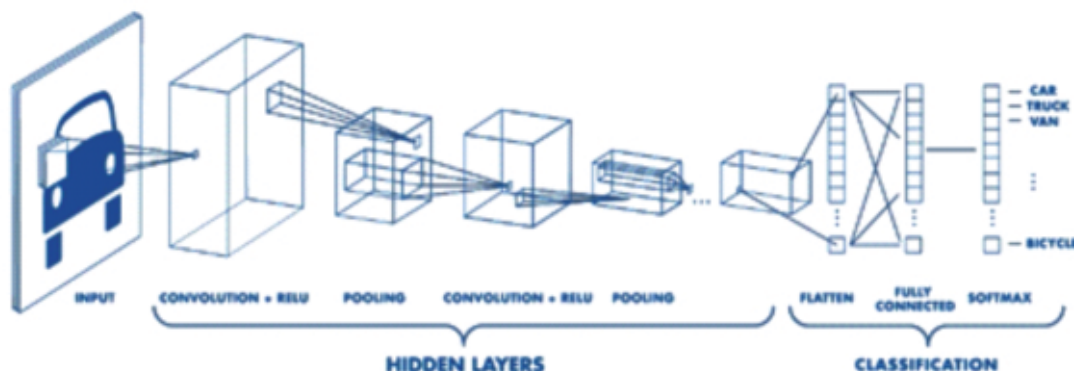
2. Mạng nơ-ron nhân tạo - Convolutional Neural Network (CNN)

2.1. Giới thiệu

Convolutional Neural Network là một loại mạng nơ-ron nhân tạo được ứng dụng rất nhiều cho học sâu (Deep learning) trong thị giác máy tính (Computer Vision) như nhận diện ảnh, phân loại ảnh, phân loại đối tượng, nhận diện gương mặt và một số ứng dụng khác trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, tin sinh học, robotic, tự động hóa. Từ một mạng nơ-ron đơn giản vài lớp mạng người ta có thể tạo ra các kiến trúc mạng nơ-ron khác nhau với độ phức tạp cao tới hàng trăm lớp mạng.

CNN bao gồm tập các lớp cơ bản bao gồm: Convolution layer + Nonlinear layer, Pooling layer, Fully connected layer. Các lớp này liên kết với nhau theo một thứ tự nhất định và bộ ba Convolution layer + Nonlinear layer + Pooling layer có thể được lặp lại nhiều lần trong network. Hình 1 mô tả một cấu trúc cơ bản của mạng CNN dùng để phân loại đối tượng trong ảnh [2].

Hình 1: Cấu trúc cơ bản của một mạng CNN cho phân loại đối tượng trong ảnh



Có thể kể đến các kiến trúc CNN cơ bản như: LeNet, AlexNet, ZFNet, VGGNet, GoogleNet, ResNet, Densenet và các kiến trúc CNN được phát triển sau này với sự hỗ trợ tính toán trên các GPU như: R-CNN, Fast-RCNN, Faster-RCNN, Yolo.

2.2. Mã nguồn mở Darknet

Darknet là một kiến trúc mạng nơ-ron mã nguồn mở được viết với ngôn ngữ lập trình C và CUDA. Đây là mã nguồn dễ dàng cài đặt nhanh chóng và hỗ trợ tính toán trên cả CPU và GPU [3]. Darknet là cơ sở của kiến trúc mạng Yolo [4] được phát triển bởi J. Redmon (là tác giả chính của chuỗi các bài báo nổi tiếng về kiến trúc mạng Yolo). Hình 2 mô tả chi tiết cấu trúc các lớp mạng của mã nguồn Darknet-53 [3] được sử dụng trong quá trình đào tạo hệ thống.

3. Triển khai ứng dụng

3.1. Sơ đồ hệ thống

3.2. Cài đặt và huấn luyện dữ liệu

Ứng dụng được triển khai đào tạo và

cảnh báo qua các quá trình sau:

- *Thu thập dữ liệu (dataset)*: Các hình ảnh về súng đã được chú thích tọa độ chứa súng trong ảnh theo định dạng (x, y, w, h) trong đó (x, y) là tọa độ điểm trung tâm, w là chiều rộng và h là chiều cao của hình chữ nhật (box) chứa súng. Dataset dùng trong hệ thống này được thu thập từ [5] với 6.000 hình ảnh đã được chú thích.

- *Đào tạo (training) hệ thống*: Tập ảnh đầu vào được training thông qua Darknet Network. Mục đích của nó là làm cho hệ thống có thể nhận dạng được các loại súng khác nhau và định vị vị trí của súng trong các hình ảnh.

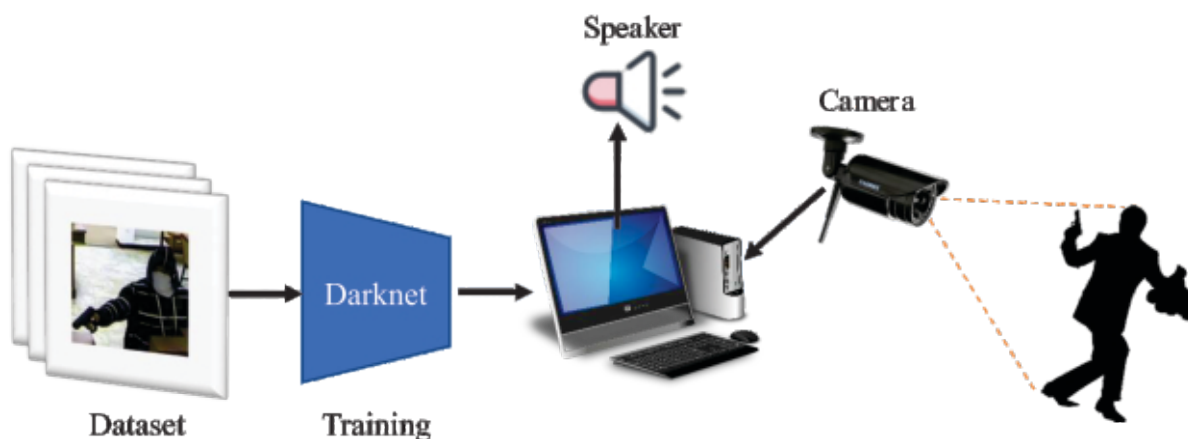
- *Nhận dạng và cảnh báo*: Với hình ảnh được thu thập từ camera, hệ thống sẽ phân tích dữ liệu dựa trên những gì đã được đào tạo từ quá trình training trước đó để đưa ra dự đoán. Nếu trong ảnh có chứa hình các loại súng thì hệ thống sẽ đưa ra cảnh báo bằng tính hiệu âm thanh thông qua hệ thống loa (speaker).

3.3. Kết quả thử nghiệm thực tế

Hình 2: Darknet-53

	Type	Filters	Size	Output
1x	Convolutional	32	3 × 3	256 × 256
	Convolutional	64	3 × 3 / 2	128 × 128
	Convolutional	32	1 × 1	
	Convolutional	64	3 × 3	
	Residual			128 × 128
2x	Convolutional	128	3 × 3 / 2	64 × 64
	Convolutional	64	1 × 1	
	Convolutional	128	3 × 3	
	Residual			64 × 64
8x	Convolutional	256	3 × 3 / 2	32 × 32
	Convolutional	128	1 × 1	
	Convolutional	256	3 × 3	
	Residual			32 × 32
8x	Convolutional	512	3 × 3 / 2	16 × 16
	Convolutional	256	1 × 1	
	Convolutional	512	3 × 3	
	Residual			16 × 16
4x	Convolutional	1024	3 × 3 / 2	8 × 8
	Convolutional	512	1 × 1	
	Convolutional	1024	3 × 3	
	Residual			8 × 8
	Avgpool		Global	
	Connected		1000	
	Softmax			

Hình 3: Sơ đồ cấu trúc hệ thống



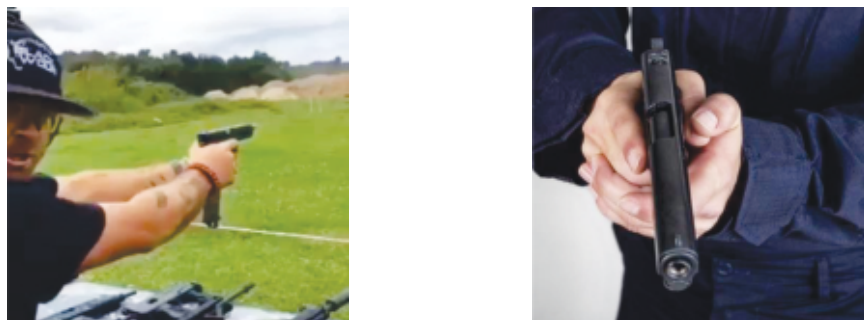
Chúng tôi đã tiến hành training hệ thống trên dịch vụ miễn phí Google Colab trong 48 giờ với 10.000 vòng lặp và tiến hành thử nghiệm với ảnh tĩnh [6], [7] và video thu được từ camera giám sát [8]. Kết quả thu được với độ chính xác cao với những camera có độ phân giải cao và những ảnh thu được chất lượng tốt,

khoảng cách gần. Độ chính xác thu được thấp khi sử dụng các loại camera có độ phân giải thấp, hình ảnh thu được mờ và khoảng cách ảnh chụp xa hoặc bị nhiễu mạnh.

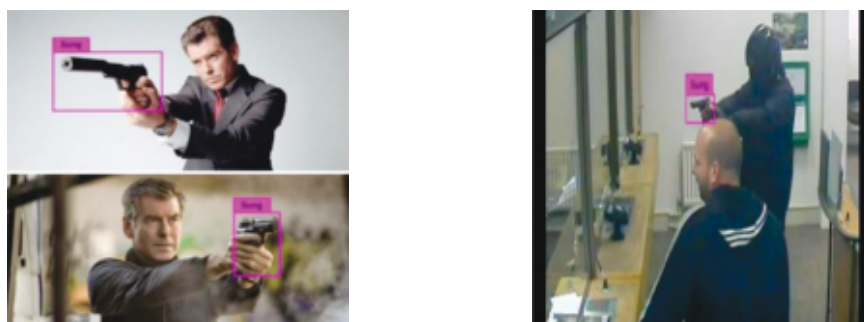
4. Kết luận

Ứng dụng đã được triển khai thử nghiệm trên thực tế với các thao tác đơn giản đã thu

Hình 4: Hình ảnh súng từ dataset



Hình 5: Hình ảnh dự đoán từ hệ thống



a- Hình ảnh với độ phân giải

b- Hình ảnh video thu được từ camera giám sát

được kết quả khá tốt.

Ưu điểm: Có thể sử dụng các thiết bị hiện có như camera của laptop hoặc camera thường để giám sát, sử dụng phần mềm mã nguồn mở và nền tảng dịch vụ miễn phí Google Colab để training hệ thống nên tiết kiệm được nhiều chi phí triển khai. Có thể giám sát và cảnh báo theo thời gian thực nên sớm ngăn chặn các thiệt hại do tội phạm gây ra, bảo vệ con người và tài sản. Hệ thống có thể training mở rộng trên các dataset của các loại vũ khí nóng khác như dao,

côn, gậy,... nên tăng cường khả năng cảnh báo và đảm bảo an toàn.

Nhược điểm: Kết quả nhận dạng kém hoặc không nhận dạng được hình ảnh súng khi camera thu thập hình ảnh độ phân giải thấp, ảnh nhiễu mạnh (mờ, ngược sáng, rung lắc, chòng chẹo các vật khác,...) hoặc khoảng cách rất xa. Một số trường hợp có thể gây cảnh báo nhầm khi camera thu được các hình ảnh tương tự súng hoặc tội phạm sử dụng dụng cụ giả ■

Tài liệu tham khảo:

1. <https://baomoi.com>
2. <https://www.mathworks.com>
3. <https://pjreddie.com/darknet>
4. Redmon, J., Farhadi, A.: YOLOv3: An Incremental Improvement, <http://arxiv.org/abs/1804.02767>, (2018).
5. <http://ainoodle.tech>
6. <https://www.range365.com>
7. <https://www.elfann.com>
8. https://www.youtube.com/watch?v=751xcpOe_gU

HUYỆN LỆ THỦY HỖ TRỢ PHỤ NỮ... (Tiếp theo trang 26)

6.000 con, một năm 3 lứa, với giá bán từ 100-120 ngàn đồng/kg. Hợp tác xã đã xuất bán 108 tấn gà thành phẩm, doanh thu ước đạt 9-10 tỷ đồng. Thực phẩm gà đồi sạch của HTX được xuất bán các nhà hàng, siêu thị lớn trong tỉnh và các tỉnh lân cận.

Ngoài nuôi gà đồi, các chị trong HTX còn nuôi thêm lợn, bò, ngan, vịt để phát triển kinh tế gia đình. Nhờ đó, nguồn thu nhập ổn định, tỷ lệ hộ nghèo giảm hẳn. Chị Nguyễn Thị Diệp, Chủ tịch Hội LHPN xã Thái Thủy, huyện Lệ Thủy cho biết: “Trên địa bàn xã Thái Thủy có rất nhiều mô hình phát triển kinh tế như: Mô hình nấu dầu tràm và làm hương thấp, mô hình chăn nuôi cá lóc, cá chình. Đặc biệt, mô hình HTX chăn nuôi gà đồi Thái Thủy đã thu hút lao động nữ trên địa bàn và tăng thu nhập cho hội viên phụ nữ. Thời gian tới, Hội LHPN xã Thái Thủy sẽ tăng cường công tác tuyên truyền vận động, để nhân rộng mô hình HTX gà đồi Thái Thủy, đồng thời tăng thu nhập và giảm nghèo bền vững”.

Mô hình HTX đã hỗ trợ cho phụ nữ nông

thôn ở Thái Thủy phát triển kinh tế, tăng thu nhập. Mô hình phát triển kinh tế tập thể này còn thắt chặt tình đoàn kết, tương trợ lẫn nhau trong cuộc sống giữa các thành viên. Chị Lê Thị Trà Giang, Chủ tịch Hội LHPN huyện Lệ Thủy khẳng định: “Thời gian tới, huyện hội sẽ phối hợp tổ chức nhiều lớp tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt cho chị em, nhất là với các tổ hợp tác, đồng thời sẽ tạo điều kiện cho chị em vay vốn ưu đãi qua kênh của hội để đầu tư mở rộng cơ sở sản xuất HTX của mình”.

Từ hiệu quả của mô hình HTX chăn nuôi gà đồi của phụ nữ xã Thái Thủy, có thể khẳng định, mô hình HTX do phụ nữ làm chủ là hướng hoạt động hiệu quả trong mục tiêu phát triển kinh tế của địa phương. Qua đó, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, hội viên phụ nữ, giúp chị em từng bước nâng cao vị thế người phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội, góp phần tích cực thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh ■

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ QUÁCH XUÂN KỲ XỨNG DANH MANG TÊN MỘT ANH HÙNG

ThS. PHẠM TRUNG KIÊN

Phó Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh Quảng Bình

Trường Trung học cơ sở (THCS) Quách Xuân Kỳ, huyện Bố Trạch là ngôi trường có bề dày thành tích nhất trong phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt” của tỉnh Quảng Bình. Trong những năm qua, cơ sở vật chất của nhà trường được tăng trưởng theo hướng hiện đại hóa, đáp ứng ngày càng cao yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên gồm 54 người, 100% đạt chuẩn và trên chuẩn (trong đó có 5 cán bộ, giáo viên đạt trình độ thạc sĩ) luôn giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, đoàn kết nhất trí, có ý thức trách nhiệm cao trong lao động sự phạm.

Vinh dự và tự hào được mang tên Người Anh hùng liệt sĩ Quách Xuân Kỳ, trong hơn 10 năm qua, tập thể cán bộ, giáo viên, học sinh của trường luôn xác định dạy và học là nhiệm vụ trọng tâm. Nhà trường thường xuyên đẩy mạnh hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, tích cực cải tiến phương pháp, đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị, vì vậy, chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao, chất lượng dạy học năm sau cao và vững chắc hơn năm trước, từ năm học 2009-2010 đến năm học 2018-2019, Trường liên tục thực hiện nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt, khá chiếm từ 94-99,8%, không có học sinh xếp loại đạo đức yếu, kém.

Bằng các giải pháp nâng cao chất lượng văn hóa, chất lượng đại trà, tỷ lệ học sinh khá, giỏi qua các năm chuyển biến theo chiều hướng tăng rõ rệt. Cụ thể, giai đoạn từ năm 2015-2016 đến năm học 2018-2019 tỷ lệ học sinh khá, giỏi tăng lên 10%, năm 2015-2016 đạt 81,3%, đến năm học 2017-2018 tăng lên

90,6%. Tỷ lệ học sinh yếu ngày càng giảm, từ năm học 2014-2015 đến nay không có học sinh xếp loại yếu, kém. Đặc biệt, trong hai năm học 2015-2016 và 2016-2017 nhà trường đã thực hiện có hiệu quả phương pháp dạy học theo mô hình Trường học mới cấp THCS, kết hợp với bồi dưỡng mũi nhọn học sinh giỏi được các trường bạn quan tâm trao đổi và áp dụng. Chính điều đó đã làm cho chất lượng dạy và học của trường ngày càng cao. Học sinh của trường hàng năm tham gia thi và đạt kết quả cao vào các trường chuyên của tỉnh, của khu vực như Trường THPT chuyên Võ Nguyên Giáp, Trường THPT Quốc học Huế, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Tính riêng năm học 2018-2019, có 36 học sinh thi đỗ các trường chuyên danh tiếng.

Song song với việc giữ vững chất lượng đại trà, nhà trường luôn quan tâm đến chất lượng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu. Hàng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch cụ thể, Hội đồng bồi dưỡng học sinh giỏi tập trung các giáo viên có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm giảng dạy nên đã đạt được nhiều thành tích qua các kỳ thi trong nhiều năm học. Trong quá trình dạy học, Hội đồng bồi dưỡng học sinh giỏi tổ chức thi để tiếp tục chọn lựa học sinh đủ tiêu chuẩn tham gia học sinh giỏi các cấp. Với cách làm khoa học và phù hợp nên số học sinh đạt học sinh giỏi cấp tỉnh trở lên đều có nhiều chuyển biến cả về số lượng lẫn chất lượng. Cùng với sự nỗ lực của mình, nhiều học sinh đã đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia. Đó là niềm vinh dự lớn không chỉ cho nhà trường



Đại diện Ban Giám hiệu Trường THCS Quách Xuân Kỳ
dự Đại hội Thi đua Yêu nước Toàn quốc lần thứ X

Ảnh: P.T.K

mà còn là niềm tự hào của huyện, của tỉnh.

Bên cạnh đó, nhà trường cũng luôn tham gia đầy đủ các cuộc thi học sinh giỏi các cấp do ngành tổ chức và là một trong những đơn vị luôn đứng đầu toàn tỉnh về công tác bồi dưỡng học sinh giỏi. Cụ thể, tại các kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện trong 10 năm qua, trường có tổng số 2.692 lượt học sinh đạt giải cấp huyện, dẫn đầu toàn huyện về số lượng và chất lượng giải. Hàng năm, Trường THCS Quách Xuân Kỳ có số lượt học sinh đạt giải chiếm 82-88% của toàn huyện. Kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh: Từ năm học 2009-2010 đến năm học 2018-2019 có tổng số 1.006 lượt học sinh đạt giải, trong đó giải Nhất 84 giải (chiếm 8,3%); giải Nhì 260 giải (chiếm 25,8%); giải Ba 328 giải (chiếm 32,6%); giải Khuyến khích 326 giải (chiếm 33,2%). Năm học 2018-2019, theo quyết định của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Bình quy định không chế về số lượng học sinh

tham gia kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh 6 học sinh/1 đội tuyển, nên về số lượng giải giảm (37 giải), tuy nhiên, về chất lượng tỷ lệ học sinh đạt giải Nhất (4 giải), Nhì (12 giải) chiếm 35,1% tổng số giải. Kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia: Từ năm học 2009-2010 đến năm 2018-2019 có tổng số 72 giải quốc gia; trong đó 16 giải Vàng, 17 giải Bạc, 19 giải Đồng, 20 giải Khuyến khích. Đặc biệt, trong những năm học 2011-2012, 2012-2013, 2015-2016, 2016-2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức nhiều cuộc thi: Olympic Tiếng Anh qua Internet (IOE), giải Toán qua mạng Internet bằng Tiếng Việt, giải Toán qua mạng Internet bằng Tiếng Anh nên số lượng và chất lượng giải chiếm tỷ lệ cao. Trong hai năm học 2017-2018, 2018-2019 theo nguyện vọng phụ huynh, để giảm bớt áp lực thi cử cho học sinh và tập trung ôn thi cho kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT chuyên và không chuyên nên

nhà trường chủ trương không tham gia thi.

Hàng năm, học sinh của trường cũng tích cực tham gia và đạt nhiều giải cao trong các cuộc thi Hội khỏe Phù Đổng, điền kinh, cờ vua, Giai điệu tuổi hồng, cuộc thi Tài năng tiếng Anh (OTE)...

Thông qua các hoạt động dạy và học, các phong trào thi đua, trong nhiều năm học vừa qua đã xuất hiện nhiều nhân tố mới là cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh... xứng đáng là những tấm gương tiêu biểu không chỉ của nhà trường mà còn của huyện, của tỉnh nhà, là niềm tự hào của bao thế hệ cán bộ, giáo viên và học sinh, tiêu biểu như thầy giáo Mai Văn Phú - nguyên Hiệu trưởng nhà trường, có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi môn Toán cho huyện nhà; thầy giáo Trần Anh Tâm - Hiệu trưởng, với nhiều đóng góp trong công tác quản lý, đặc biệt đã đưa ra nhiều sáng kiến đổi mới trong việc tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công tác quản lý chuyên môn và hoạt động dạy học, dạy học sinh giỏi; thầy giáo Đoàn Thanh Hải bồi dưỡng học sinh giỏi có 27 lượt học sinh đạt giải cấp quốc gia; cô giáo Quách Thị Việt Hà có trên 20 lượt học sinh đạt giải cấp quốc gia; cô giáo Nguyễn Thị Hải Lý đạt giải Nhất hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, đội tuyển môn Sinh học đạt giải cấp tỉnh 100%. Nhiều thầy cô giáo vừa đạt thành tích cao trong Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, vừa có nhiều học sinh đạt giải cấp tỉnh ở các bộ môn phụ trách như cô giáo Nguyễn Lê Thủy, thầy giáo Phan Anh Tú, cô giáo Lê Thị Hồng Trang...

Trong thành tích học sinh giỏi các cấp có thể kể tên của một số học sinh tiêu biểu trong các năm học gần đây như năm học 2016-2017: có em Nguyễn Hữu Thành học sinh lớp 9A đạt Huy chương Vàng cấp quốc gia và giải Ba tỉnh môn thi Toán qua mạng, đạt giải Ba tỉnh môn Toán bằng máy tính cầm tay, đạt giải Nhì cấp tỉnh môn Vật lý; em Nguyễn Từ Nhật Hạ học

sinh lớp 9A đạt Huy chương Đồng cấp quốc gia và giải Nhất cấp tỉnh môn thi Toán qua mạng; Em Trần Văn Ngọc lớp 9D đạt Huy chương Bạc quốc gia và giải Nhì cấp tỉnh môn Toán qua mạng; giải Nhất môn Toán bằng máy tính cầm tay; em Hồ Thị Thanh Thảo học sinh lớp 9A đạt Huy chương Bạc cấp quốc gia và giải Nhì tỉnh môn Toán qua mạng, giải Nhì môn Hóa học, giải Nhất môn Toán và giải Ba môn giải Toán bằng máy tính cầm tay cấp tỉnh; em Phạm Hữu Thắng lớp 9A đạt Huy chương Vàng cấp quốc gia và giải Ba cấp tỉnh môn Toán qua mạng, giải Nhì môn Vật lý, giải Ba môn Toán và giải Ba môn Toán bằng máy tính cầm tay cấp tỉnh; em Nguyễn Châu Ngọc Khanh, học sinh lớp 9B đạt giải Ba Tài năng Tiếng Anh cấp tỉnh, Nhất cấp tỉnh môn Tiếng Anh, môn Toán và Toán qua mạng, rất nhiều học sinh đạt từ 3-4 giải, nhiều em đạt giải Nhất, Nhì ở tất cả các môn thi...

Với những thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt”, trong 10 năm qua, nhà trường liên tục được tặng Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, 9 lần được tặng Cờ Thi đua của UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo về dẫn đầu khối THCS toàn tỉnh; Được tặng Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 2017), năm học 2019-2020 được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ Thi đua; đặc biệt 13/11/2020, Chủ tịch Nước đã ký Quyết định số 2015/QĐ-CTN phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lao động” thời kỳ đổi mới cho Trường THCS Quách Xuân Kỳ đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động, sáng tạo từ năm 2009 đến năm 2019, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đây là sự ghi nhận kịp thời, xứng đáng của Đảng và Nhà nước đối với những nỗ lực của nhà trường, đồng thời là niềm tự hào của ngành Giáo dục và Đào tạo Quảng Bình trên con đường đổi mới theo tinh thần các Nghị quyết của Đảng ■

BẦU CỬ - NGÀY HỘI DÂN CHỦ CỦA TOÀN DÂN

NGUYỄN VĂN THANH

Năm 2021, cùng với thành công rực rỡ từ Đại hội XIII của Đảng, ngày bầu cử (22/5/2021) là đợt sinh hoạt chính trị pháp lý, dân chủ sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân; thể hiện trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền làm chủ của mình qua việc lựa chọn, tìm người tài, đức để ủy thác cho họ làm “người lính vâng mệnh của quốc dân”, là “công bộc”, “người đầy tớ trung thành” cho Nhân dân, nghĩa là trao cho họ quyền hành và trách nhiệm “làm việc chung cho Nhân dân và phải làm tốt”... ra sức giữ vững nền độc lập của Tổ quốc, ra sức mưu cầu hạnh phúc cho đồng bào như Hồ Chủ tịch đã dạy.

Cuộc bầu cử Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 là kỳ bầu cử có hệ thống thiết chế pháp luật phục vụ cho công tác bầu cử hoàn thiện nhất trong lịch sử 75 năm Quốc hội nước ta. Hệ thống pháp luật ấy bao gồm: Bản Hiến pháp mới được sửa đổi năm 2013, Luật Tổ chức Quốc hội sửa đổi 2020 hiệu lực từ ngày 1/1/2021, Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi năm 2019, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 và một số văn bản, chỉ thị, nghị quyết có liên quan...

Nhân sự kiện trọng đại, ngày hội toàn dân thể hiện quyền làm chủ của mình, một trong những quyền thiêng liêng mà lúc sinh thời Hồ Chủ tịch kiên trì phấn đấu quên mình vì dân, vì nước để cho ai cũng được thực hiện quyền bầu cử, chúng ta ôn lại một vài quan điểm của Người về công tác bầu cử, ý nghĩa của cuộc bầu cử, trách nhiệm của mỗi cử tri với mong muốn: Toàn Đảng, toàn dân sẽ thực hiện thành công cuộc bầu cử Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công,

trong bối cảnh chính quyền non trẻ gặp muôn vàn khó khăn, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn đề nghị Chính phủ lâm thời tổ chức sớm cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu. Ngày 31/12/1945, Người đã viết bài nhan đề “Về ý nghĩa Tổng tuyển cử” đăng trên Báo Cứu Quốc số 130, Người đã chỉ rõ quyền bầu cử, ứng cử: “...Trong tổng tuyển cử, hễ là người muốn lo việc nước thì đều có quyền tổng cử, hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử, không phân chia trai gái, giàu nghèo, tôn giáo, giai cấp, đảng phái, hễ là công dân Việt Nam thì đều có hai quyền đó”. Về tiêu chuẩn của người đại biểu Quốc hội Việt Nam, trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Người nêu rất cô đọng và đầy đủ các đặc điểm cần và đủ của người cán bộ cách mạng: “Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân lựa chọn những người có tài, có đức để gánh vác công việc nước nhà”¹. Và trách nhiệm của những người đại biểu đại diện quyền lực của Nhân dân khi trúng cử: “Những người trúng cử sẽ phải ra sức giữ vững nền độc lập của Tổ quốc, ra sức mưu cầu hạnh phúc của đồng bào. Phải luôn luôn nhớ và thực hành câu: vì lợi nước, quên lợi nhà, vì lợi chung, quên lợi riêng”².

Ngày 5/1/1946, một ngày trước khi diễn ra cuộc Tổng tuyển cử, trước hơn hai vạn đồng bào Thủ đô Hà Nội đang mít tinh ủng hộ cuộc bầu cử, trong Lời kêu gọi quốc dân đi bỏ phiếu, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố:

“Ngày mai mừng 6 tháng Giêng năm 1946.

Ngày mai là một ngày sẽ đưa quốc dân ta lên con đường mới mẻ.

Ngày mai là một ngày vui sướng của đồng bào ta, vì ngày mai là ngày Tổng tuyển cử, vì ngày mai là một ngày đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mà Nhân dân ta bắt đầu hưởng dụng quyền dân chủ của mình.

Ngày mai, dân ta sẽ tỏ cho các chiến sĩ ở

miền Nam rằng: Về mặt trận quân sự, thì các chiến sĩ dùng súng đạn mà chống quân thù. Về mặt chính trị, thì Nhân dân dùng lá phiếu mà chống với quân địch. Một lá phiếu cũng có sức lực như một viên đạn.

Ngày mai, quốc dân ta sẽ tỏ cho thế giới biết rằng dân Việt Nam ta đã:

Kiên quyết đoàn kết chặt chẽ,
Kiên quyết chống bọn thực dân,
Kiên quyết tranh quyền độc lập.

Ngày mai, dân ta sẽ tự do lựa chọn và bầu ra những người xứng đáng thay mặt cho mình, và gánh vác việc nước.

Ngày mai, người ra ứng cử thì đông, nhưng số đại biểu thì ít, lẽ tất nhiên, có người được cử, có người không được cử.

...Ngày mai, tất cả các bạn cử tri, đều phải nhớ đi bầu cử. Ngày mai, mỗi người đều nên vui vẻ hưởng quyền lợi của một người dân độc lập, tự do”³.

Đáp lại lời kêu gọi thiêng liêng của Tổ quốc, bằng ý chí sắt đá của một dân tộc quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do vừa giành được, toàn thể Nhân dân Việt Nam từ miền xuôi đến miền ngược, từ miền Bắc đến miền Nam, từ nông thôn đến thành thị, không phân biệt gái trai, già trẻ đã dành trọn ngày lịch sử - ngày 6/1/1946: Toàn dân đi bỏ phiếu bầu cử Quốc hội. Đã 75 năm trôi qua, song từng câu, từng chữ trong “Lời kêu gọi quốc dân đi bỏ phiếu” của Người vẫn mang đậm tính thời sự cho cuộc bầu cử lần này.

Cuộc bầu cử Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 với ý nghĩa vô cùng to lớn của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta. Mỗi cử tri hãy tự giác và chủ động tham gia bầu cử, lựa chọn và bầu ra những người thật xứng đáng nhất, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân trong Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Kết quả của cuộc bầu cử sẽ góp phần quan trọng vào việc phát huy dân chủ, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi các mục tiêu,



Người dân thực hiện quyền bầu cử Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp

Ảnh: TL

nhiệm vụ đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và bền vững đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ngày hội bầu cử là ngày chọn mặt gửi vàng. Trách nhiệm và quyền lợi qua mỗi tấm lá phiếu cử tri về bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Lá phiếu của người cử tri tuy khuôn khổ nó bé nhỏ, nhưng giá trị của nó thì vô cùng to lớn. Nhân dân ta đã trải qua biết bao gian khổ, hy sinh biết bao xương máu trong cuộc cách mạng đánh đổ thực dân và phong kiến mới giành được nó. Nó chứng tỏ chế độ dân chủ và tự do của Nhà nước ta và quyền làm chủ thực sự của mỗi người công dân ta. Vì vậy, đi bỏ phiếu trong cuộc tổng tuyển cử vừa là quyền lợi quý báu, vừa là nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi người cử tri. Phải đi bỏ phiếu để tự mình lựa chọn những người xứng đáng thay mặt cho mình trong Quốc hội”⁴■

Tài liệu tham khảo:

1. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 4, tr.153.
- 2, 3. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 4, tr.166-167.
4. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 14, tr.298.

TUYÊN HÓA - VÙNG ĐẤT CỦA NGƯỜI VIỆT XƯA

TRẦN THỊ DIỆU HỒNG

Đã từng đi qua gần hết các địa danh làng xã của huyện Tuyên Hóa để sưu tầm hiện vật cho Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình, mới thấy Tuyên Hóa quả là vùng đất đã từng lưu dấu của người Việt cổ xưa. Ở bài viết này tác giả mong muốn điểm qua đến những địa danh mà người Việt cổ xưa đã từng sinh sống, tồn tại cách đây hàng chục vạn năm.

Theo các nguồn tài liệu khảo cổ học của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, có thể hình dung được diện mạo văn hóa của cư dân tiền sử, sơ sử ở vùng đất Tuyên Hóa. Trong điều kiện khí hậu nhiệt đới gió mùa, người nguyên thủy ở Tuyên Hóa phải cư trú trong các hang động, mái đá, lên núi ở phía Đông Trường Sơn. Điều kiện tự nhiên của vùng này đã làm cho hệ sinh thái ở đây phát triển đa dạng. Cư dân nguyên thủy đã quần cư thành cụm, chiếm cứ các vùng thung lũng nhỏ gần các khe suối vừa dễ dàng nương tựa vào thiên nhiên, vừa để đối phó với thiên nhiên. Hệ thống sông suối cũng là nơi để người nguyên thủy Tuyên Hóa thuận lợi hơn trong việc tiếp cận nguồn nước, tìm kiếm thức ăn tại chỗ, tìm kiếm vật liệu để chế tác công cụ thô sơ phục vụ cho săn bắn, hái lượm.

Tại hang Minh Cầm, vào năm 1922, nhà khảo cổ học E. Patte phát hiện và khai quật hang Minh Cầm ở tọa độ 17 độ 48 phút 45 giây vĩ Bắc và 106 độ 11 phút 15 giây kinh Đông. Minh Cầm là di chỉ hang động thuộc dạng mộ táng, phân bố trong dãy núi đá vôi thuộc làng Minh Cầm, xã Phong Hóa, huyện Tuyên Hóa. Hiện vật thu được là sọ của một em bé khoảng 9 tuổi, mang chủng tộc Negerito và phát hiện thêm một mảnh xương hàm của một cá thể khác thuộc chủng Mongoloit. Ngoài ra còn phát hiện thêm một mảnh xương gót chân có

vết khía song song, một mẫu xương ngón tay bị đốt thành than, xung quanh có vết thổ hoàng, một chiếc răng người bị cụt có thể do bị mài dũa, một số công cụ lao động bằng đá: rìu, bôn đá có vai, rìu tứ giác mài toàn thân, phác vật rìu, công cụ ghè đẽo bằng đá, mũi nhọn xương, lưỡi dao đá, đồ trang sức rất phong phú làm bằng xương, bằng vỏ ốc biển dùi lỗ để luồn dây đeo và được mài thành hình tròn có kích thước khác nhau, loại lớn như đồng xu có đường kính 3cm. Ngoài ra còn có hoa văn tai ở vỏ sò, hạt chuỗi bằng đá màu xanh, kích thước nhỏ hay còn có loại hoa tai hình lục giác được gia công bằng ngà. Ngoài ra còn có thêm các loại đồ gốm có miệng loe, cổ eo, xung quanh cổ được tô màu một dải thổ hoàng. Dưới dải màu là hoa văn thừng ở thân gốm. Theo E. Patte khẳng định thì Minh Cầm không chỉ là di tích mộ táng đơn thuần mà có thể khẳng định đây là một di chỉ cư trú của người nguyên thủy của cư dân thời tiền sử. Những vết tích cư trú thể hiện rõ qua tổ hợp những công cụ lao động bằng đá như rìu có vai, phác vật rìu đá và các mảnh gốm đã qua sử dụng có thể khẳng định đây vừa là di tích mộ táng vừa là di chỉ cư trú của người Việt tiền sử ở Tuyên Hóa. Việc chôn người chết tại nơi cư trú là tập tục thể hiện sự gắn kết quan hệ tình cảm gắn bó với người đã khuất, niềm tin vào một thế giới tâm linh có thể tồn tại giữa linh hồn người chết và người sống.

Kỹ thuật chế tác công cụ và đồ trang sức của cư dân Minh Cầm đã biết đến quy trình chế tác công cụ và đồ trang sức như mài, cưa, khoan, tiện, đánh bóng. Kỹ thuật chế tác công cụ đá đã ghè đẽo, tu chỉnh, mài, cưa, tra cán qua nhận diện các công cụ và phác vật, phế vật cho thấy được trình độ và kỹ thuật, quy trình chế tác của người nguyên thủy Minh Cầm đã rất

thuần thực. Các phác vật đều có hình dáng, kích thước gần với công cụ rìu, bôn. Các rìa cạnh thẳng, bề mặt cũng tương đối phẳng, chỉ cần mài qua là trở thành công cụ hoàn chỉnh. Kỹ thuật cưa, khoan, tiện thể hiện rõ ở các hạt chuỗi, vòng tay thu được. Các vỏ sò dùng làm đồ trang sức được ghè xung quanh và mài toàn thân thành hình tròn, ở giữa có khoa dùi lỗ để luồn dây đeo, một mặt cong khum, một mặt lõm, nhẵn. Đường kính khoảng 2cm đến 3cm. Đặc biệt có loại hoa tai làm bằng vỏ sò được làm nhỏ hơn có dùi lỗ để đeo cũng được mài toàn thân. Niên đại của di chỉ Minh Cầm ở vào giai đoạn sớm thuộc văn hóa hậu kỳ đồ đá mới thuộc loại hình văn hóa hang động. Niên đại trên dưới 5.000 năm cách ngày nay. Cư dân tiền sử Minh Cầm, Tuyên Hóa đã duy trì lối sống trong hang động, mái đá và các vùng sinh thái đá vôi, địa bàn cận núi, làm nơi cư trú ổn định trong một thời gian khá dài. Theo ông Đào Duy Anh: “Cùng với những đồ đá ở hang Minh Cầm, người ta đã tìm thấy di hài thuộc về giống người Negerito. Người ta cho rằng giống người ấy đã tham gia một phần vào cơ cấu nhân chủng của người Việt Nam ngày nay, vì thỉnh thoảng vẫn còn thấy người da đen, tóc quăn, như nhiều di duệ của giống người ấy chỉ còn sót lại ở một vùng hẻo lánh trên Trường Sơn thuộc thượng du”. Điều đó cho thấy trong quá trình thiên di chiếm cứ đồng bằng, những chủ nhân tối cổ của vùng đất này đã mở rộng phạm vi giao tiếp, dẫn tới quá trình biến đổi cho hỗn chủng và xen cư (Theo TS. Nguyễn Khắc Thái - Lịch sử Quảng Bình).

Hoạt động kinh tế của người tiền sử ở Minh Cầm bao gồm kinh tế chiếm đoạt, khai thác và sản xuất đa dạng. Hoạt động săn bắn hái lượm vẫn được duy trì. Manh nha của nghề thủ công đã xuất hiện đó là chế tác công cụ đá, làm gốm sử dụng trong cuộc sống và nghề chế tác đồ trang sức rất điêu luyện. Họ đã có phương thức



Hang Minh Cầm - Tuyên Hóa khảo sát di chỉ người nguyên thủy thời đại đá mới

Ảnh: D.H

hoạt động kinh tế thích ứng với môi trường sống, triệt để lợi dụng nguồn thực phẩm phong phú từ thiên nhiên như đánh bắt cá, mò cua bắt ốc có sẵn trên khe suối, sông. Săn bắn các loại thú rừng vừa kết hợp làm nương rẫy. Các dấu tích còn sót lại khá rõ trong di chỉ cho thấy hoạt động kinh tế của cư dân nguyên thủy ở đây khá phong phú, đa dạng. Thông qua các di vật tìm thấy còn cho biết khả năng giao lưu với khu vực đồng bằng và biển cũng đã có các hiện vật là vỏ sò ốc biển dùng làm đồ trang sức, các công cụ đá, gốm mang phong cách văn hóa biển Bàu Tró.

Theo điều tra cổ sinh, cổ nhân của Viện Khảo cổ học năm 2008, đã thấy nhiều hang động ở Tuyên Hóa có vết tích cổ nhân, cổ sinh. Hang Chùa Thạch Hóa có chứa nhiều hóa thạch cổ. Những dấu tích cổ nhân, cổ sinh thu thập được như ốc núi, xương, răng động vật, mảnh gốm có hoa văn thừng ở hang Tiên Giới xã Đức Hóa, hang Lèn Bàng xã Tiên Hóa, đã phát hiện nhiều dấu tích của người tiền sử. Tại Thanh Thủy, Tiên Hóa cũng đã phát hiện bộ hài cốt người, trong di mộ còn có cả đồ trang sức bằng vỏ sò được mài, khoan, xuyên dùi lỗ để làm vòng cổ đeo, hoa tai dùi lỗ một đầu để đeo như ở di chỉ Minh Cầm, một vòng đá được cưa,

mài, khoan có thể là vòng đeo ở chân làm bằng đá trắng. Cũng tại Đồng Lê, Tuyên Hóa đã phát hiện một bộ sưu tập là công cụ đá gồm rìu, bôn, chày nghiền khá nhiều. Những phát hiện này cho thấy mảnh đất Tuyên Hóa đã từng là nơi cư trú của người tiền sử thuộc hậu kỳ đá mới. Với sự phát triển cao về kỹ thuật trong chế tác công cụ, một số bộ phận cư dân nguyên thủy hang động đã mở rộng địa bàn cư trú về vùng đồng bằng, chiếm lĩnh khai phá sau đợt biển tiến và đẩy nhanh hơn nhịp điệu phát triển văn hóa của mình. Và cũng nhờ đó mà những yếu tố mới, yếu tố tiền Đông Sơn đã xuất hiện đánh dấu cho sự đóng góp của diện mạo Văn hóa Đông Sơn ở Tuyên Hóa.

Có thể nói rằng, với Văn hóa Đông Sơn, Tuyên Hóa cũng đã phát hiện được nhiều di vật để khẳng định được sự chuyển tiếp, tiếp nối từ thời đại đồ đá sang thời đại đồ đồng là liên tục. Các hiện vật được sưu tầm về giáo đồng phát hiện 1960, rìu đồng lưỡi lệch ở tại Thanh Thủy, Tiến Hóa năm 1997 và một chiếc ở Lèn Bàng phát hiện 1995; ngoài ra còn có một nồi đồng 2 mang cũng phát hiện tại Thanh Thủy, Tiến Hóa phát hiện năm 1997; một giáo đồng tại Thạch Hóa (2808/kl.741-745), rìu đồng lưỡi xéo tại Văn Hóa (2809/kl.746-753), rìu đồng cũng tại Tuyên Hóa (3240/kl.904-904) 2 chiếc. Năm 1995, phát hiện rìu đồng lưỡi xeo tại Lèn Bàng cùng thêm vòng đá và chuỗi bằng vỏ sò. Niên đại khoảng từ thế kỷ III trước công nguyên đến một vài thế kỷ sau công nguyên.

Những hiện vật được phát hiện và sưu tầm thuộc Văn hóa Đông Sơn ở Tuyên Hóa là chưa nhiều, chủ yếu là công cụ săn bắn, công cụ lao động, vật dụng trong sinh hoạt. Có khả năng những công cụ này có thể được đúc tại chỗ, cũng có thể từ nơi khác đưa đến. Đã phát hiện khuôn đúc rìu đồng tại Hóa Hợp, Minh Hóa, mà khả năng rìu đồng lưỡi lệch ở Tiến Hóa được đúc ở Hóa Hợp rồi mang về đây để sử dụng vì có sự trùng khớp khuôn đúc rìu đồng ở Hóa Hợp là khuôn đúc 2 mang, có lỗ đục và lỗ

rót, có lỗ thông hơi, bên ngoài có vết khắc lõm để đánh dấu khi ghép 2 mảnh khuôn lại khỏi bị lệch. Có thể nhờ vào sự phát triển của nghề thủ công đã làm cho đời sống vật chất của người Việt cổ ở Tuyên Hóa thời đó không ngừng nâng cao. Người Việt cổ Tuyên Hóa đã chế tác ra các nồi đồng 2 mang, kể cả nồi gốm. Trên các công cụ đã có hình dáng hoa văn hình học, cho thấy tư duy thẩm mỹ của họ đã có. Cuộc sống của cư dân đã định cư, quản tụ lại thành làng bản, tạo ra những tập tục có tính truyền thống của cộng đồng. Con người đã biết đeo trang sức bằng khuyên tai, vòng tay, chân, nhuộm răng, ăn trầu, tô màu bằng thổ hoàng... Nhìn chung, những hiện vật tuy phát hiện ít, nhưng cũng minh chứng và khẳng định cho một nền văn minh Đông Sơn bản địa đã từng hiện hữu ở Tuyên Hóa, họ đã di chuyển nhiều hướng để chiếm lĩnh địa bàn sinh sống. Các hang động mái đá là nơi trú ngụ tiếp tục để theo đuổi kinh tế tước đoạt, một số di chuyển về hướng đồng bằng ven sông, biển... Ngoài ra còn là mảnh đất đã từng hiện hữu, giao thoa của Văn hóa Sa Huỳnh ở phía Nam nên cũng có các hiện vật như vòng tai, hạt chuỗi, khuyên tai, vòng tai mang dáng dấp của Văn hóa Sa Huỳnh. Tuyên Hóa có quyền tự hào về điều đó.

Như vậy có thể nói, Tuyên Hóa là vùng đất cổ xưa của người Việt Quảng Bình. Họ đã từng sinh sống, quần cư tồn tại từ thời đại đồ đá sang thời kỳ kim khí. Cư dân tiền sử Tuyên Hóa đã có bộ mặt văn hóa và trình độ kỹ thuật như các cư dân sống ở các vùng khác của Quảng Bình. Sự ổn định về dân số và phát triển của kỹ nghệ chế tác đá, luyện kim đồng thau đã đưa nền kinh tế sản xuất của người nguyên thủy Tuyên Hóa từng bước vươn lên, cùng với đó là nền tảng xã hội văn hóa - những xóm làng định cư hình thành ở vùng núi đến thung lũng và đồng bằng ven sông. Tuyên Hóa tự hào vì đã nằm trong dòng chảy của văn minh ở Quảng Bình nói riêng và Việt Nam nói chung: Văn minh Đông Sơn - Sa Huỳnh và văn minh Đại Việt ■

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THƯ VÀ GIÁM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ CỦA ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH QUẢNG BÌNH

ThS. NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Bình

Thực hiện quy định của pháp luật, phát huy tinh thần trách nhiệm trước cử tri và Nhân dân, trong những năm qua Đoàn đại biểu Quốc hội (ĐBQH) tỉnh Quảng Bình đã chú trọng quan tâm đến các hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn thư và giám sát việc giải quyết đơn thư của công dân của các cơ quan chức năng; luôn coi đây là những nhiệm vụ hết sức quan trọng của mỗi ĐBQH nói riêng và của Đoàn ĐBQH tỉnh nói chung. Kết quả, đã tạo được nhiều chuyển biến tích cực, góp phần củng cố chính quyền và các cơ quan chức năng địa phương xử lý, giải quyết dứt điểm được nhiều vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của công dân, ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Tuy vậy, bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện các nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư và giám sát việc giải quyết đơn thư của ĐBQH và Đoàn ĐBQH tỉnh thời gian qua vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc. Công tác tiếp công dân dù đã được duy trì thường xuyên nhưng hiệu quả, tính thuyết phục chưa cao. Việc lắng nghe, trao đổi, đối thoại, giải thích, hướng dẫn cho công dân trong khi tiếp cũng như xử lý các vấn đề công dân đặt ra sau khi tiếp vẫn chưa thỏa đáng. Trong việc xử lý đơn thư, nhất là đối với các loại đơn thư khiếu nại, tố cáo còn nhiều lúng túng, nhiều lúc thiếu kịp thời. Công tác giám

sát việc giải quyết đơn thư của công dân, nhất là đơn thư do Đoàn ĐBQH tỉnh tiếp nhận chuyển cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền yêu cầu trả lời, hoặc giải quyết vẫn còn thiếu tính chủ động và giám sát gián tiếp qua văn bản là chủ yếu; việc tổ chức các cuộc giám sát trực tiếp còn ít. Mặt khác, chưa thường xuyên theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở, hoặc thiếu những giải pháp quyết liệt, chế tài áp dụng để buộc các cơ quan chức năng có thẩm quyền phải ban hành các quyết định, kết luận giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng quy định của pháp luật và giải quyết dứt điểm vụ việc, không để đơn thư tồn đọng, kéo dài, khiếu kiện lòng vòng, vượt cấp.

Trong phạm vi nghiên cứu đề tài khoa học: “Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn thư và giám sát việc giải quyết đơn thư của Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Bình trong giai đoạn hiện nay”, Đoàn ĐBQH tỉnh đã tập trung nghiên cứu làm rõ các nguyên nhân khách quan, chủ quan của những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc nêu trên và nhận thấy nổi lên một số nguyên nhân cơ bản sau:

Nguyên nhân khách quan

Một số quy định pháp luật khi mới ban hành thì phù hợp, nhưng khi đi vào áp dụng trong thực tiễn một thời gian đã bộc lộ những bất cập, hạn chế, thiếu tính khả thi nhưng chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời để phù hợp với thực tiễn. Đơn cử như chưa quy định về thẩm quyền giám sát công tác tiếp công dân của

ĐBQH; quy định về tổ chức bộ máy tiếp công dân còn bất cập; quy định về trách nhiệm xử lý đơn thư của các cơ quan của Quốc hội, ĐBQH và Đoàn ĐBQH có ở nhiều văn bản nhưng thiếu thống nhất; một số vi phạm quy định trong tiếp công dân, giải quyết đơn thư chưa có chế tài đủ mạnh để điều chỉnh, xử lý... Những bất cập trên đã gây vướng mắc trong quá trình thực hiện và trở thành nguyên nhân cơ bản tác động làm ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả các hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn thư và giám sát việc giải quyết đơn thư của ĐBQH và Đoàn ĐBQH tỉnh.

Hoạt động của ĐBQH và Đoàn ĐBQH phụ thuộc vào hoạt động chung của Quốc hội, trong đó, nhiệm vụ chính là xây dựng pháp luật, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao các hoạt động của bộ máy Nhà nước. Thực hiện các nhiệm vụ trên, hàng năm Quốc hội nói chung, Đoàn ĐBQH và mỗi ĐBQH nói riêng phải tham gia nhiều hoạt động với khối lượng công việc rất lớn và mất rất nhiều thời gian. Mỗi năm, Đoàn ĐBQH tỉnh phải tham gia 2 kỳ họp định kỳ, với thời gian có khi kéo dài trên 2 tháng; chưa tính việc ĐBQH còn phải tham gia đầy đủ các cuộc họp, hội nghị, hội thảo của Ủy ban của Quốc hội mà đại biểu là thành viên nên quỹ thời gian còn lại dành để đầu tư cho các hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn thư và giám sát việc giải quyết đơn thư rất ít.

Các điều kiện bảo đảm cho Đoàn ĐBQH để thực hiện các nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư và giám sát việc giải quyết đơn thư của Đoàn và ĐBQH chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là chưa được trang bị phần mềm cơ sở dữ liệu hỗ trợ tiếp công dân và xử lý đơn thư. Nguồn nhân lực tham mưu, phục vụ hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân của Đoàn ĐBQH còn mỏng, rất khó để nắm bắt, kiểm soát hết tình hình trong điều kiện

thiếu sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và đồng nghiệp.

Một số cấp ủy đảng và chính quyền các cấp chưa thực sự quan tâm tăng cường chỉ đạo và chưa thực hiện tốt nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết đơn thư theo chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, như quá trình tiếp công dân thiếu tuyên truyền, giải thích để công dân hiểu, chấm dứt đối với các khiếu nại, tố cáo đã được giải quyết đúng pháp luật; thiếu đôn đốc, nhắc nhở các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quan tâm giải quyết dứt điểm các vụ việc, nhất là các khiếu nại, tố cáo kéo dài, dẫn đến đơn thư tồn đọng hoặc khiếu kiện kéo dài, vượt cấp, đơn thư lòng vòng gây khó khăn cho Đoàn ĐBQH trong quá trình tiếp công dân, xử lý đơn thư và giám sát việc giải quyết đơn thư.

Nguyên nhân chủ quan

Nhận thức về vai trò, trách nhiệm trong hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn thư và giám sát việc giải quyết đơn thư của một số ĐBQH và công chức tham mưu, phục vụ thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH chưa đồng đều. Vẫn còn một số ĐBQH và công chức tham mưu, giúp việc chưa ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình trong các hoạt động này nên ỷ lại cho ĐBQH chuyên trách và chuyên viên trực tiếp tham mưu; không hoặc rất ít quan tâm tham gia các hoạt động nói trên. Bên cạnh đó, do không được tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên về kỹ năng, nghiệp vụ, phương pháp tiếp công dân, xử lý đơn thư và giám sát việc giải quyết đơn thư của công dân nên ĐBQH và chuyên viên tham mưu, phục vụ chủ yếu tự học hỏi và sử dụng kinh nghiệm để thực hiện các nhiệm vụ này, nên về cơ bản chỉ xử lý tốt những vụ việc đơn giản, đối với các vụ việc phức tạp nhiều khi lúng túng, vấp vấp là điều khó tránh khỏi.

Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, hiểu biết và chấp hành pháp luật trên mọi lĩnh vực còn nhiều hạn chế, nhất là trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức, hiểu biết cho Nhân

dân về vị trí, vai trò, thẩm quyền và trách nhiệm của ĐBQH, Đoàn ĐBQH trong các hoạt động, công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giám sát việc giải quyết đơn thư của công dân của các cơ quan chức năng, gây khó khăn và hạn chế chất lượng hoạt động của ĐBQH và Đoàn ĐBQH.

Sự phối hợp tham gia của các cơ quan chức năng ở địa phương như HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh trong các hoạt động tiếp công dân và giám sát việc giải quyết đơn thư của Đoàn ĐBQH tỉnh còn thiếu thường xuyên, hiệu quả chưa cao.

Một số công dân khi đến các điểm tiếp công dân của các cơ quan chức năng, trong đó có Đoàn ĐBQH thiếu tinh thần xây dựng, thậm chí có thái độ đối đầu với ĐBQH và đại diện các cơ quan chức năng liên quan; nhiều trường hợp không phải do thiếu hiểu biết pháp luật mà cố tình không hiểu, có biểu hiện bị kích động, lời kéo để phá rối, nói xấu Đảng, bôi nhọ chính quyền, hạ thấp uy tín cán bộ... Tuy vậy, pháp luật chưa có chế tài xử lý nghiêm đối với các trường hợp này, dẫn tới gây khó khăn, áp lực cho việc tiếp công dân của Đoàn ĐBQH nói riêng và của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị nói chung.

Việc đánh giá sát đúng, công bằng và khách quan các nguyên nhân cơ bản của tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc nêu trên đã tạo cơ sở khoa học quan trọng giúp Đoàn ĐBQH tỉnh xây dựng được hệ thống các quan điểm, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và đưa ra được hệ thống các giải pháp có tính khả thi nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn thư và giám sát việc giải quyết đơn thư của ĐBQH và Đoàn ĐBQH tỉnh trong giai đoạn hiện nay. Đặc biệt, phân giải pháp đã căn cứ tính liên kết, xuyên chuỗi giữa các hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn thư và giám sát việc giải quyết đơn thư để

đưa ra hệ thống các giải pháp chung; đồng thời, trên cơ sở tính chất, đặc điểm và yêu cầu nhiệm vụ trong từng lĩnh vực hoạt động để đưa ra nhóm các giải pháp riêng biệt.

Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn thư và giám sát việc giải quyết đơn thư của Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Bình trong giai đoạn hiện nay

Về hệ thống nhóm các giải pháp chung, đề tài đã tập trung nghiên cứu đưa ra 5 giải pháp có tác động điều chỉnh nâng cao chất lượng, hiệu quả trên cả ba lĩnh vực hoạt động, gồm: Tiếp tục quán triệt thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và các quy định pháp luật về công tác tiếp công dân, xử lý, giải quyết đơn thư và giám sát việc giải quyết đơn thư; Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của ĐBQH, vai trò của lãnh đạo Đoàn ĐBQH đối với các hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn thư và giám sát việc giải quyết đơn thư; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của ĐBQH và Đoàn ĐBQH trong các hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn thư và giám sát việc giải quyết đơn thư để cử tri và Nhân dân hiểu, hợp tác và giám sát; Tăng cường chất lượng các dịch vụ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác xử lý đơn thư và công cụ giám sát việc giải quyết đơn thư.

Giải pháp cuối cùng trong nhóm giải pháp chung là Đoàn ĐBQH cần thường xuyên quan tâm đôn đốc các cơ quan, tổ chức hữu quan ở địa phương chú trọng thực hiện đảm bảo chất lượng các nhiệm vụ, như: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật liên quan về tiếp công dân và về xử lý, giải quyết đơn thư của công dân. Nâng cao chất lượng giải quyết các vụ việc, vụ án bảo đảm đúng pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Thường xuyên phối hợp thông tin cho Đoàn ĐBQH tỉnh được biết về tình hình, kết quả tiếp công dân và giải quyết đơn thư của công dân. Tiếp

tục cải cách thủ tục hành chính trong các hoạt động tiếp công dân, xử lý, giải quyết đơn thư; chú trọng rà soát, sắp xếp, bố trí cán bộ trực tiếp làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý, giải quyết đơn thư đảm bảo đủ về số lượng, nâng cao chất lượng; thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, thông báo kết quả, rút kinh nghiệm công tác, phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh những cán bộ có vi phạm pháp luật hoặc có hành vi tiêu cực. Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên sâu, tập huấn nghiệp vụ về công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư, nhất là đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực phụ trách.

Trong 5 giải pháp trên, giải pháp “Tiếp tục quán triệt thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và các quy định pháp luật về công tác tiếp công dân, xử lý, giải quyết đơn thư và giám sát việc giải quyết đơn thư” được coi là giải pháp cơ bản, quan trọng nhất, có tính chất nền tảng, định hướng để thực hiện có hiệu quả các giải pháp tiếp theo. Ở giải pháp này, bên cạnh yêu cầu các ĐBQH và Đoàn ĐBQH tiếp tục quán triệt thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và các quy định pháp luật hiện hành, còn đặt ra yêu cầu cần phải tiếp tục nghiên cứu, rà soát, phát hiện những điểm bất cập, hạn chế, thiếu đồng bộ hoặc chồng chéo trong các quy định pháp luật để kiến nghị Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ cũng như các bộ, ngành liên quan xem xét bổ sung, sửa đổi nhằm hoàn thiện hơn nữa hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động tiếp công dân, xử lý, giải quyết đơn thư và giám sát việc giải quyết đơn thư để thuận lợi và hiệu quả trong việc áp dụng pháp luật.

Đối với nhóm các giải pháp riêng trong từng lĩnh vực hoạt động, đề tài đã đưa ra các giải pháp cụ thể, như: Đoàn ĐBQH tăng cường tổ chức giám sát trực tiếp chuyên đề về tình hình giải quyết đơn thư của công dân trên cơ sở phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức liên

quan như HĐND và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong hoạt động giám sát việc giải quyết đơn thư; Thường xuyên nâng cao kỹ năng tiếp công dân, kỹ năng xử lý đơn thư và kỹ năng giám sát việc giải quyết đơn thư, nhất là các đơn thư khiếu nại, tố cáo của các cơ quan chức năng cho các ĐBQH, Đoàn ĐBQH và đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu, phục vụ ĐBQH, Đoàn ĐBQH; Phối hợp và yêu cầu UBND tỉnh quan tâm thực hiện có hiệu quả một số công việc, như: Chỉ đạo Ban Tiếp công dân tỉnh tăng cường mối quan hệ phối hợp với Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh trong việc cung cấp thông tin, trao đổi kỹ năng, kinh nghiệm tiếp công dân; rà soát, đối chiếu các quy định để sửa đổi, bổ sung Quy chế tiếp công dân trên địa bàn tỉnh theo hướng quy định thống nhất trong toàn tỉnh về mô hình tổ chức và thành phần. Quan tâm công tác tuyển chọn cán bộ làm công tác tiếp công dân; thường xuyên chỉ đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các cấp huyện, xã và các cơ quan, đơn vị nâng cao trách nhiệm tiếp công dân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu. Quan tâm thực hiện đảm bảo quy định về chế độ bồi dưỡng cho cán bộ, công chức tham mưu các công tác tiếp công dân, xử lý, giải quyết đơn thư; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động; chú trọng chỉ đạo ứng dụng hiệu quả Hệ thống Cơ sở dữ liệu Quốc gia về khiếu nại, tố cáo trong các cơ quan, đơn vị và có kết nối với Đoàn ĐBQH tỉnh để có sự phối hợp hoạt động.

Với hệ thống các nhóm giải pháp sát hợp và có tính khả thi nêu trên, nếu được triển khai áp dụng một cách kịp thời, đồng bộ và quyết liệt sẽ góp phần làm chuyển biến nhận thức và hành động, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn thư và giám sát việc giải quyết đơn thư của ĐBQH và Đoàn ĐBQH trong giai đoạn hiện nay ■

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO SỰ THÀNH CÔNG CỦA DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

**TS. TRẦN TỰ LỰC; ThS. NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG; ThS. LÊ KHẮC HOÀI THANH;
ThS. NGUYỄN THỊ DIỆU THANH; ThS. TRẦN NGỌC THÙY DUNG;
ThS. PHAN THỊ QUỲNH TRANG**

Trường Đại học Quảng Bình

1. Đặt vấn đề

Khởi nghiệp (KN) đang là chủ đề nhận được nhiều quan tâm tại Việt Nam, nhất là trong bối cảnh quốc gia hội nhập mạnh mẽ với kinh tế thế giới. Khởi nghiệp được kỳ vọng sẽ tạo sự tăng trưởng kinh tế, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và đa dạng của xã hội, tạo ra nhiều việc làm cho cộng đồng và xã hội. Cùng với xu thế của đất nước, tỉnh Quảng Bình đã xác định doanh nghiệp là trụ cột chính để phát triển kinh tế của địa phương, KN và đổi mới sáng tạo là trụ cột chính để phát triển doanh nghiệp. Chính vì thế, tỉnh đã đẩy mạnh triển khai các nghị quyết của Chính phủ về thực hiện nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; tập trung rà soát, đôn đốc tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, qua đó tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư, đồng thời kiên quyết thu hồi các dự án chậm tiến độ. Đặc biệt, đã có nhiều chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh. Đến nay, lực lượng doanh nhân Quảng Bình không ngừng tăng nhanh. Tính đến cuối năm 2020, tỉnh Quảng Bình có 7.020 doanh nghiệp với số vốn đăng ký hơn 83 nghìn tỷ đồng, trong đó số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm tỷ lệ hơn 80%. Trong năm 2020 mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề do dịch bệnh nhưng số doanh nghiệp thành lập mới vẫn tăng, toàn tỉnh có 623 doanh nghiệp được thành lập mới với số vốn đăng ký đạt 9.743 tỷ đồng. Để nghiên cứu thực trạng nhằm có các giải pháp nâng cao sự thành công của doanh nghiệp khởi nghiệp (DNKN) trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, chúng tôi lựa chọn vấn đề nghiên cứu “Nghiên cứu, đánh giá sự thành công của DNKN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình”.

2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.1. Thực trạng phát triển doanh nghiệp, DNKN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2011-2018

Tình hình phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình được thể hiện qua bảng 1 cho thấy, số lượng doanh nghiệp không ngừng tăng nhanh, năm sau cao hơn năm trước. Trong đó, giai đoạn 2011-2014 nền kinh tế gặp nhiều khó khăn nên số doanh nghiệp tăng nhẹ, năm 2014 tăng so với năm 2011 là 1,28 lần nhưng giai đoạn 2015-2018 số doanh nghiệp tăng mạnh, năm 2018 tăng so với năm 2014 là 1,52 lần. Kết quả phân tích còn cho thấy, bên cạnh số DNKN gia nhập thị trường và quay trở lại hoạt động vẫn trong xu thế tăng, thì số lượng doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, chờ giải thể và giải thể vẫn còn ở mức khá cao.

2.2. Đánh giá thực trạng thành công của DNKN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

2.2.1. Tình hình thực hiện các mục tiêu của DNKN

Đánh giá về tình hình thực hiện các mục tiêu của DNKN cho thấy, mức độ hoàn thành mục tiêu

**Bảng 1: Tình hình phát triển doanh nghiệp, DNKN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình
giai đoạn 2011-2018**

DVT: DN, %

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Tổng số DN	2.938	3.197	3.487	3.774	4.274	4.766	5.050	5.732
DN thành lập mới	432	325	367	406	540	546	585	653
DN đang hoạt động	315	269	333	365	498	493	542	612
DN bị khóa	66	28	13	9	5	13	1	3
DN tạm ngừng hoạt động	19	11	10	17	18	30	30	30
DN đã giải thể	32	16	11	15	19	10	12	8

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư, năm 2019

kinh tế và mục tiêu chính trị đạt tỷ lệ cao nhất, trên 60% trở lên; mức độ đạt mục tiêu xã hội chỉ đạt ở mức dưới 58%, trong đó thấp nhất là DNKN năm 2011 chỉ đạt 47,7%. Đánh giá tỷ lệ DNKN đạt mục tiêu kinh doanh qua các chỉ tiêu cho thấy, tỷ lệ DNKN đạt các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính tương đối thấp, hầu như tỷ lệ này thấp hơn 50%. Số liệu khảo sát cho thấy số lượng DNKN thành lập 2013 đạt các chỉ tiêu là cao nhất, một số chỉ tiêu có số lượng DNKN đạt với tỷ lệ cao như hiệu suất sử dụng lao động là 67%, chỉ số thanh toán hiện tại là 59,4%. Số lượng DNKN thành lập 2013 đạt các chỉ tiêu là thấp nhất, một số chỉ tiêu có số lượng DNKN đạt với tỷ lệ thấp như tỷ lệ quay vòng vốn tự có là 23,2%; chỉ số nợ là 34,2%. Bên cạnh đó, đánh giá tình hình phát triển

Bảng 2: Tình hình DNKN hoạt theo loại hình doanh nghiệp giai đoạn 2011-2013

DVT: DN, %

Loại hình	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Tổng số	106	100	109	100	155	100
DNTN	20	18.9	23	21.1	29	18.7
CT TNHH	46	43.4	56	51.4	70	45.2
CT TNHH 1 TV	9	8.5	15	13.8	23	14.8
Công ty cổ phần	27	25.5	13	11.9	29	18.7
CT hợp danh	3	2.8	2	1.8	3	1.9
CT 100% vốn NN	1	0.9	0	0.0	1	0.6

Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát và tính toán của tác giả, năm 2019

Bảng 3: Đặc điểm cơ bản của người sáng lập DNKN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

ĐVT: DN, %

Loại hình	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng		Số lượng	Tỷ lệ
Tổng số	106		109		155	
1. Kinh nghiệm người sáng lập						
KN trong ngành	37	34.9	54	49.5	26	16.8
KN quản lý	25	23.6	41	37.6	53	34.2
KN Marketing	22	20.8	36	33.0	40	25.8
2. Trình độ học vấn						
Sau ĐH	3	2.8	6	5.5	9	5.8
CĐ-ĐH	96	90.6	112	102.8	122	78.7
THPT	6	5.7	7	6.4	6	3.9
Dưới THPT	1	0.9	0	0.0	2	1.3
3. Tuổi của người sáng lập						
Dưới 25	21	19.8	21	19.3	22	14.2
Từ 25-36	51	48.1	57	52.3	91	58.7
Trên 36	34	32.1	31	28.4	42	27.1
4. Người sáng lập có bố mẹ sở hữu công ty						
Rất cụ thể	3	2.8	5	4.6	11	7.1
Cụ thể	21	19.8	3	2.8	6	3.9
Trung bình	12	11.3	8	7.3	22	14.2
Kém cụ thể	14	13.2	19	17.4	9	5.8
Không có	49	46.2	67	61.5	107	69.0
5. Người sáng lập có nguồn gốc						
Dân tộc Kinh	104	1.9	109	100.0	154	99.4
Dân tộc thiểu số	2	0.0	0	0.0	1	0.6

Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát và tính toán của tác giả, năm 2019

DNKN theo địa bàn, lĩnh vực hoạt động và loại hình cho thấy, DNKN chủ yếu ở địa bàn TP. Đồng Hới; khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao và mô hình công ty TNHH và DNTN là chủ yếu.

2.2.2. Tình hình DNKN hoạt động theo loại hình

Qua bảng 2 cho thấy, trong 370 DNKN thành lập giai đoạn 2011-2013 được khảo sát, các DNKN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình có xu hướng thành lập doanh nghiệp theo loại hình công ty TNHH, kể đến là công ty cổ phần và công ty tư nhân. Loại hình công ty hợp danh, công ty TNHH 1

TV và công ty 100% vốn nước ngoài chiếm tỷ lệ thấp.

2.2.3. Đánh giá đặc điểm cơ bản của người sáng lập doanh nghiệp

Qua bảng 3 và kết quả phân tích cho thấy, các chủ DNKN có kinh nghiệm chưa cao, trong đó có kinh nghiệm thấp nhất là về Marketing. Tuy nhiên, một thuận lợi của các chủ DNKN là có trình độ học vấn từ cao đẳng, đại học trở lên chiếm tỷ lệ cao, có tuổi đời trẻ và chủ yếu là người dân tộc Kinh. Nhưng ngoài hạn chế về kinh nghiệm, một hạn chế nữa là có tỷ lệ bố mẹ sở hữu công ty chiếm tỷ lệ thấp nên gặp nhiều hạn chế trong học tập kinh nghiệm và sự hỗ trợ từ nguồn vốn, tiềm năng thị trường...

2.2.4. Đánh giá đặc điểm nguồn nhân lực của DNKN

Kết quả khảo sát về đặc điểm nguồn nhân lực của các DNKN theo cơ cấu trình độ chuyên môn có 49% lao động có trình độ sơ cấp trung cấp, 29% lao động có trình độ cao đẳng đại học, 0% lao động có trình độ phổ thông và 2% lao động có trình độ trên đại học; theo cơ cấu trình độ lao động kỹ thuật và trực tiếp sản xuất có 50% lao động chưa qua đào tạo nghề, 30% lao động đào tạo nghề tại chỗ, 10% lao động là kỹ sư, trên kỹ sư và 10% lao động là công nhân kỹ thuật; theo cơ cấu lao động quản lý kỹ thuật và quản lý trực tiếp sản xuất có trình độ từ cao đẳng, đại học chiếm 62%, có trình độ sau đại học chiếm 3%, có trình độ sơ cấp, trung cấp chiếm 19% và lao động phổ thông chiếm 16%.

Qua kết quả trên cho thấy nguồn nhân lực của các DNKN có trình độ chưa cao thể hiện qua các chỉ tiêu lao động phổ thông, lao động có trình độ sơ cấp, trung cấp, lao động chưa qua đào tạo nghề còn chiếm tỷ lệ cao; lao động quản lý có trình độ sơ cấp, trung cấp và lao động phổ thông còn chiếm tỷ lệ cao.

2.2.5. Đánh giá các đặc điểm khác của DNKN

Đánh giá về khả năng thu hút và giữ chân những người lao động có trình độ và đủ điều kiện của DNKN cho thấy, tỷ lệ khó thu hút và giữ chân lao động của DNKN là cao, chiếm 62%; ở mức trung bình chỉ chiếm 23% và ở mức dễ, rất dễ chỉ chiếm 15%. Nguyên nhân, DNKN còn gặp nhiều khó khăn nên các chế độ đãi ngộ về lương, bổng và các chính sách khác còn nhiều bất cập, khó khăn và hạn chế.

Đánh giá quy mô đội ngũ sáng lập và cổ vấn của doanh nghiệp cho thấy, quy mô có nhiều người sáng lập chiếm tỷ lệ cao, trên 62% nhưng tỷ lệ doanh nghiệp có cổ vấn chuyên nghiệp thấp chỉ chiếm gần 20%.

Đánh giá về vốn thực hiện các hoạt động cho thấy, các DNKN có tỷ lệ doanh nghiệp đủ vốn kinh doanh thực hiện các hoạt động kinh doanh thông thường và trả cho các chủ nợ chiếm tỷ lệ chưa cao, chưa đạt tỷ lệ 60% doanh nghiệp có đủ vốn.

Đánh giá mức độ cập nhật, lưu giữ hồ sơ và kiểm soát tài chính của doanh nghiệp cho thấy, tỷ lệ DNKN cập nhật, lưu giữ hồ sơ và kiểm soát tài chính rất đầy đủ và chính xác chỉ chiếm 5%; đầy đủ và chính xác chiếm 17%; trung bình chiếm 48%; không đầy đủ và chính xác chiếm 25%; rất không đầy đủ và chính xác chiếm 5%.

Đánh giá kế hoạch kinh doanh, sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp cho thấy, tỷ lệ doanh nghiệp có kế hoạch kinh doanh rất cụ thể chiếm tỷ lệ thấp, chỉ chiếm 13%, kế hoạch kinh doanh từ trung bình đến kém cụ thể chiếm gần 70%.

Đánh giá thời kỳ KN của DNKN và mức độ áp dụng phương pháp quản lý sản xuất hiện đại cho thấy, tỷ lệ DNKN trong thời kỳ phát triển và phát triển cao chiếm tỷ lệ 53%, thời kỳ phát triển thấp chiếm tỷ lệ 27%, thời kỳ không phát triển chiếm tỷ lệ 15% và thời kỳ suy thoái chiếm tỷ lệ 5%. Đánh giá về khả năng áp dụng phương pháp quản lý sản xuất hiện đại trong các doanh nghiệp cho thấy, tỷ lệ doanh nghiệp không áp dụng chiếm trên 57,3%, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO là 26,7%, áp dụng hệ thống quản lý khác chiếm tỷ lệ 16%, hầu hết các doanh nghiệp không áp dụng các phương pháp quản lý hiện đại như JIT, 5S, Kaizen, Lean.

Đánh giá kênh tiếp thị sử dụng cho thấy, tỷ lệ DNKN sử dụng kênh tiếp thị qua Webstite doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 35%; qua kênh khách hàng cũ giới thiệu chiếm 17,2%; qua kênh website thương mại, các dịch vụ quảng cáo trực tuyến chiếm tỷ lệ 27,6%, qua kênh hội chợ triển lãm, các chương trình xúc tiến thương mại chiếm tỷ lệ 13,2% và qua kênh quảng cáo trên tivi, radio, báo giấy chiếm tỷ lệ 7%.

2.2.6. Đánh giá thể mạnh của doanh nghiệp

Trong các thể mạnh liên quan đến sản phẩm và các yếu tố sản xuất sản phẩm thì các DNKN có thể mạnh lớn nhất là giá thành sản phẩm chiếm tỷ lệ 44%, kế đến là chất lượng sản phẩm chiếm tỷ lệ 35%. Tuy nhiên, thể mạnh về công nghệ/máy móc thiết bị chiếm tỷ lệ thấp nhất chỉ chiếm 1%, kế đến là trình độ chuyên môn và kỹ năng của người lao động chiếm tỷ lệ 8% và cuối cùng là thời gian giao hàng chiếm tỷ lệ 12%.

Trong các thể mạnh liên quan đến các yếu tố liên quan đến tài chính, khả năng nghiên cứu, phát triển của doanh nghiệp thì các DNKN có thể mạnh lớn nhất là giá thành sản phẩm chiếm tỷ lệ 44%, kế đến là chất lượng sản phẩm chiếm tỷ lệ 35%. Tuy nhiên, thể mạnh về công nghệ/máy móc thiết bị chiếm tỷ lệ thấp nhất chỉ 1%, kế đến là trình độ chuyên môn và kỹ năng của người lao động chiếm tỷ lệ 8% và cuối cùng là thời gian giao hàng chiếm tỷ lệ 12%.

2.2.7. Đánh giá những khó khăn, thách thức đối với sự thành công và các mong muốn của DNKN

- Những khó khăn, thách thức đối với sự thành công của DNKN

Khó khăn, thách thức lớn nhất đối với sự thành công của DNKN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình là khả năng ứng phó với sự thay đổi của môi trường kinh doanh, có 44% ý kiến đồng ý; kế đến là khả năng nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, có 40% ý kiến đồng ý. Thấp nhất, chỉ có 4% ý kiến đồng ý là công nghệ/ máy móc thiết bị; kế đến là khả năng tài chính, 5% ý kiến đồng ý và trình độ chuyên môn và kỹ năng của người lao động, có 7% ý kiến đồng ý.

- Những mong muốn DNKN muốn được hỗ trợ

Các DNKN mong muốn nhận được sự hỗ trợ lớn nhất là vốn, có 34% ý kiến đồng ý; kế đến là thuế, có 32% ý kiến đồng ý. Thấp nhất, chỉ có 11% ý kiến đồng ý là lãi suất và kế đến là thông tin về thị trường, có 13% ý kiến đồng ý.

2.2.8. Đánh giá tác động của môi trường vĩ mô đến sự thành công của DNKN

Kết quả điều tra, khảo sát đánh giá những tác động của môi trường vĩ mô đến sự thành công của DNKN theo thang đo (từ 1 - Thấp nhất, 5 - Cao nhất) cho thấy, các yếu tố thuộc môi trường vĩ mô ảnh hưởng lớn nhất đến sự thành công của DNKN là hệ thống thuế hoặc mức thuế (4.8); kế đến chính sách hỗ trợ về vốn và công nghệ của nhà nước (4.7); lãi suất và xu hướng của lãi suất

(4.6) hoặc cơ sở hạ tầng hệ thống thông tin (4.5). Các yếu tố thuộc môi trường vĩ mô ảnh hưởng trung bình từ (3.2) đến (3.5) đến sự thành công của DNKN là có đầy đủ nguồn nguyên liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, điều kiện tự nhiên phù hợp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; có đầy đủ nguồn năng lượng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; những phong tục, tập quán, truyền thống có ảnh hưởng mạnh mẽ tới các hoạt động kinh doanh; những quan tâm và ưu tiên của xã hội hay yếu tố trình độ nhận thức, học vấn chung của xã hội có ảnh hưởng mạnh mẽ tới các hoạt động kinh doanh.

2.2.9. Đánh giá mức độ ưu đãi, hỗ trợ của cơ quan nhà nước đối với các DNKN

Kết quả điều tra, khảo sát về đánh giá mức độ và hiệu quả từ những nhận ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước đối với DNKN cho thấy, tỷ lệ doanh nghiệp nhận được hỗ trợ của nhà nước là rất thấp chỉ có 32%. Trong các loại hỗ trợ thì hiệu quả cao nhất là mức ưu đãi về thuế, kế đến là mức hỗ trợ về nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao, đổi mới công nghệ và hỗ trợ phát triển thị trường, kết nối doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ với khách hàng ở trong và ngoài nước. Hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là có hiệu quả thấp nhất.

2.2.10. Đánh giá những cơ hội giúp DNKN tăng trưởng trong kinh doanh

Thị trường phát triển là cơ hội lớn nhất giúp DNKN tăng trưởng trong kinh doanh chiếm tỷ lệ 47%, kế đến là sự hỗ trợ của nhà nước chiếm tỷ lệ là 41% và thấp nhất là sự hỗ trợ của công ty nước ngoài chỉ chiếm 2%.

2.3. Đánh giá sự thành công của DNKN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình qua mô hình nghiên cứu

Kết quả của mô hình hồi quy OLS (bảng 3) cho thấy, cả 6 yếu tố đều có tác động tích cực đến thành công của DNKN, trong đó kinh nghiệm của người sáng lập là lớn nhất (0,402), môi trường bên ngoài (0,235), môi trường kinh doanh (0,161), mối quan hệ của người sáng lập (0,128), sản phẩm KN (0,117) và nguồn lực của công ty KN (0,109). Mô hình hồi quy tổng thể được viết lại như sau:

$$TCDN = 2,37 + 0,402 KN + 0,235 MTN + 0,161 MTKD + 0,128 MQH + 0,117 SP + 0,109NL$$

Từ kết quả đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thành công của KN tại Quảng Bình cho thấy, có 6 yếu tố ảnh hưởng đến thành công của KN là kinh nghiệm của người KN, môi trường bên ngoài, môi trường kinh doanh, mối quan của người KN, sản phẩm KN và nguồn lực của người KN. Kết quả nghiên cứu cho thấy, kinh nghiệm của người KN có ảnh hưởng lớn nhất đến sự thành công của các DNKN ở tỉnh Quảng Bình, điều này cũng tương tự như kết quả nghiên cứu của các nghiên cứu khác. Nguồn nhân lực và vốn đã được các nghiên cứu trước đây đánh giá là có ảnh hưởng lớn đến sự thành bại của DNKN, tuy nhiên, đối với nghiên cứu điển hình của tỉnh Quảng Bình, nguồn lực của DNKN vẫn có tác động nhưng thấp nhất.

2.4. Các nhóm giải pháp nâng cao sự thành công của DNKN

Để nâng cao sự thành công của các DNKN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình cần thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các nhóm giải pháp sau:

2.4.1. Nhóm giải pháp đối với cơ quan quản lý nhà nước

Thứ nhất, giải pháp về cải thiện môi trường kinh doanh

Chính quyền địa cấp tỉnh, huyện cần từng bước cần gỡ bỏ các rào cản trong kinh doanh; minh

bạch hóa và nâng cao hiệu quả thực thi các chính sách, trong đó đặc biệt liên quan đến việc triển khai thực hiện Nghị quyết 19-2018/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh; tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng để đảm bảo công bằng cho doanh nghiệp trong quá trình tiếp cận các nguồn lực kinh doanh.

Thứ hai, giải pháp về hỗ trợ các DNKN

Xây dựng các chương trình hỗ trợ, khuyến khích phát triển KN có định hướng trong những lĩnh vực ưu tiên; đề cao tính đổi mới sáng tạo trong các chương trình hỗ trợ KN; phối hợp bắt buộc giữa các cơ quan có chuyên môn về các cam kết hội nhập với các đầu mối cung cấp thông tin, tư vấn cho cá nhân KN, doanh nghiệp để kịp thời hỗ trợ trong những vấn đề đòi hỏi chuyên môn sâu của cán bộ đàm phán, thực thi.

Thứ ba, giải pháp về cải thiện hệ sinh thái KN

Nghiên cứu đổi mới các chương trình giảng dạy ở bậc phổ thông theo hướng đào tạo kỹ năng; hoàn thiện các chương trình đào tạo doanh nhân ở các trường đại học - cao đẳng trên toàn tỉnh; thành lập và đưa vào hoạt động có hiệu quả các quỹ hỗ trợ khởi nghiệp, quỹ hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN); xây dựng một cơ quan đầu mối tập hợp các chương trình hỗ trợ kinh doanh của chính quyền để doanh nghiệp và những người làm kinh doanh dễ dàng tiếp cận.

Thứ tư, giải pháp khuyến khích chuyển đổi hộ kinh doanh phát triển thành doanh nghiệp, hỗ trợ các doanh nghiệp mới khởi sự có thể duy trì và phát triển thành công

Tuyên truyền, tổ chức các chương trình đào tạo; có các chính sách, chương trình hỗ trợ, ưu đãi đối với các doanh nghiệp mới thành lập về tiếp cận vốn, thị trường; thúc đẩy phát triển thị trường dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, giúp cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho các doanh nghiệp, nhất là các DNVVN để giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp.

2.4.2. Nhóm giải pháp đối với các DNKN

Thứ nhất, giải pháp nâng cao năng lực các chủ DNKN

Các chủ doanh nghiệp cần trang bị tốt hơn kiến thức về tài chính và huy động vốn; thúc đẩy tài chính doanh nghiệp từ cả phía cung và phía cầu. Các doanh nghiệp cần có sự chuẩn bị sẵn sàng các yếu tố cần thiết khi KN; chủ động nghiên cứu, cập nhật thông tin về chính sách, pháp luật để kịp thời nắm bắt, tiếp nhận, tận dụng các cơ hội, ưu đãi từ chính sách và hạn chế tối đa các rủi ro trong quá trình KN.

Thứ hai, giải pháp về phát triển nguồn nhân lực trong doanh nghiệp

Doanh nghiệp KN nên lựa chọn nhân sự phù hợp với khả năng tài và phân tích khía cạnh môi trường làm việc khi lựa chọn nhân sự, các DNKN nên lựa chọn nhân sự phù hợp với đơn vị.

Thứ ba, giải pháp nâng cao hiệu quả các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công của DNKN

Các nhà sáng lập DNKN sau khi xác định được lĩnh vực KN, người KN cần chủ động tích lũy kinh nghiệm cho mình; các DNKN cần trang bị tốt hơn kiến thức về tài chính và huy động vốn để có thể tiếp cận và kêu gọi vốn đầu tư thành công; doanh nghiệp cần chủ động xây dựng các mối quan hệ đối với đối tác trong cùng ngành nhằm tạo được chuỗi cung ứng và đầu ra cho sản phẩm của mình.

2.4.3. Giải pháp đối với doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (DNKNĐMST)

Ngoài thực hiện các giải pháp trên, chính quyền các cấp cần tập trung giải quyết các vấn đề sau

để nâng cao sự thành công của các DNKNĐMST bao gồm hỗ trợ kết nối với cơ sở ươm tạo để giúp phát triển những ý tưởng thật sự có tiềm năng; khởi xướng thành lập quỹ hỗ trợ DNKN; miễn giảm thuế; hỗ trợ đào tạo, tư vấn thông tin; hỗ trợ mặt bằng sản xuất; hỗ trợ mở rộng thị trường.

3. Kết luận

Quảng Bình là địa phương có tiềm năng để phát triển doanh nghiệp nói chung, DNKNĐMST nói riêng. Trong những năm qua chính quyền địa phương đã có nhiều cơ chế, chính sách thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp. Đến nay, địa phương đã có hơn 7 nghìn doanh nghiệp với số vốn đăng ký hơn 83 tỷ đồng. Tuy nhiên, nghiên cứu đánh giá sự thành công của các DNKN qua số liệu điều tra cho thấy, số lượng DNKN thất bại, phải ngừng hoạt động, bị khóa và giải thể vẫn còn chiếm tỷ lệ cao, chiếm trên 27%. Đánh giá về tình hình thực hiện các mục tiêu của DNKN nhận thấy mức độ hoàn thành mục tiêu kinh tế và mục tiêu chính trị đạt tỷ lệ cao nhất, trên 60% trở lên; mức độ đạt mục tiêu xã hội chỉ đạt ở mức dưới 58%, trong đó thấp nhất là DNKN năm 2011 chỉ đạt 47,7%. Đánh giá tỷ lệ DNKN đạt mục tiêu kinh doanh qua các chỉ tiêu nhận thấy tỷ lệ DNKN đạt các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính tương đối thấp, hầu như tỷ lệ này thấp hơn 50%. Đánh giá sự thành công của DNKN qua mô hình nghiên cứu thì cả 6 yếu tố đều có tác động tích cực đến thành công của DNKN, trong đó kinh nghiệm của người sáng lập là lớn nhất (0,402), môi trường bên ngoài (0,235), môi trường kinh doanh (0,161), mối quan hệ của người sáng lập (0,128), sản phẩm khởi nghiệp (0,117) và nguồn lực của công ty khởi nghiệp (0,109). Từ kết quả phát tích trên, để nâng cao sự thành công của DNKN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cần thiết phải thực hiện đồng bộ, có hiệu quả nhóm giải pháp đối với các cơ quan quản lý nhà nước; nhóm giải pháp đối với DNKN và giải pháp đối với DNKNĐMST ■

Tài liệu tham khảo:

1. TS. Trần Thị Vân Anh (2016), Xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp: Nhìn từ kinh nghiệm của Hàn Quốc, *Tạp chí Tài chính*, kỳ I tháng 9/2016. Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Chính phủ (2016), Quyết định số 844/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.
3. Trần Bửu Long (2018), *Doanh nghiệp khởi nghiệp - cần hiểu đúng - có chính sách đúng để phát triển*, Kỷ yếu hội thảo khoa học Doanh nghiệp khởi nghiệp - Hướng phát triển, Nxb Công Thương.
4. Hồ Thiệu Thông Minh (2018), *Nền tảng của khởi nghiệp kinh doanh*, Kỷ yếu hội thảo khoa học Doanh nghiệp khởi nghiệp - Hướng phát triển, Nxb Công Thương.
5. Mai Thị Tuyết Nhung (2018), *Cơ hội và thách thức cho cá dự án khởi nghiệp tại Việt Nam*, Kỷ yếu hội thảo khoa học Doanh nghiệp khởi nghiệp - Hướng phát triển, Nxb Công Thương.
6. Nguyễn Thị Tuyết Như (2018), *Doanh nghiệp khởi nghiệp và chính sách hỗ trợ*, Kỷ yếu hội thảo khoa học Doanh nghiệp khởi nghiệp - Hướng phát triển, Nxb Công Thương.
7. TS. Nguyễn Hoàng Quy - Học viện Hành chính Quốc gia (2017), Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp: Thực trạng và giải pháp, *Tạp chí Công thương*.
8. Trần Dục Thức (2018), *Bảy thách thức đối với doanh nghiệp khởi nghiệp theo phong cách sáng tạo đổi mới tại Việt Nam*, Kỷ yếu hội thảo khoa học Doanh nghiệp khởi nghiệp - Hướng phát triển, Nxb Công Thương.

LỄ CHUYỂN GIAO ỨNG DỤNG KẾT QUẢ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Ngày 4/3/2021, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) tỉnh Quảng Bình tổ chức lễ chuyển giao ứng dụng kết quả đề tài, dự án nghiên cứu KH&CN cấp tỉnh cho hơn 30 đơn vị sở, ban ngành có liên quan. Tham dự lễ chuyển giao có lãnh đạo Sở KH&CN, đại diện các đơn vị được chuyển giao các đề tài, dự án KH&CN.

Tại lễ chuyển giao, Sở KH&CN đã ký kết hợp đồng chuyển giao các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh. Cụ thể phần chuyển giao kết quả đề tài, dự án cấp tỉnh gồm có 22 đề tài, dự án: “Nghiên cứu phát triển các sản phẩm hàng hóa giá trị cao phục vụ du lịch tại tỉnh Quảng Bình” được chuyển giao cho Sở Du lịch tỉnh Quảng Bình; “Nghiên cứu lịch sử thanh niên xung phong tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 1965-2015” được chuyển giao cho Hội Thanh niên xung phong và Tỉnh Đoàn Quảng Bình; “Đánh giá hiệu quả một số biện pháp can thiệp nhằm nâng cao kiến thức, thái độ thực hành về phòng chống lây nhiễm vi rút viêm gan B tại cộng đồng miền núi và ven biển tỉnh Quảng Bình” được chuyển giao cho Sở Y tế và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Bình; “Nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình trong tình hình mới” được chuyển giao cho Ban Nội chính Tỉnh ủy và Thanh tra tỉnh Quảng Bình; “Nghiên cứu các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đảm bảo an ninh du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Bình trong tình hình hiện nay” được chuyển giao cho Công an tỉnh Quảng Bình và Sở Du lịch tỉnh Quảng Bình;...

Phần chuyển giao kết quả mô hình, nhiệm



vụ sự nghiệp KH&CN gồm có 14 mô hình, nhiệm vụ, cụ thể: “Khảo sát, phân tích chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm trên sản phẩm rau, củ, quả tại các cơ sở kinh doanh rau sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Bình” được chuyển giao là Trung tâm Kỹ thuật - Đo lường - Thử nghiệm và Chi cục Quản lý Chất lượng nông lâm thủy sản Quảng Bình; “Xây dựng mô hình chăn nuôi gà rừng tại huyện Quảng Trạch” được chuyển giao là Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Lam Hà và Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Quảng Trạch; “Tập huấn kỹ thuật và xây dựng mô hình sử dụng ấu trùng ruồi lính đen làm thức ăn chăn nuôi gà” được chuyển giao là Tỉnh Đoàn Quảng Bình và Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Quảng Trạch;...

Trong thời gian tới, Sở KH&CN sẽ tiếp tục chuyển giao các giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có tính ứng dụng cao cho các sở, ban ngành và địa phương trong tỉnh để ứng dụng vào thực tế ■

V.C

NGHIỆM THU NHIỆM VỤ KH&CN: “GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC KIỂM TRA GIÁM SÁT CỦA CẤP ỦY CÁC CẤP TỈNH QUẢNG BÌNH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY”

Ngày 4/3/2021, Hội đồng Khoa học nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh tổ chức nghiệm thu nhiệm vụ: “Giải pháp nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy các cấp tỉnh Quảng Bình trong giai đoạn hiện nay”, do Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Quảng Bình chủ trì thực hiện.

Mục tiêu của nhiệm vụ là tập trung làm rõ một số vấn đề về lý luận và thực tiễn trong công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy các cấp, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm tra giám sát của cấp ủy các cấp tỉnh Quảng Bình trong giai đoạn hiện nay, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết Trung ương 5 về tăng cường công tác kiểm tra giám sát của Đảng.

Sau thời gian triển khai thực hiện (từ tháng 10 năm 2019 đến nay) với phạm vi nghiên cứu tập trung nghiên cứu thực trạng việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy các cấp tỉnh Quảng Bình từ năm 2010 đến 2019, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng công tác kiểm tra giám sát của cấp ủy các cấp trong những năm tiếp theo.

Kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ gồm: Tổng quan về công tác kiểm tra giám sát của cấp ủy các cấp; Thực trạng công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy các cấp tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2010-2019; Trên cơ sở đó nhiệm vụ



đã đề ra 5 giải pháp nâng cao chất lượng công tác kiểm tra giám sát của cấp ủy các cấp tỉnh Quảng Bình trong giai đoạn hiện nay, bao gồm: Nâng cao nhận thức về công tác kiểm tra, giám sát; Nâng cao chất lượng xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát; Nâng cao chất lượng trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của cấp ủy các cấp; Tăng cường sự phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát giữa các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy; giữa UBKT, các đoàn kiểm tra, giám sát của cấp ủy với cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, cơ quan bảo vệ pháp luật, hội đồng nhân dân, mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; Nâng cao chất lượng cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

Tại buổi nghiệm thu, các thành viên trong Hội đồng Khoa học đánh giá cao giá trị khoa học và thực tiễn của nhiệm vụ và đóng góp nhiều ý kiến bổ sung nhằm giúp cho nhiệm vụ được hoàn thiện, đầy đủ và chính xác nhất ■

T.N

Ngày 26/3/2021, Ban Tổ chức Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật (STKT) đã ra Quyết định số 45/QĐ-HTSTKT về việc ban hành Thể lệ Hội thi STKT tỉnh Quảng Bình lần thứ IX (năm 2021), Ban Biên tập Bản tin Thông tin KH&CN xin trích đăng nội dung Thể lệ Hội thi.

THỂ LỆ HỘI THI SÁNG TẠO KỸ THUẬT TỈNH QUẢNG BÌNH LẦN THỨ IX (NĂM 2021)

Điều 1. Mục đích, ý nghĩa

Hội thi STKT tỉnh Quảng Bình lần thứ IX (năm 2021) (sau đây gọi tắt là Hội thi) được tổ chức nhằm phát huy và khuyến khích các hoạt động sáng tạo của mọi tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật, thúc đẩy việc áp dụng có hiệu quả các giải pháp kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, góp phần tích cực phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Cơ quan tổ chức Hội thi

Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN), Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật, Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Bình phối hợp tổ chức. Trong đó, Sở KH&CN là cơ quan thường trực Hội thi.

Điều 3. Lĩnh vực dự thi

Tất cả các giải pháp sáng tạo kỹ thuật phục vụ sản xuất, đời sống, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh đều có quyền tham dự Hội thi. Các giải pháp dự thi đăng ký theo 5 lĩnh vực sau đây:

1. Công nghiệp, xây dựng, giao thông, thủy lợi

Sản xuất sản phẩm mới với công nghệ cao, công nghệ cải tiến để thay thế hàng nhập khẩu, cải tiến kỹ thuật các phụ tùng, máy móc, thiết bị, công nghệ... trong các ngành công nghiệp, xây dựng, giao thông và thủy lợi; Các giải pháp, phương pháp, quy trình kỹ thuật phục vụ thiết kế, thi công, cải tạo, nâng cấp các công trình xây dựng và quản lý, hợp lý hóa sản xuất

trong các ngành công nghiệp, xây dựng, giao thông và thủy lợi đảm bảo an toàn, tiết kiệm, chất lượng và hiệu quả; Các giải pháp khác có liên quan.

2. Nông - lâm - ngư nghiệp

Các giải pháp và công nghệ nuôi trồng, khai thác, bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản...; Quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật sản xuất các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và các sản phẩm công nghệ sinh học phục vụ sản xuất trong các ngành nông, lâm, ngư nghiệp; Quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt, nghiên cứu và ứng dụng các loại giống mới trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; Các giải pháp kỹ thuật, quản lý, hợp lý hóa sản xuất trong các ngành nông, lâm, ngư nghiệp; Các giải pháp khác có liên quan.

3. Giáo dục - Đào tạo, Công nghệ thông tin

Đồ chơi phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí của trẻ em; Đồ dùng phục vụ dạy và học, công nghệ giáo dục; Ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các ngành, lĩnh vực kinh tế, đời sống xã hội và quốc phòng, an ninh; Các giải pháp khác có liên quan.

4. Y, Dược, Môi trường

Cải tiến, chế tạo các thiết bị, dụng cụ y tế chăm sóc sức khỏe; Quy trình, biện pháp kỹ thuật trong sản xuất thuốc phòng, trị bệnh, phương pháp phòng, trị bệnh; Phương pháp kỹ thuật nhằm bảo vệ sức khỏe con người; Thu gom, tái chế, xử lý các chất thải rắn, lỏng, khí trong sinh hoạt và sản xuất nhằm góp phần vào

việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; Các giải pháp bảo tồn, bảo vệ, duy trì, phát triển các hệ sinh thái thân thiện, quan trọng, các loài có nguy cơ tuyệt chủng, các nguồn gen quý hiếm; Các giải pháp nhằm thích ứng, ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai và các tác động của thời tiết cực đoan; Các giải pháp kỹ thuật đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; Các giải pháp khác có liên quan.

5. Các lĩnh vực khác

Điều 4. Đối tượng dự thi

1. Cá nhân đứng tên tham gia Hội thi

Mọi cá nhân người Việt Nam ở trong nước và nước ngoài, người nước ngoài đang làm việc và sinh sống tại Việt Nam, không phân biệt lứa tuổi, thành phần, dân tộc, nghề nghiệp... có các giải pháp kỹ thuật là kết quả của hoạt động sáng tạo, sáng kiến, cải tiến và ứng dụng KH&CN trong hoạt động kinh tế - xã hội được tạo ra và áp dụng trên địa bàn Quảng Bình từ năm 2016 đến ngày nộp giải pháp dự thi đều có quyền tham dự Hội thi. Giải pháp phải được Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở thông qua trước khi tham gia Hội thi (trường hợp tác giả giải pháp dự thi là thành viên của một tổ chức).

2. Tổ chức đứng tên tham gia Hội thi

Mọi tổ chức được phép hoạt động trên địa bàn tỉnh đã đầu tư nhân lực, kinh phí, trang thiết bị để tạo ra giải pháp kỹ thuật đều có quyền đứng tên tham dự Hội thi. Trong trường hợp này, những người trực tiếp tham gia sáng tạo ra giải pháp kỹ thuật được tổ chức đứng tên dự thi đăng ký là tác giả hoặc nhóm tác giả của giải pháp kỹ thuật dự thi đó; Mỗi cá nhân, tổ chức có thể đứng tên một hoặc nhiều giải pháp dự thi. Đối với giải thưởng thuộc về tổ chức dự thi, các tác giả của giải pháp được hưởng quyền lợi do tổ chức quy định.

Điều 5. Tiêu chuẩn đánh giá giải pháp dự thi

1. Tính mới so với trình độ kỹ thuật ở tỉnh Quảng Bình

Giải pháp dự thi không trùng với giải

pháp đã được công bố trong bất kỳ nguồn thông tin nào hoặc được áp dụng ở Việt Nam và không trùng với giải pháp dự thi của người khác trước thời điểm nộp hồ sơ dự thi. Giải pháp dự thi không trùng với giải pháp đã tham dự giải thưởng Sáng tạo KH&CN Việt Nam, giải thưởng Hội thi STKT toàn quốc và các Hội thi STKT tỉnh Quảng Bình trước đây (trừ trường hợp phát triển chiều sâu hoặc hoàn thiện giải pháp).

2. Khả năng áp dụng được trong điều kiện kinh tế - xã hội, kỹ thuật của một địa phương hoặc toàn tỉnh

Giải pháp dự thi đã được áp dụng hoặc đã được thử nghiệm, sản xuất thử, hoặc chứng minh được có khả năng áp dụng và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội.

3. Hiệu quả kinh tế - kỹ thuật - xã hội

Giải pháp dự thi mang lại hiệu quả kinh tế - kỹ thuật - xã hội cao hơn so với giải pháp tương tự đã biết ở Quảng Bình hoặc Việt Nam nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, điều kiện sống làm việc của con người và an toàn xã hội.

Điều 6. Hồ sơ dự thi

Giải pháp dự thi được lập thành hai (02) bộ hồ sơ bao gồm: Phiếu đăng ký dự thi, bản mô tả giải pháp dự thi và toàn văn giải pháp dự thi thuộc các lĩnh vực khoa học - kỹ thuật ghi tại Điều 3 của Thẻ lệ này (trình bày trên khổ giấy A4).

1. Phiếu đăng ký dự thi (ghi theo mẫu gồm các nội dung

Họ và tên người dự thi hoặc tên tổ chức dự thi; Địa chỉ nơi làm việc; Địa chỉ nơi cư trú; Điện thoại liên hệ (nếu có); Nghề nghiệp của tác giả hoặc nhóm tác giả (ghi riêng từng cá nhân); Tên giải pháp dự thi; Lĩnh vực dự thi; Thời điểm tạo ra giải pháp dự thi (ghi ngày, tháng, năm); Danh sách chủ nhiệm và các thành viên, thỏa thuận của mỗi người về phần trăm đóng góp và ủy quyền cho 01 (một) người đứng ra làm đại diện dự thi nếu giải pháp do

nhóm tác giả tạo ra; Cam đoan của người dự thi về những điều ghi trong hồ sơ dự thi là đúng sự thật; Xác nhận của tổ chức cho phép dự thi nếu tác giả dự thi với tư cách cá nhân hoặc tập thể nêu tại Điều 4, hoặc xác nhận của địa phương nơi cư trú.

2. Bản mô tả giải pháp dự thi

Tên giải pháp dự thi (ghi như tên đăng ký trong phiếu đăng ký dự thi); Mô tả giải pháp kỹ thuật đã biết (nếu có), mô tả ngắn gọn các giải pháp kỹ thuật đã biết trước ngày tạo ra giải pháp dự thi, đặc biệt cần nêu rõ những nhược điểm cần khắc phục của giải pháp đó; Mô tả giải pháp dự thi, thuyết minh tính mới, tính sáng tạo của giải pháp dự thi, mô tả ngắn gọn, đầy đủ và rõ ràng toàn bộ nội dung của giải pháp dự thi. Đặc biệt, cần nêu rõ đã khắc phục những nhược điểm nào, sáng kiến cải tiến những chỉ tiêu nào của giải pháp kỹ thuật đã biết (nếu có) hoặc những sáng tạo hoàn toàn mới; Khả năng áp dụng được chứng minh thông qua các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng sản xuất thử, hợp đồng bán hàng hoặc hoá đơn bán hàng; Hiệu quả kinh tế của giải pháp dự thi là lợi ích trực tiếp có thể thu được do áp dụng giải pháp mới vào sản xuất. Có bản tính toán kinh tế so với giải pháp cũ hoặc so với những giải pháp tương tự đã biết trước đó; Hiệu quả kỹ thuật thể hiện bằng những chỉ tiêu kỹ thuật mới, tiến bộ hơn so với kỹ thuật đã biết trước đó; Hiệu quả xã hội như cải thiện đời sống, nâng cao trình độ dân trí, bảo vệ sức khỏe, điều kiện làm việc, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động...

Bản mô tả giải pháp có thể kèm theo bản vẽ, sơ đồ, hình ảnh, các tính toán minh họa và giấy xác nhận về các hiệu quả kinh tế - kỹ thuật - xã hội đạt được của các cơ quan có thẩm quyền.

3. Toàn văn giải pháp dự thi

Nêu cụ thể quá trình từ khi bắt đầu thực hiện đến khi hoàn thành giải pháp. Các tác giả

có thể gửi kèm theo mô hình, sản phẩm chế thử, sơ đồ công nghệ, ảnh chụp từ các góc độ khác nhau và các tài liệu có liên quan khác (nếu thấy cần thiết).

Lưu ý: Các tài liệu cần được trình bày rõ ràng, không tẩy xóa.

4. Các tài liệu khác (nếu có)

Điều 7. Nộp, nhận hồ sơ dự thi

1. Hồ sơ dự thi đựng trong phong bì dán kín, ngoài bì ghi **“Hồ sơ dự thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Quảng Bình lần thứ IX (năm 2021)”** và gửi tới Ban Tổ chức Hội thi STKT tỉnh Quảng Bình thông qua Sở KH&CN. Hồ sơ có thể nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện theo địa chỉ: **Phòng Quản lý Công nghệ - Sở KH&CN tỉnh Quảng Bình ; 17A Quang Trung - Thành phố Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình; Điện thoại: 0232.3824345**

2. Thời hạn nhận, xét duyệt giải pháp và trao giải thưởng Hội thi

Thời hạn nhận hồ sơ dự thi được bắt đầu từ khi công bố Hội thi đến hết ngày 30/7/2021 (ngày, tháng ghi trên con dấu của cơ quan Bưu điện nơi gửi được tính là ngày nộp Hồ sơ dự thi);

Đánh giá các giải pháp dự thi: tháng 8/2021;

Tổng kết và trao giải thưởng: tháng 10/2021.

3. Hồ sơ dự thi được tiếp nhận và lưu trữ theo nguyên tắc bảo mật cho tới ngày công bố kết quả Hội thi.

4. Hồ sơ dự thi sẽ không trả lại. Riêng sản phẩm hoặc mô hình được trả lại trong vòng 03 tháng sau khi Hội thi kết thúc nếu người dự thi yêu cầu.

5. Các tác giả tham gia Hội thi sẽ được cấp giấy chứng nhận tham gia Hội thi của Ban Tổ chức Hội thi.

Điều 8. Đánh giá giải pháp dự thi

Hội đồng giám khảo do Ban Tổ chức Hội thi quyết định thành lập để giúp ban tổ chức xem xét đánh giá các giải pháp dự thi. Mỗi lĩnh vực dự thi có một tiểu ban giám khảo chuyên

ngành gồm các chuyên gia, các nhà khoa học thuộc lĩnh vực dự thi. Việc đánh giá được thực hiện bằng cách cho điểm từng tiêu chuẩn theo thang điểm do Ban Tổ chức Hội thi quy định.

Điều 9. Giải thưởng và công nhận kết quả

Mỗi lĩnh vực dự thi có tối đa 01 giải nhất, 02 giải nhì, 03 giải ba, 03 giải khuyến khích.

Mức giải thưởng Hội thi:

Giải nhất, mỗi giải trị giá 30 triệu đồng;

Giải nhì, mỗi giải trị giá 20 triệu đồng;

Giải ba, mỗi giải trị giá 10 triệu đồng;

Giải khuyến khích, mỗi giải trị giá 5 triệu đồng.

Các tác giả đoạt giải nhất (tác giả có mức đóng góp bằng chính lao động sáng tạo của mình từ 20% trở lên) được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

Các tác giả đoạt giải (tác giả có mức đóng góp bằng chính lao động sáng tạo của mình từ 20% trở lên) sẽ được Ban Tổ chức Hội thi cấp Giấy chứng nhận đạt giải, Liên đoàn Lao động tỉnh xét đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cấp bằng Lao động sáng tạo, Tỉnh Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đề nghị Trung ương Đoàn tặng Huy hiệu tuổi trẻ sáng tạo.

Các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tuyên truyền, phổ biến, tổ chức và tham dự Hội thi, có nhiều giải pháp dự thi đem lại hiệu quả cao sẽ được Ban Tổ chức Hội thi đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

Điều 10. Kinh phí cho Hội thi

1. Kinh phí dành cho Hội thi được lấy từ các nguồn

Kinh phí sự nghiệp khoa học hàng năm của tỉnh giao cho Sở KH&CN;

Tài trợ của các tổ chức, cá nhân.

2. Kinh phí dành cho Hội thi được chi cho các nội dung

Chi thường cho các giải pháp đoạt giải thưởng, các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tuyên truyền, vận động, tổ chức và

tham gia Hội thi;

Tổ chức triển khai các hoạt động Hội thi;

Định mức chi cho các nội dung thực hiện không vượt quá mức tối đa theo các quy định hiện hành.

Điều 11. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Việc tham gia dự thi không thay thế cho việc đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp. Hồ sơ dự thi được tiếp nhận và lưu giữ như tài liệu mật cho đến ngày công bố kết quả để không ảnh hưởng tới tính mới của giải pháp.

Khi phát hiện giải pháp cần được bảo hộ (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp...), Ban Tổ chức Hội thi sẽ thông báo và tạo điều kiện giúp đỡ cho người dự thi lập hồ sơ yêu cầu được bảo hộ. Các giải pháp dự thi muốn được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp phải tiến hành đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ trước ngày công bố trao giải thưởng của Ban Tổ chức Hội thi.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

Ban Tổ chức Hội thi, Sở KH&CN, Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật, Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Bình và các sở, ban, ngành có liên quan phối hợp tổ chức.

Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố trong phạm vi quản lý của mình, có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức triển khai tham dự Hội thi. Việc chỉ đạo này cần cụ thể để Hội thi được phổ biến sâu rộng và có nhiều giải pháp tham dự Hội thi. Trong trường hợp cần thiết, các sở, ban, ngành, địa phương có điều kiện có thể tổ chức Hội thi riêng để tuyển chọn các giải pháp của ngành và địa phương mình tham gia Hội thi của tỉnh.

Điều 13. Điều khoản thi hành

Bản Thể lệ Hội thi này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, chỉ có giá trị cho Hội thi STKT tỉnh Quảng Bình lần thứ IX (năm 2021). Trong quá trình thực hiện, nếu có gì chưa hợp lý, Ban Thư ký Hội thi tổng hợp và trình Ban Tổ chức Hội thi xem xét, sửa đổi cho phù hợp với thực tế ■

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI HỘI THI SÁNG TẠO KỸ THUẬT TỈNH QUẢNG BÌNH
LẦN THỨ IX (Năm 2021)

Kính gửi: Ban Tổ chức Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Quảng Bình

A. Tôi là:
 Trình độ học vấn:
 Học hàm, học vị (nếu có):
 Quốc tịch: Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐
 Ngày, tháng, năm sinh: Dân tộc:
 Đơn vị công tác (nếu có):
 Địa chỉ nơi công tác:
 Điện thoại: Email:
 Địa chỉ nhà riêng:
 Là tác giả (hoặc đại diện cho các tác giả) của giải pháp dự thi (tên giải pháp) :

B. Hồ sơ gồm có (đánh dấu x vào mục có tài liệu):

1. Phiếu đăng ký dự thi ☐
2. Bản mô tả giải pháp ☐
3. Toàn văn giải pháp ☐
4. Mô hình, hiện vật, sản phẩm mẫu ☐
5. Giấy xác nhận của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở ☐
6. Các tài liệu khác ☐

C. Lĩnh vực dự thi

1. Công nghiệp, Xây dựng, Giao thông ☐
2. Nông - Lâm - Ngư nghiệp ☐
3. Giáo dục - Đào tạo, Công nghệ thông tin ☐
4. Y, Dược, Môi trường ☐
5. Các lĩnh vực khác ☐

D. Danh sách của các đồng tác giả

Chúng tôi có tên dưới đây là đồng tác giả của các giải pháp tham dự Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Quảng Bình lần thứ IX (năm 2021) cũng thỏa thuận về phần đóng góp của từng người, ký tên cam kết mọi quyền lợi có liên quan được tính theo phần trăm đóng góp, bao gồm:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi công tác	% đóng góp	Chức danh trong giải pháp *	Ký tên

Tôi (chúng tôi) xin được tham dự Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Quảng Bình lần thứ IX (Năm 2021). Tôi (chúng tôi) cam đoan giải pháp nói trên là do tôi (chúng tôi) nghiên cứu, sáng tạo ra và các tài liệu gửi kèm là hoàn toàn phù hợp với bản gốc mà tôi (chúng tôi) đang giữ. Tôi (chúng tôi) cam kết không vi phạm quyền Sở hữu trí tuệ của bất cứ ai. Nếu sai chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN
(Hoặc chính quyền địa phương)

....., ngày tháng năm 20...
TÁC GIẢ
 (Hoặc đại diện tác giả)

(*) Chức danh trong giải pháp là cương vị khi tham gia thực hiện giải pháp kỹ thuật: Chủ nhiệm, đồng chủ nhiệm, thành viên tham gia thực hiện giải pháp

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN, CẢI TIẾN KỸ THUẬT THAM GIA HỘI THI SÁNG TẠO
KỸ THUẬT TỈNH QUẢNG BÌNH LẦN THỨ IX (Năm 2021)**

TÁC GIẢ
Họ và tên:..... Địa chỉ:.....; Điện thoại:..... Địa chỉ liên hệ (nếu cần):..... Email:..... Fax:
TÊN GIẢI PHÁP DỰ THI
.....
MÔ TẢ GIẢI PHÁP KỸ THUẬT ĐÃ BIẾT (NẾU CÓ)
(Mô tả ngắn gọn các giải pháp kỹ thuật đã biết trước ngày tạo ra giải pháp dự thi, đặc biệt cần nêu rõ những nhược điểm cần khắc phục của giải pháp đó)
MÔ TẢ GIẢI PHÁP DỰ THI THUYẾT MINH TÍNH MỚI CỦA GIẢI PHÁP DỰ THI
(Mô tả ngắn gọn, nhưng đầy đủ và rõ ràng toàn bộ nội dung của giải pháp dự thi. Đặc biệt, cần nêu rõ đã khắc phục những nhược điểm nào, sáng kiến cải tiến những chỉ tiêu nào của giải pháp kỹ thuật đã biết (nếu có) hoặc những sáng tạo hoàn toàn mới)
KHẢ NĂNG ÁP DỤNG
(Được chứng minh thông qua các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng sản xuất thử, hợp đồng bán hàng hoặc hóa đơn bán hàng...)
HIỆU QUẢ KINH TẾ - KỸ THUẬT - XÃ HỘI
(Được đánh giá bằng cách so sánh với những giải pháp tương tự đã biết: Hiệu quả kinh tế của giải pháp dự thi là lợi ích trực tiếp có thể thu được do áp dụng giải pháp mới vào sản xuất (Có bản tính toán kinh tế so với giải pháp cũ hoặc so với những giải pháp tương tự đã biết trước đó); Hiệu quả kỹ thuật thể hiện bằng những chỉ tiêu kỹ thuật mới, tiến bộ hơn so với kỹ thuật đã biết trước đó; Hiệu quả xã hội như cải thiện đời sống, nâng cao trình độ dân trí, bảo vệ sức khỏe, điều kiện làm việc, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động...)
MÔ TẢ GIẢI PHÁP
(Có thể kèm theo hình vẽ, sơ đồ, công thức,...)

....., ngày..... tháng..... năm 20...

TÁC GIẢ

Họ và tên, chữ ký và con dấu (nếu có)